

PEARL S. BUCK

NẠN NHÂN
Buổi GIÀO
Thời

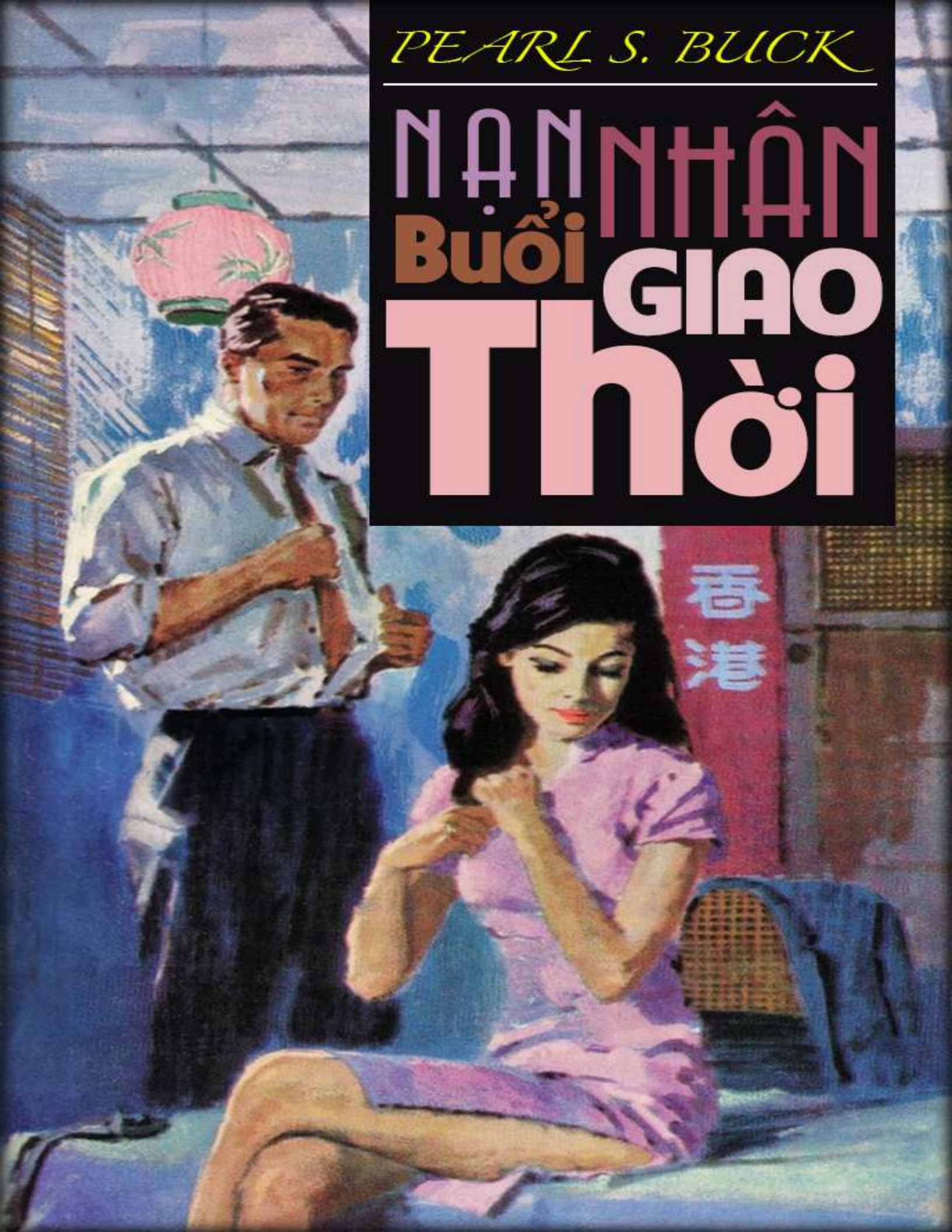


Table of Contents

TÁC GIẢ

- BÀ MẸ XƯA
- NẠN NHÂN BUỔI GIAO THỜI
- TÌNH QUÊ
- XA LỘ
- CON GHÉT, CON THƯƠNG
- NỬA ĐÊM ĐẾM CON
- MÙA XUÂN TANG TÓC
- CÁCH MẠNG VỀ LÀNG
- MỘT NGÀY MƯA
- VÌ MỘT BÔNG HỒNG



PEARL S. BUCK

**NẠN NHÂN
BUỔI GIAO THỜI**

Dịch giả: Nguyễn Hùng

NHÀ XUẤT BẢN GIÓ (1969)

TÁC GIẢ

Pearl Buck, nữ nhà văn Mỹ, được tặng giải thưởng Nobel Văn học vì các tác phẩm mô tả cuộc sống đa diện mang tính sử thi của người dân Trung Quốc trong những biến động dữ dội đầu thế kỉ XX và vì những kiệt tác tự truyện. Bà là nhà hoạt động xã hội tích cực, được coi là một chiếc cầu nối văn hóa Đông-Tây.

Pearl Buck (tên thật là Pearl Comfort Sydenstricker, có tên Trung Quốc là Trại Chân Châu) là con một nhà truyền giáo người Mỹ. Sau khi ra đời chưa đầy 5 tháng, bà đã được cha mẹ đưa sang Trung Quốc sinh sống. Từ nhỏ và suốt cả cuộc đời bà yêu mến và thích tìm hiểu cuộc sống của người dân Trung Quốc, cảm thông với những người dân địa phương bị nhiều tầng áp bức.

Năm 15 tuổi, bà được gửi trọ học tại một trường dạy Anh văn ở Thượng Hải. Năm 17 tuổi, cha mẹ cho Pearl Buck về Mỹ, học tại Trường Đại học Randolph Macon (tiểu bang Virginia). Năm 1917 bà kết hôn với một mục sư và theo chồng đi truyền giáo tại miền Bắc Trung Hoa. Từ năm 1922, bà dạy ở Đại học Nam Kinh và Kim Lăng.

Năm 1925, Pearl Buck bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên *Gió Đông, Gió Tây* (do chạy loạn Quốc dân đảng, năm 1930 mới xuất bản được). Sau đó hàng loạt tiểu thuyết nổi tiếng khác về đề tài Trung Quốc ra đời, như *Đất Lành, Những Người Con Trai, Một Nhà Chia Rẽ, Người Mẹ, Những Đứa Trẻ Chậm Lớn...* trong đó tiểu thuyết *Đất Lành* được nhận giải Pulitzer năm 1931. Năm 1933, bà được Đại học Yale tặng bằng Cử nhân Văn chương Danh dự. Năm 1938, bà được Đại học West Virginia và Đại học St. Lawrence trao tặng bằng Tiến sĩ Văn chương Danh dự.

Năm 1938 Pearl Buck nhận giải thưởng Nobel vì các tác phẩm mô tả đời sống nông thôn Trung Hoa một cách phong phú và xác thực (chủ yếu với

tiểu thuyết *Đất Lành* và hai cuốn tự truyện *Người Tha Hương* (1936) viết về người mẹ và *Thiên Thần Chiến Đấu* (1936) viết về cha của bà). Sau khi nhận giải, Pearl Buck tiếp tục sáng tác rất nhiều, ngoài văn xuôi bà còn viết kịch, kịch bản phim, tiểu luận và sách cho thiếu nhi. Bà cũng là người đã dịch *Thủy Hử* (All men are brothers) và một số tác phẩm văn học Trung Quốc sang tiếng Anh.

Trong Thế chiến II, Pearl Buck viết nhiều sách báo chính luận chống chủ nghĩa phát xít. Những năm 50, bà xuất bản một số tác phẩm về đề tài gia đình và xã hội Mỹ, kí bút danh I. Sedge. Năm 1951, Pearl Buck được bầu làm thành viên Viện Hàn lâm Nghệ thuật và Văn học Hoa Kỳ. Năm 1955, bà li dị chồng và tục huyền với giám đốc một hãng quảng cáo.

Cuối đời, bà quan tâm đến đề tài các nhà bác học nguyên tử buộc phải chế tạo vũ khí giết người hàng loạt. Đồng thời, bà tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội như: sáng lập ra tổ chức không vụ lợi Hiệp hội Đông Tây (The East and West Association, 1941) nhằm truyền bá những hiểu biết giữa các dân tộc trên thế giới; cùng chồng lập nên tổ chức Căn nhà tình nghĩa (Welcome Home, 1949) giúp trẻ mồ côi; lập ra Quỹ Pearl S. Buck (The Pearl S. Buck Foundation, 1963) và tặng cho quỹ này 7 triệu đôla.

• Tác phẩm đã dịch ra tiếng Việt:

— Gió Đông, gió Tây; Sống vì đất; Tiếng gọi đồng quê; Lá thư Bắc Kinh; Tình yêu sau cùng; Người mẹ; Nhớ cảnh nhớ người; Yêu muộn; Nạn nhân buổi giao thời; Mấy người con trai Vương Long; Đứa con người yêu; Một phút một đời; Một lòng với em; Một cuộc hôn nhân; Lưu đày; Lưu đày biệt xứ; Cánh hoa e ấp; Đông phương huyền bí qua truyện cổ thần tiên; Truyện Đông phương; Người vợ tiên; Những người đàn bà tuyệt vời trong gia đình Kennedy; Những người đàn bà trong gia đình Kennedy; Tà áo xanh; Nỗi buồn nhược tiểu; Người yêu nước; Ngoài chân mây; Hứa hẹn; Bão loạn; Mẫu đơn; Quỷ địa ngục chẳng bao giờ ngủ; Yêu mãi còn yêu; Ba người con gái của Lương phu nhân; Trái tim kiêu hãnh; Một trái tim tự hào; Biên giới tình yêu; Tình côi chân mây; Nô tì Mẫu Đơn; Đóa hoa ẩn mình;

Trang; Người thành phố; Bí mật đời nàng; Người yêu nước; Thiên Hậu;
Người cung nữ; Từ Hi Thái hậu; Con rồng linh diệu; Hạt giống của rồng;
Vương Nguyên; Đất lành; Chuyện Kinh Thánh; Những người con của tiến
sĩ Lương; Tiếng nói trong nhà; Tử thần và rặng đông; Người mẹ già; Những
mảnh hồn sâu xứ.

BÀ MẸ XƯA (THE OLD MOTHER)

Bà mẹ già ngồi vào bàn ăn với người con trai, con dâu và hai đứa cháu nội.

Bữa ăn trưa đã được chị bếp dọn. Bà mẹ ngồi yên, hai bàn tay đặt lên đùi, nhìn từng món một khi chị bếp đặt lên mặt bàn, bà cố gắng giữ vẻ thản nhiên, không nói năng gì khi thấy một món ăn bà thích nhất. Bà biết người ta không nấu nướng món ăn đó cho bà, mà đó chỉ là một chuyện tình cờ; con trai và con dâu bà thường bảo bà là họ không thể ăn được các món ăn mà bà thích vì đó là những món ăn quê mùa. Cho nên có món đậu nấu tiêu hôm nay không phải là vì bà thích món này.

Khi nhìn đĩa ăn mình thích, nước miếng tự nhiên trào ra. Bà cụ rất đói. Bà muốn cầm đũa gắp món đó cho vào chén cơm người bếp đặt trước mặt bà. Nhưng người ta đã bảo bà không được làm thế.

Phải, trong bốn năm sống với con trai và con dâu bà đã học được nhiều việc. Cho nên bà chờ đợi một cách kiên nhẫn cho đến khi con dâu chánh thức mời khi bữa ăn dọn xong:

— Mời mẹ cầm đũa.

Tuy nhiên khi con dâu đưa các món ăn cho bà mẹ gắp, nàng cố cho thấy là mỗi đĩa đều có những đôi đũa riêng, và nàng sẵn sàng để nhắc nhở bà mẹ chớ nếu bà cụ thọc đôi đũa của bà vào các tô, các đĩa thức ăn.

Thoạt tiên bà cụ lúng túng về việc dùng đũa riêng để gắp. Nhưng về sau bà cũng quen đi. Dù vậy bà vẫn thắc mắc vì suốt cuộc đời con gái rồi đến làm vợ nhà nông; bà không hề bị ai chê cười khi dùng đũa của mình gắp các thức ăn. Chỉ có con trai và con dâu của bà là hai người đã nghĩ và làm khác hơn người ta. Cả hai đều du học ở ngoại quốc về, có lẽ dân chúng ở những xứ đó còn lạc hậu, còn ăn dơ ở đấy cho nên những con trai và con dâu của

bà la hoảng lên ngày mới về khi chúng thấy bà cẩn thận liếm đôi đũa thật sạch trước khi thọc vào đĩa thức ăn để gắp.

Ban đầu khi nghe la, bà mẹ nhìn lên một cách ngơ ngác, đôi đũa còn đưa ra phía trước, ngay trên đĩa thức ăn. Bà hỏi:

— Cái gì vậy?

Bà cụ tưởng là có một vật gì trong đĩa đó, chẳng hạn như một sợi tóc hay một cây tăm.

Nhưng con trai bà kêu lên:

— Mẹ phải dùng đũa công cộng để gắp. Mẹ không thọc đũa riêng của mẹ, đôi đũa mà mẹ đã ngậm trong miệng.

Bà mẹ bất bình lắm, nói với vẻ giận dữ:

— Con sợ mẹ mắc bệnh truyền nhiễm hay sao chứ?

Khi con và dâu cố giải thích cho bà biết là có những con sâu thật nhỏ, nhỏ đến mắt thường không thể trông thấy, nhưng có thể đi từ người này qua người khác, mang theo các chứng bệnh, bà mẹ ngồi cứng ngắc, hoang mang, bán tín bán nghi. Bà lẩm bẩm:

— Mẹ không tin là mẹ có những thứ đó, mẹ không hề thấy sâu trong mình mẹ bao giờ.

Con và dâu lại cố giải thích thêm:

— Vi trùng nhỏ lắm, làm sao thấy được!

Bà mẹ liền kêu lên:

— Nếu vậy làm sao hai con biết là mẹ có những con vật đó?

Bà mẹ nghĩ là mình đã thắng nhưng cậu con trai nói với giọng cương quyết như cậu là trưởng gia đình:

— Thôi không phải nói thêm về vấn đề đó nữa! Con không muốn có những lối ăn uống dơ bẩn như thế trong nhà này.

Bà mẹ già xót xa lắm. Bà ngồi im lặng và chỉ ăn cơm lạt, không thò đũa gắp các món ăn, mặc dầu bà thấy thèm thịt cá, rau cải.

Nhờ trời bà ăn được và khi về già, sở thích độc nhất của bà là hai bữa cơm. Dù vậy, bà cũng phải tuân theo lệnh con.

Có lần bà đã bị con dâu làm dữ, cũng vì chuyện ăn uống. Chị bếp mang lên bàn ăn một tô súp dưa hường, một món ăn mà bà mẹ ưa thích. Vừa

trông thấy là bà vui mừng hơn hở.

Bà quên giữ ý nên thọc muống sành vào húp một cách thích thú. Bà vừa thọc muống lần nữa thì con dâu đứng lên, bưng tô canh đi ngay lại cửa sổ đổ hắt ra ngoài sân. Vậy là mất toi đi tô canh ngon.

Bà mẹ kêu lên:

— Coi, tại sao làm kỳ vậy?

Tức thì con dâu bĩu môi, đồng đánh:

— Chúng tôi không thể ăn đồ thừa!

Bà mẹ giận lắm. Lúc ấy bà còn đủ can đảm để nổi giận. Bà kêu lên:

— Tao không bỏ thuốc độc vào đó đâu mà bây sợ!

Nhưng con dâu tàn nhẫn:

— Cả đời mẹ không hề dùng tăm xỉa răng!

Bà mẹ đáp:

— Tao xúc miệng mỗi ngày ba lần, sáng sớm khi thức dậy và hai lần sau hai bữa cơm. Như vậy chưa đủ sao? Cả đời tao chưa nghe ai chê...

Bây giờ người con trai mới xen vào, giọng trịch thượng:

— Mẹ đừng nói về đời của mẹ! Nó xưa rồi! Ngày nay, phải đổi mới hết tất cả để người ta không còn cho đất nước này dã man nữa.

Bà mẹ không hiểu về lời lẽ của cậu con trai.

Ban đầu, khi nghe con nói, bà cụ cười khi. Bà nghĩ là con bà nghe người ta nói rồi bắt chước nói theo chứ không hiểu ý nghĩa của câu đó. Nhưng bà thấy vẻ mặt lạnh lùng và nghiêm nghị của con khi bà cười, và sự tôn kính mà khách khứa dành cho con bà, bà mẹ nín cười ngay. Thật ra thì khó cười một mình trước gương mặt nghiêm nghị của những kẻ khác.

Thế rồi về sau bà mẹ học được nhiều điều, chẳng hạn như ăn uống một cách lạng lẽ và chờ đợi người ta đem cơm và thức ăn đến cho mình.

Sau khi ăn xong chén cơm, bà lạng lẽ đứng lên đi về phòng. Nhưng đến trước cửa phòng, bà đứng lại. Thật ra thì bà hãy còn đói. Là nông dân, bà thường ăn ít nhất là ba chén cơm. Bây giờ chỉ ăn có mỗi một chén, bà thấy lưng lửng và không đủ sức. Ở quê, người ta ăn chén to, loại chén sành. Còn bây giờ con bà dùng chén kiểu, loại nhỏ mà dân ở chợ thích dùng. Cho nên bà hãy còn đói. Nhưng bà không dám ăn thật no vì bà sợ con trai của bà nữa

đùa nửa thật:

— Mẹ ăn sao giống nhà nông quá! Con chưa thấy một mệnh phụ nào ăn như mẹ. Mà mẹ có làm công lên việc xuống gì mà ăn nhiều thế.

Đó là cậu con nói đùa, bà mẹ biết rõ điều đó. Bà biết nó không tiếc gì với bà. Bởi vì tiền lương dạy học của con bà mỗi tháng nhiều bằng cha mẹ cậu cày cấy trong một năm.

Không, con bà không tiếc gì với bà. Nó chỉ xấu hổ vì bà thôi, khi con bà mời khách tới nhà ăn tiệc, chúng luôn luôn nói khéo để bà ăn riêng một mình trong phòng bà. Dù vậy, ít ra bà cũng ăn uống được tự do hơn.

Còn bây giờ đây, bà hãy còn đói. Bà âm thầm trở ra, vòng cửa sau, đi ngang qua sân gạch, xuống nhà bếp.

Bà mỉm cười với đám bồi bếp rồi lấy một chén xúc đầy cơm trong nồi gần đây. Bà đến bên bàn, nơi thức ăn dành cho bồi bếp. Dĩa đậu nấu với tiêu hãy còn đó. Nhưng bà không dám động tới vì hãy còn ít, và đám bồi bếp không muốn bà ăn bớt khẩu phần của họ. Bà đành lấy một ít cái bắp xào vì thứ này còn dư nhiều.

Rồi bà trở về phòng, không dám ngó đám bồi bếp và sợ đụng đầu con trai hay con dâu. Về đám bồi bếp, bà biết là chúng không muốn bà động đến phần ăn của họ, nhưng chúng thương hại bà cho nên dễ dãi với bà. Mặc dầu thích chế nhạo bà, chúng vẫn ngấm ngầm binh bà trước thái độ xấc láo của bà chủ.

Về phòng, bà nhẹ rón rén đóng cửa gài then lại rồi ngồi xuống ăn ngon lành. Bà ăn ngấu ngiến đến hột cuối cùng và đứng lên, cẩn thận lau chén dĩa ngay trong phòng để tránh cho bồi bếp khỏi nhọc mệt thêm.

Ăn hết chén cơm, bà đến một tủ nhỏ bằng thiếc đặt trên bàn, mở lấy một ít cơm nguội mà bà để dành từ hôm qua. Bà ăn nốt nắm cơm đó, nhai thật kỹ. Bà có thói quen cất những thức ăn mà bà có thể lấy được vào trong tủ thiếc để phòng khi đói giữa hai bữa ăn.

Ăn xong, bà ngồi lấy móc tai xỉa răng.

Một lúc sau, bà đứng lên, mở cửa nhìn ra ngoài. Bà muốn gặp hai đứa cháu nội. Bà không dám gọi chúng trước mặt con dâu vì con dâu không muốn cho chúng vào phòng bà nội chúng. Khi bà cụ phàn nàn thì con dâu

nói:

— Mẹ không bao giờ mở cửa sổ. Phòng mẹ kín mít, không khí trong phòng không tốt cho mấy đứa nhỏ. Mẹ lại giữ áo quần cũ kỹ, ẩm nước. Chuột bọ đầy phòng vì mẹ có tật tích trữ đồ ăn.

Bà mẹ già nói:

— Quần áo đó là vết tích của ba xấp nhỏ. Lại nữa, quần áo đó hãy còn tốt, không nõ vứt đi. Quần áo cũng như thức ăn, không nõ vứt đi. Nếu con mà già như mẹ thì con sẽ biết cái nghèo tới bất thành hình, mình không thể ngờ được.

Nhưng con dâu cười lạt, nụ cười lạnh như tiền. Và mỗi khi thấy hai đứa bé mò đến phòng bà nội chúng thì nàng dâu ra lệnh cho chị vú đến bắt đi.

Cho nên bà cụ phải mở cánh cửa và chờ đợi hai đứa cháu nội lén lút tới chơi với bà. Mà hai đứa bé dễ thương, hấp dẫn làm sao! Chúng nó mập và thơm lạ lùng. Bà cụ thích chúi mũi vào cổ chúng khiến chúng nhột và cười ré lên. Khi con dâu sanh hai đứa bé ra, bà cụ lấy làm vui sướng. Bà yêu trẻ con. Mặc dầu thừa trước bà lấy chồng nghèo, làm không đủ ăn, nhưng lúc nào bà cũng mở rộng hai tay đón tiếp tất cả trẻ con tới nhà bà. Bà nuôi hết tất cả những đứa trẻ em nhà nghèo đến tá túc, trừ một năm thất mùa, nhà không đủ ăn, bà mẹ chồng phải ra lệnh cho bà không được nuôi các trẻ em nghèo. Năm ấy có rất nhiều người chết vì nạn đói.

Trong ba người con của bà, người con trai bà đang sống chung là người con duy nhất còn lại. Người con trưởng nam chết vì bệnh thiên thời cách đây tám năm.

Người con thứ ba là một cô gái lấy chồng nghèo ở trong làng và không chắc thẳng rẽ chịu rước bà về ở chung trong nhà.

Do đó, bà cụ chỉ còn có một người con trai duy nhất. Nhưng bù lại, người con trai đó được bà và chồng bà xem là đứa con đẹp nhất nhà.

Ngay từ lúc còn bé, nó đã tỏ ra khéo léo và cứng đầu hơn hết. Hai vợ chồng bà thường bảo nhau là phải cho đứa bé học đến nơi đến chốn để nó trở nên nhà thông thái.

Khi cậu bé lên mười, cha cậu đưa cậu đến trường của người ngoại quốc ở gần làng cho cậu ăn học. Cậu bé học tại đó trong mười năm. Vì trường

dạy giỏi và học phí nhẹ nên hai vợ chồng cứ để cậu bé học ở đó, không quan tâm đến việc cậu bé phải theo học một tôn giáo của người ngoại quốc. Nhà trường chu cấp tất cả cho học sinh.

Vào dịp Tết và mấy tháng hè, cậu bé về nhà nghỉ ngơi. Nhưng chỉ một vài năm đầu thôi, còn về sau, cậu không về nhà nữa vì cậu trở nên người kẻ chợ, không thích về nhà quê.

Thế rồi người ngoại quốc lại nhét vào đầu cậu bé ý nghĩ đi ra hải ngoại để tiếp tục học hành. Họ còn giúp cậu một số tiền, nhưng số tiền đó hãy còn chưa đủ. Bà cụ nhớ ngày cậu bé về nhà một cách bất ngờ, cậu ra ngay ngoài đồng giữa lúc hai vợ chồng bà đang cấy mạ, cậu bảo:

— Mẹ ơi, con sắp đi ra nước ngoài để học thêm. Nhà trường cho con một ít tiền, nhưng không đủ. Con muốn xin mẹ và cha giúp thêm cho đủ tiền học. Sau này, cha mẹ già yếu, con sẽ lo cho cha mẹ đầy đủ. Cha mẹ khỏi phải lo ngại.

Ban đầu hai vợ chồng bà hết sức ngạc nhiên về câu chuyện đi học ở nước ngoài. Nhưng sau khi bàn luận với nhiều người trong làng, hai vợ chồng bà nghe người ta bảo: “Có nhiều người đi học ở ngoại quốc và khi trở về, họ lãnh lương rất cao. Nếu hai ông bà cho nó đi học ở nước người, sau này hai ông bà không phải làm lụng khi về già”.

Hai vợ chồng nghe hữu lý liền đồng ý để cho con đi ngoại quốc. Hơn nữa, lúc đó con trai lớn bà hãy còn sống và có một cửa hàng ở tỉnh. Công việc buôn bán cũng khá, đủ sức nuôi tiểu gia đình của nó.

Hai vợ chồng cho cậu bé xuất ngoại, và cũng không tìm cho cậu một cô gái xứng đáng, để hứa hôn trước khi cậu đi như tục lệ bấy giờ. Bởi cậu bé đó có vẻ trí thức và bướng bỉnh, còn hai vợ chồng bà thì quê mùa, ngu dốt, không đủ sức để thuyết phục đưa con hay chữ.

Thế rồi người con của bà đã tự do kết hôn theo kiểu người dân ở chợ, không cần hỏi qua ý kiến cha mẹ. Cậu đã lập gia đình trong khi du học ở ngoại quốc. Đó là một người đàn bà trắng xanh, kiêu cách, chịu khó trải thảm trên gạch treo màn nơi cửa sổ, tắm con mỗi ngày làm như chúng nó dơ bẩn ghê gớm lắm vậy!

Hai năm trước khi cậu quý tử về, chồng bà mất. Một người vạm vỡ như

chồng bà chết một cách bất ngờ vào một mùa đông lạnh lẽo. Ông than đau nhức ở ngực và trước khi bà gọi y sĩ tới thì ông chết. Bà phải lo an táng ông, nào quan tài, tang lễ, đủ mọi chi phí. Bà phải bán một ít đất vì tất cả tiền dành dụm được phải gửi ra ngoại quốc cho con ăn học.

Khi chồng nằm xuống, bà mẹ trợ trợ một mình, không đủ sức canh tác tất cả đất đai cho nên bà bán lần hồi. Bà kéo về cho ông một áo quan tốt và điều bà hài lòng là mua cho ông một áo mới màu xanh để mặc trước khi tẩm liệm. Chiếc áo đó đẹp hơn tất cả những chiếc áo mà chồng bà đã mặc lúc còn sống.

Mùa thu năm ấy, con trưởng nam bà mất. Vì không có con nên con dâu của bà trở về nhà cha mẹ ruột. Bà cụ chỉ còn có mỗi một đứa con duy nhất. Và khi nó viết thư về xin thêm tiền, bà bán miếng đất cuối cùng đem tiền đưa cho người ngoại quốc nhờ họ gửi cho con bà.

Có một lần người láng giềng bảo bà cụ:

— Lẽ ra thì bà không nên bán đất vì dù cho con ruột đi nữa, chúng nó sẽ không thương một bà mẹ trắng tay.

Nhưng bà cụ không sờn lòng, bà nói:

— Con tôi là quý tử. Tôi không lo nó đối xử xấu với tôi. Hơn nữa đất này là của nó. Nó đang cần tiền thì tôi bán đất gửi tiền cho nó. Riêng về tôi thì tôi không lo. Bởi vì nó có hứa là sẽ săn sóc bảo bọc cho tôi không thiếu món gì. Chắc chắn là tôi phải có chỗ ở trong nhà của nó.

Vừa nói bà vừa cười vui vẻ vì lúc nào bà cũng tin tưởng nơi lòng hiếu thảo của con bà.

Nhưng bây giờ thì bà thở dài khi nghĩ đến những lời nói ngày xưa của bà. Bây giờ bà đang ở trong nhà con của bà. Ngôi nhà thật đẹp. Khách khứa đến chơi đều khen ngôi nhà cất theo lối ngoại quốc, đẹp ời là đẹp. Nhà có lầu, và từ dưới lên trên có một thang lầu, nhưng con và dâu để bà ở tầng dưới vì bà không đủ sức lên thang lầu, và nếu bà có rón trèo lên đó thì khi trở xuống phải có người dìu bà.

Những khi chúng không muốn ở chung với bà thì vợ chồng con cái rút lên lầu, bỏ bà ở tầng dưới một mình.

Bà rất hiểu con trai và con dâu bà. Chúng ngỡ bà già cả, lẩm cẩm không

đủ thông minh để hiểu tâm địa của chúng, nhưng mà bà hãy còn sáng suốt để hiểu biết những gì sâu kín nhất trong lòng chúng.

Bỗng hai đứa nhỏ bước ngang phòng bà cụ. Hai đứa bé vừa thức dậy, mát mẻ, hồng hào. Bà thấy chúng ngồi trên sàn gạch, đùa nghịch với món đồ chơi. Cả hai đều là con gái.

Khi đứa bé thứ hai mới sanh, bà cụ nói với người con:

— Phải được con trai thì hay quá!

Nhưng người con xẵng giọng:

— Chúng con không nghĩ như mẹ. Đời bây giờ con trai con gái cũng y như nhau!

Bà mẹ cười lặng lẽ một mình khi nghĩ đến lời con nói. Phải rồi, nếu mọi người đều sanh con gái thì lấy đàn ông đâu mà nối dõi tông đường?

Phải có con trai con gái đầy đủ mới được. Đồ ngu!

Khi nhìn ra ngoài lần nữa, bà thấy đứa bé nhìn bà. Bà mỉm cười với nó. Phải nhìn nhận hai đứa bé đó xinh nhất trong đám trẻ con và trong hai đứa nó bà cụ yêu đứa nhỏ hơn. Bà háo hức muốn bế nó vào lòng. Bà muốn chúi mặt già nua, nhăn nheo của bà vào cổ mềm mại thơm tho của con bé. Bà khẽ tặc lưỡi với đứa bé. Nó nhìn bà một cách do dự.

Bà cụ liền nạy ra một sáng kiến. Bà đứng lên, đi về phía mấy cái tủ con bằng thiếc của bà. Bà tìm thấy trong đó một mẩu bánh nhỏ mà bà đã cắt có lẽ cách đó mười ngày. Có một lớp mốc bên ngoài, nhưng bà thôi cho nó bay đi và lấy tay chà sạch. Rồi bà lặng lẽ đưa mẩu bánh đó ra dụ con bé.

Nó nhìn chiếc bánh và đứng lên, tập tễnh bước về phía bà nội. Con bé mới học đi nên bước một cách khó khăn. Nó đưa bàn tay tới trước để với lấy cái bánh. Bà cụ đón lấy đứa cháu nội, trao cho nó cái bánh. Nó ăn một cách trịnh trọng. Bà cụ khép cánh cửa lại, ngồi lên giường, bế cô bé vào lòng, chúi mũi vào cổ nó. Bà nựng nịu cháu trong vòng tay. Chao ôi! Cháu cưng của bà đây! Cháu cưng của bà đây!

Nhưng người ta đã dạy trẻ con ghét bà. Đúng vậy! Đứa bé kia, bị bỏ rơi một mình; đến mét với mẹ nó. Thế rồi bỗng nhiên cánh cửa vụt mở và con dâu đi nhanh vào. Nàng nói rất tử tế, nhưng với giọng lạnh như tiền:

— Thừa mẹ, đến giờ cháu phải ra vườn.

Bỗng thấy một chút bánh dính trên môi đứa bé, nàng dâu kêu lên, quên cả giữ gìn:

— Mẹ cho nó ăn gì vậy?

Bà cụ cố trả lời thật bình tĩnh vì một mẩu bánh nhỏ có hại gì đâu.

— Một miếng bánh nhỏ...

Con dâu vạch miệng đứa nhỏ, kêu lên:

— Bánh hạnh nhân!

Rồi nàng mím môi; không nói thêm một tiếng, bế đứa bé ra ngoài một cách vội vàng khiến nó hoảng sợ khóc ré lên.

Bà mẹ già ngồi xuống, trong lòng hết sức bất bình. Bà tự cho mình không có lỗi lầm gì. Dù vậy, vì quen nhịn nhục trong bốn năm qua, bà có cảm tưởng như mình có làm điều gì sai quấy. Bà ngồi nói lái nhải một mình, trong phòng. Cho cháu một mẩu bánh ngọt đâu có gì đáng tội!

Trong khi nói lảm bảm, bà nghe có tiếng động. Trước cửa phòng, đứa cháu lớn hãy còn đứng đó, bà cụ quên câu chuyện lộn xộn vì mẩu bánh vừa qua, mím cười và đưa tay ngoắt. Nhưng đứa bé lắc đầu rồi bỏ đi. Bà cụ buông tay xuống thở dài “chúng nó cũng dạy con ghét nội nữa, phải không?” và bà cười như mếu.

Đứa bé ngồi xuống tiếp tục chơi, quay lưng về phía cụ. Thình thoảng nó quay lại, nhìn trộm bà nội nói.

Đêm đó, đứa cháu nhỏ phát bệnh! Không biết có phải vì ăn mẩu bánh nhỏ kia hay không. Con dâu thức sáng đêm sẵn sóc cho nó. Con trai của bà cụ cũng mất ngủ. Tới sáng, đứa bé đỡ nhiều và ngủ được.

Bà mẹ già hỏi thăm đám bồi bếp, bà thấy nhẹ lo khi hay tin cháu bà đã hết bệnh. Trong đêm, bà thấp thỏm lo sợ vì tiếng động xôn xao trên lầu.

Sau đó, khi vào phòng ăn, bà chỉ gặp người con trai. Bà nói:

— Con bé đỡ rồi phải không? Trẻ con nào lại không có những lúc ươn yếu như vậy! Mẹ nhớ khi con còn bé...

Nhưng người con ngắt lời bà cụ. Bà thấy rõ là cậu ta có việc muốn nói với bà. Mặt cậu tái xanh, có vẻ giận dữ.

Tự nhiên bà cụ không ăn được nữa. Bà đặt đũa xuống nhìn thẳng vào mặt con. Bà cố nhớ nó là con trai bà, đứa con thứ, bà cũng cố nhớ, khi nó

còn là một đứa bé sơ sinh khóc lóc đòi bú. Nhưng bà không thể nghĩ như vậy được. Bà có cảm tưởng là con của bà lúc nào cũng là một nhà trí thức, luôn luôn hãnh diện vì sự học cao hiểu rộng của mình, trịnh trọng trong bộ đồ ngoại quốc và đôi kính gọng vàng đeo trên mũi. Con bà là một người nghiêm khắc, không hề mỉm cười và bà cảm thấy sợ nó một cách tuyệt vọng. Lúc đó, bà muốn con dâu có mặt bên cạnh để nó ngăn chặn con bà lại, không để cho nó nói những câu tàn nhẫn, phũ phàng với bà. Nhưng trong phòng ăn chỉ có hai người, hai mẹ con bà. Người con đã cẩn thận cho chị bếp xuống nhà dưới... Nó sẽ làm gì đây? Nó sẽ giết mẹ nó chăng?

Người con nói:

— Con không muốn bắt công. Con biết bốn phận của con. Và mẹ có một chỗ ở trong ngôi nhà của con. Nhưng mà nếu mẹ ở đây thì mẹ phải làm như con bảo, mẹ không được nuông chiều hai đứa nhỏ. Con có trách nhiệm với chúng nó. Hôm qua, mặc dầu con đã năn nỉ với mẹ từ lâu, chúng con bảo mẹ đừng bao giờ cho chúng nó những mẩu bánh mứt meo mẹ cất giấu trong phòng, làm như là chúng con bỏ đói mẹ không bằng...

Người con nín lại một lúc để dẫn cơn nóng. Rồi tiếp tục nói, giọng lạnh hơn trước:

— Vậy mà mẹ đã cho con bé ăn một món mà ngay lúc tươi tốt chính con cũng không cho nó ăn. Đêm qua nó đã bệnh.

Bà cụ lái nhai:

— Chỉ có một chút xíu bánh mà, dữ hông!

Người con gắt lên:

— Nhưng chúng con yêu cầu mẹ không được cho chúng nó bất cứ món gì!

Bỗng nhiên bà mẹ già khóc òa lên. Bà không chịu đựng được nữa. Bà khóc to lên và kể lể:

— Để tôi đi! Tôi không thể ở đây được! Tôi phải đi....

Người con kiên nhẫn chờ cụ bình tĩnh lại, nói:

— Mẹ nên hiểu biết một chút. Bây giờ mẹ đi đâu? Ai chứa chấp mẹ?

Bà cụ kêu lên một cách giận dữ:

— Tôi có thể tới nhà con gái tôi. Phải, tôi đi ra khỏi nhà này. Tôi làm

thuê làm mướn cho thẳng rẽ tôi. Tôi hãy còn mạnh, tôi có thể lên đồi hái củi, mót lá, đi hốt phân hay trông nom mấy đứa nhỏ, lau nhà, nhóm lửa. Tôi có thể làm lụng kiếm cơm qua ngày!

Nhưng người con cười, cay đắng:

— Mẹ tưởng là con không nghĩ tới chuyện đó? Năm ngoái, con đã viết thư, chịu tiền cho tụi nó nuôi mẹ. Nói thật mà nghe, vợ con không muốn mẹ ở chung trong nhà, bởi vì mẹ không chịu học hỏi để hòa mình với nếp sống mới. Nhưng nhà tụi nó đông trẻ con không thể rước mẹ về ở chung được.

Khi nghe những lời này, bà mẹ bỗng trở nên im lặng. Trước đây, mỗi khi bà giận con trai hay con dâu, bà thường nói với đám bồi bếp và ngay cả khách khứa hay những người bán dạo là bà còn một đứa con gái có đất vườn ở quê, bà có thể đến ở với nó nếu bà không thích ở đây với con trai và con dâu. Nhưng bây giờ thì bà không còn nói như thế được nữa. Nếu bà nói như vậy, con trai bà sẽ chê cười bà hơn. Vì nó đã chịu gởi tiền cho người ta để tống khứ bà đi, nhưng người ta không nhận. Bà cúi gằm đầu xuống lắng tai nghe người con nói tiếp:

— Má thấy không, vợ con là người có học, là người văn minh, còn mẹ là người quê mùa dốt nát. Con có thể nói sự thật ra đây vì chỉ có hai mẹ con mình trong phòng. Con của chúng con phải được giáo dục theo thời buổi tân tiến. Con muốn như vậy. Nhà cửa con cũng không thể giống ngôi nhà cũ của mẹ. Bây giờ không ai khạc nhổ tứ tung dưới đất, cũng không cho gà vịt chạy tùm lum vô trong nhà! Con của chúng con không thể ăn vặt những món mà ngày xưa mẹ đã cho con mẹ ăn.

Bà mẹ kêu lên:

— Chính con cũng là con của mẹ.

Nhưng người con lạnh lùng đến độ tàn nhẫn:

— Nhưng con không muốn chỉ còn có ba đứa con trong khi sanh tới bảy lần như mẹ.

Đến đây bà mẹ vươn mình lên trừng mắt nhìn con, giọng nghẹn ngào:

— Trời ơi! Mày buộc tội mẹ mày giết con hả?

Người con không giữ được bình tĩnh nữa, gằn giọng:

— Con buộc tội mẹ về sự ngu dốt và không chịu học hỏi!

Cậu đứng lên vì không còn gì để nói. Cậu sắp sửa bước ra khỏi phòng bỏ bà mẹ lại một mình để ngẫm nghĩ về những lời cay đắng đó. Bà phải nói một câu cho con bà biết phản ứng của bà.

Với giọng run run, bà nói:

— Được rồi! Tao có thể chết cho vừa ý mày với vợ mày. Tao sẽ treo cổ...

Người con quay lưng lại. Cậu nhìn bà mẹ với đôi mắt giận dữ. Cậu thấy rõ nét mặt đau đớn đến cực độ của bà mẹ:

— Mẹ nói như vậy với con! Mẹ dám nói như vậy với con! Mẹ làm liều như vậy là mẹ làm xấu con. Thiên hạ sẽ đồn rùm cả lên là con ăn ở bạc ác để mẹ ruột phải treo cổ chết ngay trong nhà!

Cậu bấm chuông, người tớ gái nhanh nhẹn chạy vào.

Người con cố nói với giọng tự nhiên, vừa lạnh lùng cương quyết:

— Bà cụ cần có một người ở kề cận. Dạo này bà cụ yếu trong mình, đâm ra lẩm cẩm. Chị hãy kiếm cho tôi một người chuyên môn nuôi bệnh ở luôn trong nhà, ở ngay trong phòng bà cụ, ở cả ngày đêm. Tôi trông cậy nơi chị về việc này.

Người tớ cúi đầu lui ra.

Đây không phải lần đầu tiên tôi tớ trong nhà nghe to tiếng. Chúng có thể nghe mà không cần phải áp tai vào lỗ khóa. Chúng biết rõ những việc xảy ra trong ngày. Nhưng người tớ gái hài lòng vì thái độ của ông chủ. Đã nhiều lần chị than phiền với ông chủ và bà chủ là bà cụ còn rắc rối hơn cả hai đứa bé, cho nên phải cần mượn thêm một người chuyên môn săn sóc bà cụ cũng như chị vú lo trông nom hai đứa bé. Khi nghe ông chủ ra lệnh tìm mượn thêm người, chị ta nghĩ ngay đến cô em ăn không ngồi rồi và lấy làm vui vẻ.

Bà mẹ nhìn người tớ gái, than thân trách phận:

— Mình muốn chết phứt cho rồi nhưng người ta cũng không cho mình chết!

Bả lão đảo đi về phía chị ở như một đứa bé đi tìm sự an ủi của một kẻ khác trong lúc đau khổ ê chề!

Người tớ dìu bà cụ ngồi xuống ghế, nói mấy tiếng an ủi lấy lệ:

— Thôi cụ đừng buồn. Cụ nên nghĩ lại. Cậu nhà là một người con chí

hiếu. Cậu lo cho cụ thật hết sức đầy đủ. Chỗ ăn, chỗ ở, quần áo, đâu đó
đàng hoàng, cụ còn than vãn gì nữa. Cụ rất có phước vì có một người con
hiếu. Ai cũng bảo như vậy.

NẠN NHÂN BUỔI GIAO THỜI (YUAN'S FIRST WIFE)

Ngày hôm ấy, ông lái trà chờ đợi đứa con trai độc nhất du học ở ngoại quốc trở về nhà. Người thanh niên này đã vắng nhà bảy năm và tất cả trong gia đình thắc thỏm chờ mong. Cha cậu, mẹ cậu, vợ cậu, hai đứa con của cậu, một trai một gái. Trong bảy năm qua người ta không thấy cậu và mỗi người một cách, tất cả đều trông chờ giờ trở về của người thân.

Không ai rõ chắc chắn giờ trở về vì thành phố này không nằm ở ven biển hay sát đường sắt. Đó là một thành phố nhỏ nằm giữa một vùng đồng bằng, nơi đây các nông trại mọc chi chít dọc theo con sông nhỏ lững lờ và nông cạn.

Mỗi bên bờ sông là một dãy núi. Thoạt tiên các dãy núi này chỉ là những gò nông rồi dần dần đi lên cao thành những đỉnh đầy sương mù. Vùng này nổi tiếng về các sở trà trồng ở sườn núi.

Mùa đông, nước sông xuống quá thấp, xuồng ghe không đi được cho nên ngoài một số người di chuyển bằng ngựa và xe, vùng này cô lập với thế giới bên ngoài.

Nhưng vào cuối mùa hè năm ấy, nhờ mưa to, nước sông lên cao đủ cho các ghe nhỏ tiến sâu vào nội địa cách bờ biển một trăm dặm.

Một trong các chiếc thuyền đó sẽ đưa cậu con trai của ông lái trà trở về mái nhà xưa. Giờ chuyển đi tùy thuộc nơi gió, nước, có thể cậu sẽ về trong ngày hôm ấy, vào xế chiều hay trong đêm. Nhưng nếu thuận buồm xuôi gió thì chuyển đi có thể tới sớm hơn.

Gia đình ông lái trà thức thật sớm, ăn mặc chỉnh tề để đón người đi xa về. Người cha là một ông lão hiền lành. Ông được cha mẹ để lại các khu đất lớn, nơi sản xuất trà thứ thật ngon. Ông cũng giữ cửa hiệu bán trà có từ mấy thế kỷ. Ông là một người được kính trọng, có uy tín đối với mọi người.

Trong khi chờ đợi, ông ngồi trên một chiếc ghế riêng của ông ngay giữa nhà. Để mừng đứa con độc nhất, ông mặc chiếc áo dài đẹp nhất bằng sa ten đỏ xậm, mặc thêm bên ngoài một chiếc áo ngắn sa ten đen có thêu những đường cong theo lối cổ.

Người ông ốm và tái, cái tái của những người hút nha phiến... Ông hút từ thuở nhỏ, nhưng vẫn giữ một mức độ và hút đúng giờ. Ông chỉ chịu hút thêm khi nào bệnh. Cho nên nha phiến không làm cho ông gầy ốm cũng không làm cho ông hốc hác. Nó chỉ làm cho thịt ông nhão và nhuộm da ông một màu vàng đều đặn.

Đối diện với ông là bà vợ, mẹ của cậu con duy nhất. Bà có bốn người con, nhưng chỉ còn sống có một đứa. Hai vợ chồng yêu thương đứa con một vô bờ bến.

Bà cụ không từ chối một cái gì với cậu con. Nhưng bà là người cương quyết - như cặp mắt đen và sáng của bà biểu lộ - và khi phải nhân nhượng chồng con thì bà chỉ nhân nhượng sau những cuộc giằng co.

Trong lúc chờ đợi, bà ngồi trên chiếc ghế giống như ghế của chồng, nhưng đặt thấp hơn. Bà giữ im lặng theo đúng phép vì người đàn bà không được quyền nói trước chồng.

Một người tớ già cũng lớn tuổi như bà chủ, đứng kế bên với một bàn đèn bằng đồng. Khi bà cụ đưa bàn tay lên thì người tớ già trao ống hút cho bà cụ kéo hai hơi. Người tớ già tiếp tục làm thuốc một cách lặng lẽ. Khi một chút tro rơi lên chiếc áo sa ten màu xám của bà cụ, người tớ lấy ngón tay phủi ngay.

Con dâu ngồi trên chiếc ghế đặt dưới thấp. Nàng không tới ba mươi tuổi, không đẹp, không xấu, nhưng có những nét đều đặn. Hai bàn tay cực đẹp của nàng cầm một mẫu sa ten màu hồng nhạt mà nàng đang thêu tỉ mỉ những cánh hoa đỏ rực và một con chim con đậu trên cành.

Thình thoảng nàng cúi xuống nói nhỏ với cô bé mười tuổi ngồi trên một chiếc ghế đầu bên cạnh mẹ. Cô bé cũng thêu, nhưng chậm và đầy cố gắng trên một mẫu vải. Cô bé thường nhìn ra sân, nơi cậu bé bảy tuổi đang đùa với một con dê con. Cậu vén chiếc áo dài màu xanh dưới thắt lưng đỏ cho tiện chạy nhảy. Cậu cười to lên khi đưa nắm cỏ cho con dê con. Khi con vật

cao lêu nghêu vụng về bước tới trước thì cậu bé nhảy lùi lại cười vang lên thích thú trước vẻ ngơ ngác của con vật. Cứ mỗi chuỗi cười là cô bé nhìn lên mỉm cười theo với vẻ thèm muốn và mẹ cô phải lặp lại nho nhỏ vào tai: “Con phải chăm chú vào công việc con đang làm”.

Chân người mẹ và bà nội cô bé đều bó chặt và mang dép nhỏ bằng sa ten. Nhưng chân cô bé thì để tự nhiên. Cha cô đã từ ngoại quốc viết thư về dặn không được bó chân đứa bé.

Gian phòng im lặng như tờ, đầy không khí hồi hộp chờ đợi. Hai vợ chồng ông lái trà nóng gặp lại người con xa vắng quá lâu ngày. Người vợ cũng mong gặp người chồng cách biệt trong bảy năm dài.

Mỗi người cố gang kiên nhẫn một cách. Ông cụ ngồi nhìn đứa cháu nội đùa với con dê con, nhưng sự bất động của ông chứng tỏ tư tưởng ông rất xa cách đứa bé.

Bà cụ quay lại người tứ già hỏi:

— Có bảo chúng nó mua vịt để làm cơm chiều nay?

Con dâu ngược mắt lên nói với giọng dịu dàng:

— Thưa mẹ, con đã lo xong vấn đề cơm nước. Sẽ có các món ngon mà ba sắp nhỏ ưa thích.

Rồi thấy chén trà của bà cụ đã hết, nàng đứng lên, rờ bình trà để xem nước còn nóng hay không, rót trà vào chén, hai tay bưng chén trà dâng mẹ chồng.

Nàng đổ trà nguội trong chén ông cụ, châm trà mới vào, rồi tiếp tục trở lại chỗ cũ thêu như trước.

Hai bàn tay đẹp của nàng đưa đi đưa lại một cách tự nhiên và nếp nhăn trên môi nàng có vẻ thanh thản, nàng có vẻ trầm lặng. Vì bất động cho nên mặt nàng có vẻ u tối. Chiếc áo saten xanh của nàng cũng ngả sang màu xám. Nhưng đôi mày của nàng rất đẹp, giống như hai lá liễu sắc lém đen nhánh vẽ lên đôi mắt đen. Tóc nàng cũng đen được xức dầu và bới tròn ra sau ghim trâm vàng. Nàng đeo đôi hoa tai nhỏ vừa vặn.

Thình thoảng nàng cho đầu lưỡi liếm thăm môi một cách tế nhị.

Đứa bé trượt té ngoài sân và nằm khóc chờ người đến đỡ lên. Người mẹ trẻ vội vàng chạy ra giúp nó đứng lên, phủ bụi bám vào áo quần. Nàng giữ

đứa bé sát bên mình, nói với giọng ồn tòn:

— Đừng khóc. Cha con có thể về tới bất cứ vào lúc nào. Nếu thấy con khóc thì phiền lắm. Ngày cha con đi con mới có một tháng. Lúc đó con cũng khóc. Cha con sẽ nghĩ là con đã khóc bảy năm trời, trong thời gian cha con đi xa.

Cậu bé đưa tay quẹt nước mắt rồi cười. Mẹ nó rút khăn tay nhét trước ngực lau nước mắt cho con rồi đưa nó trở vô trong nhà, cho nó uống nước.

Ông cụ mỉm cười, vuốt chòm râu lơ thơ nhìn đứa cháu với vẻ hiền lành thường nhật:

— Thăng Vương sẽ lấy làm hài lòng về con. Con đã cho nó một đứa bé xứng đáng. Cha sẽ nói cho nó biết, con là một con dâu thảo, là một người mẹ hiền. Ngày cha mẹ chọn con cho thăng Vương, cha mẹ rất vui sướng, nhưng lúc đó cha mẹ chưa đánh giá đúng mức niềm vui sướng như ngày nay.

Bà cụ xen vào:

— Nhưng ông và tôi đều biết nó gia đình trâm anh ở thôn quê. Lúc nào tôi cũng thích chọn dâu ở vườn chớ không ưa những cô ở chợ, họ tự cao tự đại và nông nổi lắm. Tôi cũng xuất thân nhà nông và nhà nông thì biết cách dạy dỗ con gái.

Ông cụ cười:

— Tôi thấy đúng như vậy trong ba mươi lăm năm nay, khi tôi và bà ăn ở với nhau. Bà chỉ có một điều không hay là không giữ được tất cả mấy đứa con. Nhưng tôi không bình phẩm bà được vì mỗi người đều có số.

Bà cụ thở dài đáp:

— Nhưng thăng út nhà mình là đứa xuất sắc hơn hết và nó đã sống... Nó học hành đỗ đạt và nếu là thời xưa thì nó phải là Tổng đốc. Ngày nay, tôi không hiểu gì hết...

Ông cụ có vẻ hãnh diện và tự tin:

— Thăng Vương nhà mình không có cái gì phải ngại. Nhờ sự học rộng, nó sẽ được nhàn. Đông Tây gì nó cũng lão thông hết ráo.

Nói đến đây, có tiếng gọi ngoài cổng, tiếng người khuân vác rương tráp. Tiếng gọi ngoài ngõ chính là của người tứ giả được phái đi rước cậu

Vương.

Và sau đó, có tiếng nói rất quen thuộc, tiếng nói mà mọi người chờ đợi. Nhưng tiếng nói này có hơi khác xưa, trầm hơn và xa lạ hơn:

— A! Tới nhà rồi!

Ông cụ đứng lên khi nghe mấy tiếng đó. Nhưng chợt nhớ nề nếp gia phong, ông ngồi xuống chờ đợi.

Bà cụ bóp mạnh hai bàn tay đặt trên đầu gối.

Con dâu, gọi nhanh đưa con gái và ngồi xuống chiếc ghế phía sau bà mẹ chồng. Cậu bé vụt sợ hãi, chạy lại nắm tay mẹ, còn cô bé thì ngó chăm chú ra ngoài rào, tay vẫn cầm mảnh vải đang thêu. Nhưng mẹ chúng không ngẩng đầu lên. Nàng ngồi im, cố nhìn một kẽ hở giữa hai tấm gạch dưới đất.

Bỗng cánh cổng mở. Nàng... nghe người đi và bước lại gần, những bước cứng rắn và vững chắc Vương mang đôi giày đế da cứng, nện vang lên sân gạch.

Chàng bước vào, đứng trước thêm. Rồi đi ngay lại ông cụ. Từ đuôi mắt, nàng thấy ông cụ đứng lên và nghe chồng nàng kêu lên “Cha, con mới về”.

Ông cụ đáp:

— Sau bảy năm xa cách... - Giọng ông nghẹn lại và nước mắt chảy quanh.

Vương nói:

— Cha ngồi xuống cho khỏe.

Rồi mỉm một nụ cười không được tự nhiên, cậu châm trà vào chén của ông cụ.

Quay sang bà cụ, Vương nói:

— Thưa mẹ con đã trở về bình yên, dù trùng dương xa cách.

Bà cụ run run đứng lên, hân hoan đặt bàn tay lên cánh tay con:

— Vương, con đã lớn nhiều, mẹ thấy con lạ.

Vương nói với giọng rõ ràng:

— Bảy năm phải thay đổi chớ mẹ.

Bây giờ đến lượt Vương chào vợ. Chàng đứng trước mặt nàng, và nàng không ngước mắt lên. Là con nhà gia giáo, nàng biết giữ lễ với chồng. Nàng

chỉ thấy có đôi giày da và hai ống quần may bằng vải ngoại quốc mà nàng không biết.

Với giọng xa xôi và lễ độ, chàng nói:

— Mẹ sắp nhỏ vẫn mạnh giỏi?

Ông cụ bỗng nhiên trở nên hoạt bát:

— Nó là con dâu thảo nhứt hạng. Không bao giờ nó quên bốn phận với cha mẹ cũng như với con cái. Luôn luôn săn sóc nhà cửa, rộng rãi với kẻ ăn người ở.

Vương hỏi:

— Còn con trai tôi đâu?

Cậu bé kêu lên thật to:

— Thưa cha, con đây.

Cậu đứng nhìn cha với đôi mắt mở to, tròn như hai đồng tiền.

Vương cười, nhắc bổng cậu bé lên:

— Bây giờ con được bảy tuổi. Lúc cha đi con có một tháng, đỏ hỏn như một củ cải. Bây giờ con trở thành một người lớn, đẹp ra.

Trong khi chòng quay đi chăm chú nhìn đứa con, nàng liếc nhanh nhìn chàng. Phải, chàng đã thay đổi, đã trưởng thành. Nàng có thể nhận thấy sự thay đổi đó. Lúc ra đi, chàng mới có hăm bốn, dù học cao hiểu rộng, chàng có vẻ trẻ và mảnh mai. Bây giờ chàng đã mập ra, có hơi cao hơn, vẻ mặt của chàng cũng khác hẳn. Bảy năm trên đất khách đã thay đổi chàng nhiều. Trước kia lúc nào Vương cũng tỏ ra tự tin, sẵn sàng để cười nói, trẻ trung, hăng hái. Còn bây giờ, chàng là một người chững chạc, trưởng thành.

Bỗng nhiên nàng thấy lúng túng và e lệ. Mặt nàng đỏ ửng và thấy nóng dưới vành tai.

Lặng lẽ, nàng đẩy cô bé tới trước, nói nhỏ:

— Nói chuyện với cha đi con.

Nhưng cô bé chỉ mỉm cười, cúi đầu xuống cho đến lúc cậu em kêu lên:

— Còn chị con đây nữa.

Bấy giờ Vương mới quay lại vồn vã với cô bé. Chàng nắm tay cô bé, bàn tay nhỏ bị kim đâm, hỏi:

— Con làm gì đó Thúy Lan? May dép hay gổ cho con hả?

Bà cụ nói:

— Năm nay Thúy Lan 10 tuổi. Nó đã khá lớn để bắt đầu thêu gối cưới. Mẹ nó đã dạy cho nó đủ cả tam tùng tứ đức.

Cô bé lẳng nghe mấy lời bà cụ với vẻ khó chịu. Nó cúi mặt xuống dường như muốn nói, nhưng mẹ nó đặt bàn tay lên vai nó. Cử chỉ đó khiến cô bé im lặng.

Vương không đáp câu nói của bà cụ. Chàng mở miệng rồi lại mím môi và sau một sự im lặng kỳ lạ dường như mọi người đều lẳng nghe, chờ đợi người khác nói. Vương nói để xô đuổi không khí khó chịu:

— Được trở về nhà sau một thời gian đi xa thật là thích! Bây giờ con phải đi tắm sau ba ngày ở trên thuyền. Một trăm dặm mà phải mất ba ngày, thật là chậm so với các phương tiện giao thông Tây phương.

Rồi chàng tươi cười bước ra. Ông cụ nhìn mông ra xa, nói với bà cụ:

— Ba ngày, đâu có lâu gì! Đó là nhờ thuận buồm xuôi gió. Nếu ngược gió, người ta phải lên bờ kéo thuyền, thì phải mất ít nhất là năm hay sáu ngày.

Bà cụ nói:

— Mỗi ngày tôi đều đi chùa. Tôi cầu nguyện cho thuận buồm xuôi gió. Tôi đã mua hai đồng bạc nhang và trà cho ông từ. Tôi đã tốn công tốn của như thế, đâu lẽ không có kết quả tốt.

Ông cụ nhìn bà cụ với vẻ rộng lượng. Ông không bao giờ tới chùa miếu, không hề tin tưởng thần thánh. Ông là người theo Khổng học, ông dành chuyện đi chùa cho đàn bà con nít.

Với giọng ôn tồn, ông nói:

— Mùa này là mùa gió.

Nghe ông cụ nói, bà cụ ngẩng đầu lên, gằn giọng:

— Ông không tin, nhưng tôi đã thử nhiều lần. Tôi bảo đảm với ông là thần thánh nghe lời khẩn vái của mình. Nếu tôi không đi chùa thường thì biết đâu con mình gặp tai nạn trên trùng dương đây sóng gió hoặc ở xứ lạ quê người?

Cụ già đầu dụ:

— Thôi được! Bà cứ tiếp tục sùng bái thần thánh và nếu bà cầu khẩn

đúng mùa thì tôi tin chắc thế nào bà cũng mãn nguyện.

○○○

Đêm đó, khi ăn tối xong, Vương tặng quà cho mọi người. Nàng bước vào phòng chồng. Từ ngày chồng đi nàng không ngủ trong phòng này vì thấy cô đơn trong đêm dài. Ban ngày nàng lau chùi, trong phòng không có một hạt bụi, nhưng ban đêm nàng sang phòng bên nhỏ hơn ngủ với hai con. Đôi khi nàng ngồi trong phòng trống bỏ không với giỏ đồ thêu. Đêm ấy nàng ngồi trong phòng chờ chồng về.

Vương về rất trễ. Bọn bè nghe tin chàng về kéo tới mừng chàng ở phòng ngoài. Ông cụ ra lệnh hâm rượu, thứ rượu địa phương nấu bằng gạo.

Ngồi trong phòng vắng, nàng nghe bọn bè kêu gọi, uống rượu mừng chồng. Họ la lên: “Cạn chén nghe anh em. Cạn chén để mừng Vương vừa được bổ nhiệm ở Thủ đô, cạn chén để chúc Vương có thêm nhiều con...”

Sau lời chúc tụng, một tiếng cười vang lên và một mình trong phòng tối nàng mỉm cười có hơi buồn tủi và thấy máu bốc lên nóng dưới vành tai.

Rồi nàng hiểu là người ta mang các thức ăn ra cho thực khách ăn và uống rượu.

Sau đó tiếng giã từ vang lên, những lời chúc tụng vui vẻ và hứa hẹn sẽ gặp nhau lại, tất cả những tiếng cười bay khắp sân và tiếng cười của Vương vượt lên trên hết.

Thế rồi trong sự yên tĩnh bất ngờ của ngôi nhà, nàng nghe tiếng chân chàng trở vô. Chàng nói: “Uống rượu như thế này, ngày mai mình sẽ nhức đầu ghê lắm. Từ ngày xuất ngoại mình không có uống nhiều như thế”.

Ông cụ ngạc nhiên hỏi:

— Ở xứ ngoài không có rượu sao?

Vương trả lời chiếu lệ:

— Có chớ, nhưng con ít uống. Con phải giữ tâm trí luôn luôn sáng suốt. Bây giờ con còn phải giữ gìn hơn vì con được giao một chức vụ quan trọng ở thủ đô. Ngày mai con sẽ trở lại vấn đề này. Bây giờ thì đã khuya rồi.

Ông cụ hỏi:

— Nhưng con không nhậm chức ngay bây giờ chứ? Con đi xa lâu ngày. Cha biết chức vụ ở thủ đô là vinh hạnh và cha không giữ con lại ở đây. Nhưng con du học quá lâu, cha mẹ muốn con ở lại nhà ít hôm. Hơn nữa còn vợ con nó là dâu thảo, mẹ hiền. Nó sống cô đơn trong bảy năm qua.

“Chàng sẽ trả lời như thế nào?” Nàng ngả người tới trước lắng nghe bên cạnh cánh cửa mở, hai gian phòng chỉ cách nhau có một bức màn. “Chàng sẽ nói gì?”.

Vương im lặng rồi như chợt nhớ đến một bốn phận, kêu lên:

— Con còn một bức thư phải viết trước khi đi ngủ. Con quên đi mất. Bây giờ cha đi ngủ đi. Cha vịn tay con, con dìu cha vào phòng.

Nàng nghe tiếng chân của chàng và ông cụ. Tiếng giày nhung của cụ chạm đất nhẹ nhàng còn tiếng giày da của chàng nện mạnh trên nền gạch.

Gian phòng im lặng và nàng âm thầm ngồi chờ chồng đến với mình theo bốn phận của người vợ.

Nàng đánh diêm thắp đèn rồi lại ngồi như trước, kiên nhẫn, đôi mắt nhìn xuống đất. Hai bàn tay nàng lạnh và nàng xoa hai bàn tay lại cho ấm.

Chàng bước vô phòng; theo thói quen, đột ngột, vô tư và tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy nàng ngồi đó.

— Ủa, em hãy còn ngồi đó? Không nên chờ anh. Em đi ngủ đi. Anh còn một lá thư phải viết gấp trước khi đi ngủ.

Chàng ngồi lại bàn viết, ở bên kia phòng, chiếc bàn viết mà trước kia chàng học thi trong những năm trước khi chàng xuất ngoại.

Trong bảy năm dài, nhiều lúc nàng hình dung thấy chàng ngồi chỗ đó.

Bây giờ, Vương tìm mảnh giấy, bút lông chàng phết nhanh trên nghiên mực.

Nàng vẫn ngồi yên. Một lúc sau chàng bực tức ném ngọn bút lông, kêu lên:

— Mình quên cách dùng bút lông. Bao lâu nay mình chỉ quen dùng bút ngoại quốc.

Chàng lấy trong túi áo một cây bút kim khí lạ lùng và bắt đầu viết.

Chàng lại ngừng đầu lên lần nữa và khi thấy vợ vẫn còn ngồi đó, kêu lên với giọng hơi bực:

— Coi, em đi ngủ đi chứ! Anh không thích em ngồi đó chờ anh.

Nhưng sau đó, giọng chàng dịu lại:

— Em tha thứ cho anh. Anh không muốn tỏ ra thô lỗ. Anh mến phục cử chỉ của em lắm. Nhưng mà bây giờ chúng ta có thể bỏ qua những nghi thức quá cầu nệ xưa cũ. Em hãy đi ngủ đi.

Chàng bỗng nín lại, do dự.

Ngay lúc đó, ở phòng bên, cậu bé kêu ré lên. Vương nhú mày. Nàng nói:

— Con nó giật mình! Trong mấy năm qua con ngủ với em...

Gương mặt Vương tươi sáng lên:

— Vậy thì em qua bên ấy với nó, đêm nay anh ngủ trẻ. Anh còn phải ghi chú trong quyển sách của anh. Anh không muốn làm rộn thói quen của em, trong đêm nay.

Chàng đứng lên đây vẻ lịch sự. Nàng nhìn chàng một lúc với đôi mắt trầm lặng. Giữa hai người có một lúc do dự, tế nhị, khó khăn. Rồi thu hai bàn tay vào tay áo theo thói quen của phụ nữ, nàng khẽ cúi đầu nói:

— Xin anh hãy ngồi xuống.

Nàng đi lại trong phòng, dịu dàng và âm thầm như thường lệ, với những cử chỉ duyên dáng. Nàng rờ bình trà, thổi cho than cháy đỏ trong chiếc thau đồng ở dưới, trải chăn lên giường, bỏ màn xuống. Khi nước nóng, nàng châm trà vào chén cho chồng. Chàng cúi đầu mỉm cười nhưng hai mắt dán chặt vào mảnh giấy.

Rồi nàng bước ra khỏi phòng với sự bình tĩnh hoàn toàn. Nàng thay áo, mặc toàn hàng trắng, lau mặt lau tay và xúc miệng. Trước khi nằm, nàng đến bên giường cô bé đặt bên kia phòng, một chiếc giường nhỏ bằng tre phủ màn chung quanh. Nàng vén màn sờ bàn tay con bé đặt ra ngoài cạnh giường. Bàn tay ấm và hơi thở đều đặn, nhẹ nhàng. Cầm ngọn đèn sáp trên bàn, nàng xem xét cẩn thận chiếc màn trước khi khép lại. Nàng sợ muỗi cắn con. Thấy một con trong màn, nàng đập chết. Sau đó nàng bước sang giường cậu bé con. Trời nóng, cậu ngủ không mặc quần áo chỉ trừ một vuông vải đỏ đắp ngang bụng. Nàng đẩy chân con sang một bên thật dịu dàng, âu yếm, để có một chỗ nhỏ nằm xuống nhẹ nhàng. Và khi cậu bé thức

giấc, nàng vỗ nhẹ vào người nó theo một nhịp điệu đều đều, êm ái. Cậu bé cảm thấy sự hiện diện thường lệ của mẹ ở bên cạnh, tiếp tục ngủ lại. Nhưng người vợ trẻ vẫn thao thức, bất động. Nàng lắng tai nghe từng tiếng động ở phòng bên.

Trong một lúc lâu, chỉ có tiếng giấy vò nát và tiếng học tử đóng lại. Một nghiên mực rơi xuống đất, bể tan. Nàng nghe chồng kêu lên một tiếng ngoại quốc mà nàng không hiểu. Trước khi ngủ, nàng tắt ngọn đèn mỡ bò, sợ hao và tỏa mùi hôi trong phòng. Nàng thắp ngọn đèn dầu phong. Từ ngày chồng đi xa, nàng không chịu được bóng tối trong đêm. Bây giờ chồng đã trở về, nhưng chàng không như xưa nữa. Ngọn đèn dầu tỏa một ánh sáng lờ mờ và trở nên vô nghĩa khi ánh trăng thu từ bên ngoài chiếu rọi vào phòng.

Nàng lẩm bẩm:

— Bình minh sắp ló dạng.

Nàng nghe tiếng chồng thở dài, đứng lên đi về phía giường của chàng.

Mấy phút im lặng trôi qua. Nàng nghe ngóng, thầm mong chàng sẽ gọi nàng chẳng? Nhưng chàng ngả lưng trên chiếc giường gỗ kêu răng rắc. Đó là một chiếc giường lớn chạm trổ có từ hai đời.

Chàng lại thở dài. Sau đó, im lặng hoàn toàn. Chàng đã ngủ.

Còn nàng, nàng nằm trong đêm như bảy năm qua, cánh tay ôm ngang người cậu bé con.

○○○

Sáng hôm sau, nàng thức theo thói quen, một giờ trước người ăn ở kẻ trong nhà. Nàng chui ra giường nhẹ nhàng không làm thức giấc cậu bé.

Dưới ánh sáng lờ mờ của bình minh, nàng chải tóc bằng chiếc lược trắng bằng sừng. Nàng ngồi trước bàn con, tấm gương in rõ nét mặt nàng.

Theo phong tục địa phương, loại bàn này là vật thân thiết mà cô dâu phải mang theo khi về nhà chồng. Cha nàng cũng khá giả nên chiếc bàn được đóng bằng loại danh mộc, các học tử đều có tay nắm bằng đồng. Cũng như tất cả đồ vật của nàng, chiếc bàn được chăm sóc lau chùi luôn luôn. Nàng chải tóc cẩn thận.

Có tiếng ho ngoài cửa. Nàng vén màn lên. Một người tớ gái mang đến một ấm nước nóng. Nàng cầm lấy đặt lên trên bàn nhỏ, cho khăn lông vào, vắt ráo lau mặt, tay. Thoa sơ một lớp phấn trên má và trán, nàng đã sẵn sàng. Dù ăn mặc giản dị nàng trông hãy còn trẻ, vóc người mảnh mai, đều đặn. Không ai nghĩ là nàng đã có con, khi thân hình rất thẳng và đôi vú nhỏ. Dù vậy, nàng không đẹp. Nàng thiếu linh động, hoạt bát. Nàng quá trầm lặng...

Sau khi sửa soạn xong, nàng xuống bếp xem những gia nhân nấu cơm sáng.

Nàng bảo một bà lớn tuổi chỉ dạy hai cô gái đồng quê giúp việc trong nhà:

— Hôm nay làm món gà phơi khô.

Bà bếp nói:

— Tôi sẽ cắt vài miếng. Cậu nhà còn thích những món nào khác?

Nàng nói:

— Anh ấy thích đậu đỏ hầm thịt bò tiêu. Nhớ pha trà, thứ thiệt ngon.

Bà tớ chánh hôm qua, đứng bên cạnh bà cụ bước xuống bếp, mang theo chiếc khăn sạch, một cục xà phòng đỏ và một thau đồng, đựng nước nóng. Một cô gái bước theo sau, cầm một ấm trà mới, hỏi:

— Thưa cô, mình đi bây giờ chứ?

Nàng gật đầu:

— Phải, Wang Ma.

Nàng hướng dẫn hai người tớ gái tới trước cửa phòng mẹ chồng. Nàng ngừng lại, khẽ tăng hăng. Bà mẹ kêu lên:

— Vô đi!

Ba người bước vào trong. Với giọng dịu dàng, nàng hỏi:

— Mẹ có ngủ ngon giấc không?

Hỏi xong nàng lấy ấm trà người tớ đặt lên bàn, chế vào chén rồi đứng trước cửa màn chờ đợi.

Một bàn tay gầy và vàng thò ra màn bưng chén trà.

Nàng dâu châm thêm một chén nữa và cũng được bà mẹ chồng uống như lần trước. Sau đó nàng đứng bên bàn đèn, làm thuốc cho mẹ chồng. Khi

nàng dâu và cô tớ gái bước ra ngoài, người tớ già ở lại để tiếp tục phục vụ bà chủ.

Mỗi sáng, công việc phục vụ kể trên tiếp diễn đều đều! Lo cho mẹ chồng xong nàng dâu trở về phòng mình thay quần áo cho con. Nhưng bây giờ còn có một người khác để cho nàng săn sóc. Trước kia, mang trà buổi sáng cho chồng là chuyện tự nhiên. Bây giờ, điều ấy có hơi khó một chút. Chồng nàng đã thay đổi quá nhiều khiến nàng có cảm tưởng như vào phòng một người lạ. Dù vậy, bổn phận làm vợ của nàng vẫn không thay đổi. Nàng bảo cô tớ nhỏ:

— Mang tới cho chị một thau nước nóng và một bình trà, lấy bình đẹp nhất, và cho trà mới vào.

Nàng chờ cô tớ mang trà tới, mở nắp bình, ngửi hương thơm của trà. Nàng tiến về phía cửa phòng chồng, tăng hắng. Cô tớ đứng phía sau.

Không có tiếng đáp lại. Nàng áp tai vào cửa màn nghe ngóng rồi len ngón tay qua vai màn. Chồng nàng đã đóng cánh cửa. Nàng khẽ đập cửa bằng lòng bàn tay.

Tiếng chồng nàng kêu lên:

— Ai đó?

Nàng giật mình sợ hãi về giọng cộc lốc đó. Từ lâu nàng quên cảm giác về sự có mặt của một người đàn ông trẻ tuổi, khỏe mạnh, trong nhà. Bảy năm là một thời gian dài mà nàng đã trải qua bên cạnh cha mẹ chồng già và mấy đứa con. Từ ngày cha mẹ ruột nàng mất, nàng trở về mái nhà xưa. Cho nên nàng không biết rõ một người đàn ông có thể kêu to đến mức nào.

Cánh cửa vụt mở và Vương đứng trước thềm, mắt còn nhắm, tóc tai rối bời. Chàng hỏi với giọng bực dọc:

— Việc gì vậy?

— Em mang trà cho anh. - Nàng đáp ứng.

Wương kêu lên:

— Trà!

Rồi mỉm cười, vuốt tóc, ngáp:

— Được. Đem vào. Tôi quên lửng chuyện uống trà. Trong bảy năm qua, tôi không hề uống trà quá sớm như vậy - Đôi mắt nhìn xuống chiếc thau

đồng, Vương nói - Tôi cần nhiều nước hơn. Tôi có thói quen tắm mỗi buổi sáng.

Nàng nhìn cô tớ với vẻ kinh ngạc. Cô tớ là người ở quê, không biết phép lịch sự nên nói cụt ngủn:

— Tắm phải tốn nhiều nước. Nếu muốn tắm thì tới chỗ tắm công cộng.

Người vợ trẻ khó chịu về giọng của con bé, nghiêm nghị bảo:

— Cậu muốn gì là phải có cho cậu.

Rồi quay về phía chàng, nàng nói:

— Trong chốc lát sẽ có nước cho anh.

Vương nói một cách vô tư:

— Nếu mất công thì thôi.

Nàng nói:

— Không có gì mất công, nhứt là anh mới về sau bảy năm xa vắng.

Vương quay mặt đi, châm thêm trà vào chén.

Khi thấy không còn gì để nói, nàng bước ra ngoài để trông nom việc nấu nước. Người thiếu phụ có cảm nghĩ là ngày trở về đầu tiên của chồng nàng phải khác hẳn bảy năm trầm lặng mà chàng đi vắng. Biến cố quan trọng nhứt trong mấy trăm ngày đó là việc nhận thư của Vương, ông cụ đọc lớn lên cho cả nhà nghe. Bà cụ, nàng dâu và hai đứa bé ngồi đứng vào ghế của họ.

Các bức thư của Vương đều giống nhau. Chàng nói về sự học hành của mình, một đôi khi kể chuyện mà chàng chứng kiến hoặc ra một lệnh cho gia đình thi hành. Chẳng hạn như Vương viết “không được bó chân con gái tôi” hoặc “con trai tôi phải được gọi vào trường chánh phủ. Nó sẽ không học Tứ thư như cha nó trước kia. Ngày nay những sách đó trở nên vô ích”.

Hai vấn đề đó đã gây kinh hoàng cho cả nhà. Ông cụ ngừng lại ở các đoạn đó, và qua đôi kính trắng nhìn bà cụ và nàng dâu.

— Nếu không bó chân cho con bé, làm sao có thể kiếm cho nó một người chồng xứng đáng?

Bà cụ kêu lên đầy kinh hoàng. Bà kéo chân lên, hai bàn chân nhỏ và nhọn mà bà đang sưởi ấm trên một đĩa than nóng. Bức thư ấy về đúng vào mùa đông.

Ngay lúc đó không ai chịu chấp nhận lệnh không bó chân con bé của Vương. Ông cụ liền viết cho Vương nói rõ là khó thi hành ý muốn của chàng.

Vương trả lời ngay, bức thư tới nhà không quá hai tháng, Vương nhấn mạnh là “Con muốn không ai cãi lại ý con. Nếu không con sẽ không hài lòng”.

Ông cụ bất mãn, trợn mắt và đưa tay run run vuốt râu nói:

— Tôi hy vọng rằng Vương đừng quên là khi nào tôi còn sống tôi là người chỉ huy trong gia đình. Tôi nghĩ là nó phải nhớ điều đó.

Sau cùng con dâu nói thật ôn tồn nhưng cương quyết:

— Con thấy nên nghe lời chồng con thì hơn. Mình nên nghe theo những lời căn dặn của anh ấy.

Và đôi chân cô bé được để này nở tự do, mặc dầu nỗi buồn của người mẹ khi thấy bàn chân của con dài ra một cách tuyệt vọng. Nàng chỉ đành đặt giày thật chặt cho con mang.

Cách đó không bao lâu vấn đề học vấn của cậu bé lại được đặt ra. Cậu bé hãy còn nhỏ quá, nhưng ông cụ đã vội lo xa. Ông lăm lăm một cách nào lòng “Không học được Tứ thư! Vậy là không biết những lời chỉ dạy của Thánh hiền! Rồi nó sẽ biết những gì đây?” Ông cụ đã đọc hết sách của Khổng Tử và ông tin chắc là không có sách nào dạy đúng hơn. Chính ông đã cố gắng xử sự đúng theo sách của Khổng Tử. Cho nên ông không bao giờ rơi vào những sự thái quá. Ông luôn luôn giữ đúng mực Trung Dung.

Ông thấy điều quan trọng vào bậc nhất là hai đứa cháu nội của ông phải biết rõ đạo làm người. Đối với người đàn bà, ông cho việc học sách thánh hiền là thừa. Đàn bà thường giản dị và trí óc họ thiếu thông minh. Người ta cần đưa cho họ xem những chuyện dễ thấy.

Ông cụ nghiêm nghị nói:

— Cháu nội tôi sẽ lớn lên vô đạo đức!

Nhưng lúc bấy giờ đã quá muộn để viết thư cho Vương. Cho nên cả nhà cố kiên nhẫn chờ đợi.

Đó là những vấn đề nghiêm trọng nhất đã làm sôi nổi gia đình trong khi Vương vắng mặt, kỳ dư các năm ấy trôi đi vô tích sự.

Về con dâu thì cha nàng mất về bệnh kiệt lực vào một mùa hè. Mùa đông năm sau mẹ nàng mất về một bệnh kỳ lạ không ai biết. Gia sản chia cho bốn người con trai và ngôi nhà cũ chia làm tư cho bốn gia đình. Người thiếu phụ trở nên xa lạ, không muốn trở về mái nhà xưa. Nàng đành chôn vùi cuộc sống riêng trong gia đình nhà chồng với một lòng tận tụy vô bờ, yêu mến cha mẹ chồng đã tỏ ra tử tế với nàng.

Nàng không biết phải tạ ơn trời Phật như thế nào cho xứng đáng khi đấng vô hình đã ban cho nàng một bà mẹ chồng quá phúc hậu. Khi cùng cha mẹ chồng đi chùa lễ Phật, nàng cảm ơn vị thần đã giúp nàng đẹp duyên cùng chồng nàng.

Nàng biết có những bà mẹ chồng khắc nghiệt, ganh ghét con dâu và làm cho cuộc sống của con dâu không thể chịu được. Nhưng bà mẹ chồng của nàng là bà mẹ xứng đáng. Nàng dâu và mẹ chồng hết sức hòa thuận với nhau. Cô dâu thì trầm lặng còn bà cụ thì hiền lành và sống ẩn dật. Từ lâu bà cụ ăn chay trường và luôn không động đến sanh vật. Khi một con bướm bay vô nhà bà cụ không cho đám gia nhân giết. Bà bảo người tớ bắt con bướm thả ra ngoài.

Thật ra thì cha mẹ chồng rất đáng được nàng dâu yêu mến và phục vụ. Ông cụ xem nàng như con ruột. Mỗi sáng, ông đến cửa hiệu trông các người đứng bán và kiểm tra kho hàng. Khi trở về, áo quần ông còn thoang thoảng mùi thơm của trà, cô dâu đem đến cho ông một bình trà và một chiếc quạt nếu là mùa hè và một đĩa than hồng nếu là mùa đông. Nàng học làm thuốc theo sở thích của cha chồng. Nàng lau sách trên án thư của ông cụ, nàng sắp đặt mấy chiếc quạt cổ mà ông cụ chịu khó sưu tầm, những chiếc quạt ấy quá cũ kỹ và mỏng manh, nàng không dám giao cho đám gia nhân trông coi.

Không như với các ông cha chồng khác xem chuyện nàng dâu phục vụ cho mình là chuyện tất nhiên, ông cụ luôn luôn cảm ơn các công việc nàng dâu làm cho ông. Ông cụ luôn luôn nhã nhặn lịch sự với cô dâu và những lời khen của ông cụ làm cho nàng vui vô cùng.

Ngôi nhà không rộng như các ngôi nhà khác vì đã được chia cắt trong thế hệ trước. Ngôi nhà có ba vườn hoa, một vườn mầu đơn, một vườn trúc

và một vườn cúc.

Ông cụ rất yêu hoa. Ông thích thưởng thức hoa mẫu đơn nở, hoa huệ nở dưới khóm trúc và cúc nở vào mùa đông.

Ngày xuân đẹp nhất là ngày người ta thấy lần đầu tiên các nụ mẫu đơn từ dưới đất đen vươn lên. Cả nhà đều ra thưởng thức.

Có một lần duy nhất nàng dâu thấy ông cụ nổi giận. Đó là lúc cậu bé nghịch ngắt một nụ hoa. Không nói một tiếng, ông cụ cúi xuống, tát vào cổ cậu bé. Bốn ngón tay xương xẩu của ông cụ hằn trên chiếc cổ tròn của cậu bé. Nó kinh ngạc một lúc rồi kêu ré lên đầy sợ hãi. Ông cụ tái mặt. Ông ấp úng: “Mình đã quá nóng”, rồi đi nhanh vào phòng đóng cửa lại ở trong đó thật lâu.

Đến tối, nàng dâu nắm tay cậu bé đưa đến ông cụ. Nàng bắt nó quỳ xuống lạy ông để xin lỗi. Chính nàng cũng xin lỗi cha chồng.

— Thưa cha, con không hiểu tại sao con của con lại thiếu tư cách đến thế. Con rất lấy làm xấu hổ và khổ sở. Con xin cha tha lỗi con đã vụng về trong việc dạy dỗ con cái.

Ông cụ dịu dàng đỡ cậu bé lên rồi ôm nó trong tay:

— Lẽ ra thì nó không được chạm tới cành mẫu đơn. Khi bị ngắt như vậy gốc mẫu đơn sẽ không thể nở những nụ đẹp, hoa lá cũng kém đi. Nụ hoa kia đã bị ngắt đang giữa lúc còn đang nảy nở. Nhưng cháu nội của cha hãy còn bé quá. Lỗi là ở nơi cha, một người đã già và bao nhiêu năm qua đã theo học thánh hiền, tưởng là đã đạt tới chánh đạo nhưng lại còn nóng nảy một cách phàm phu. Cha hãy còn chậm tiến!

Ông cụ thở dài, nàng dâu không chịu được khi thấy cha chồng buồn. Nàng nói thật dịu dàng:

— Cha là người đàn ông hoàn toàn nhất mà con đã gặp. Cha là một người cha xứng đáng nhất đối với con và đối với tất cả những người khác.

Ông cụ mỉm cười trước những lời đó. Ông thấy được an ủi phần nào, dù ngoài mặt ông vẫn giữ thản nhiên, ông tiếp tục đọc sách và nàng dâu đưa con ra ngoài.

Những vụ nhỏ như vậy tạo nên những biến cố lớn trong gia đình. Từ ngày Vương vắng mặt, không ai chú ý đến những ngày lễ cho nên bảy năm

trời qua như một giấc mộng. Mùa hè lặng lẽ trôi sang mùa thu, hoa cúc nở rộ rở ngoài sân. Mùa đông các búp măng nở hồng trên tuyết trắng. Rồi xuân lại đến với những nụ hoa huệ và hoa mai nở trên cành đen trụi lá. Và cuộc đời cứ thế trôi đi, năm này qua năm khác.

Trong cuộc đời của người thiếu phụ chỉ có hai biến cố quan trọng xảy ra sau khi nàng sanh cậu bé.

Biến cố thứ nhất là việc dứt sữa khi con lên bốn và biến cố thứ hai là cậu bé lâm bệnh vào mùa hè, cách đây hai năm. Lần đó nàng trải qua một cơn lo sợ hãi hùng nhất đời nàng. Buổi sáng cậu bé hãy còn mạnh khỏe vui vẻ nhưng đến xế chiều thì cậu ỉa mửa dữ dội và chỉ vài giờ sau là cậu bé chỉ còn xương bọc da. Cả nhà đều kinh hoàng. Bà cụ tất tả chạy lên chùa. Ngày thường bà cụ chỉ đi được vài bước ngoài sân thôi. Bà cụ hứa sẽ cúng cho nhà chùa cả năm bạc nếu cháu nội bà sống.

Bà cụ quỳ xuống dưới chân Phật Bà, đập mạnh trán xuống nền gạch, nghẹn ngào khẩn vái. Bà thành tâm cầu nguyện thật lớn làm xúc động các quả tim, kể cả quả tim của các pho tượng đất sơn son phết vàng. Các nhà sư cũng đâm ra hốt hoảng vì sợ bà cụ chết đến nơi nên vội vàng đỡ bà lên, bảo:

— Cụ đã cầu nguyện xong và Phật Bà sẽ chứng kiến lòng thành của cụ. Bây giờ cụ nên trở về nhà.

Khi bà cụ về đến nhà thì cậu bé thay vì đỡ, lại trở bệnh nặng thêm. Đôi môi cậu tái xanh và các móng tay của cậu tím đen.

Bấy giờ Wang Ma, người tứ già đã thấy bảy đứa con của bà chết lúc bà hãy còn trẻ, kêu rú lên:

— Phải hú hồn nó, mau lên!

Bà đốt đèn giấy lên chạy ra sân, bảo người mẹ trẻ xách chiếc áo của đứa bé chạy theo. Cả hai chạy trên các nẻo đường lát gạch. Wang Ma nêu cao chiếc đèn giấy lên, vừa chạy vừa réo: “Ba hồn chín vía cậu bé hãy trở về nhà mau”. Người mẹ trẻ đưa chiếc áo đỏ của cậu bé lên cao, chiếc áo mà con nàng thường mặc, để hồn cậu bé nhận ra mà trở về. Đã nhiều lần nàng nghe tiếng gọi hồn của những bà mẹ khác và những lúc ấy nàng run rẩy ôm chặt lấy đứa con thơ trong lòng. Bây giờ đến lượt nàng! Những người đi đường trông thấy bảo nhau: “Vái trời cho hồn đứa bé trở về”. Người mẹ trẻ

tiếp tục chạy, hai bàn chân nhỏ bé lướt trên những hòn đá tròn và trơn, không chú ý đến những cảnh bên ngoài thành phố mà từ lâu nàng không trông thấy. Nàng chỉ nghĩ tới đứa con trai duy nhất của nàng đang hấp hối. Nhưng kết quả đã đạt. Khi trở về nhà, mệt nhoài, họ thấy ông cụ ngồi gần giường, người tớ đứng bên cạnh cầm một chén cháo nóng. Ông cụ từ từ đút từng muỗng nhỏ vào miệng đứa bé. Cậu bé hãy còn nhắm mắt, nhưng nó nuốt được cháo. Hồn nó đã trở về.

Cậu bé phục hồi nhanh chóng cũng như cậu lâm bệnh nhưng những người lớn phải mất nhiều thì giờ mới qua cơn kinh động trong đêm. Mấy ngày sau, ông cụ hãy còn tái xanh, và chốc chốc ông lại gọi cậu bé đến gần, rờ rẫm để xem cậu có bình phục, mập mạp như trước không, ông vui vẻ bảo:

— Bây giờ con mới thật là của nội. Con đã khỏe mạnh như trước.

Còn bà cụ thì cứ lái nhai:

— Nếu tôi không đi chùa và nếu Phật Bà không chứng kiến lòng thật của tôi, bảo toàn sanh mạng cho nó thì tôi hỏi có trời mới cứu được nó! Tôi nghĩ là tôi đã cúng chùa không mất mát đi đâu!

Riêng về người mẹ trẻ, nàng thường thức giấc trong đêm, toát mồ hôi lạnh vì nằm mơ thấy mình chạy cuống cuống trên các nẻo đường tối tăm, tay cầm chiếc áo đỏ để cho hồn đi lạc của đứa bé trở về.

Bảy năm dài đã trôi qua như thế, trôi qua trong một nếp sống bình thản trầm lặng. Tất cả hy vọng đều tập trung vào ngày trở về của kẻ đi xa.

Ông cụ thấy đứa con của mình được nhắc lên một địa vị cao, trở thành một nhân vật lỗi lạc, cũng như trong quá khứ dòng dõi ông đã sản xuất nhiều người hữu dụng. Dòng dõi ông chưa hề có ai chiếm một chức vụ quan trọng trong các triều vua. Nhưng đã có nhiều người giữ vai trò quan trọng hơn nhiều như, thái phó, phó vương và tể tướng. Dòng dõi ông có những người đi vào ngành thương mại, có người trông nom các sở trà để cung cấp tiền bạc cần thiết trong trường hợp thay đổi các triều vua, bắt buộc kẻ xuất chính phải tạm thời treo ấn từ quan.

Ông cụ không thấy có điều gì đáng cho con ông hãnh diện hơn là giữ một chức vụ quan trọng. Kể ra thì thời buổi vua chúa đã qua rồi và các vấn

đề quốc gia đại sự đã thay đổi. Nhưng chánh phủ vẫn là chánh phủ và khi Vương đến tìm ông tại văn phòng và năn nỉ ông cụ xin được đi học ở hải ngoại, ông cụ thấy lo ngại trước những lời của chàng: “Con không hy vọng kiếm một chức vụ trong ngành hành chánh nếu không hấp thụ một nền văn hóa Tây phương. Trong hai việc, một là con bỏ học để theo cha buôn trà, hoặc là con phải đi du học, con phải chọn một”.

Ông cụ hơi bực:

— Tứ thơ đã trở nên vô dụng rồi sao? Cha đã dạy con nhiều và con cũng đã học thêm với một nhà thông thái, con còn theo đuổi cuộc học vấn ở các trường ngoài bờ biển, các trường của người ngoại quốc, nơi đó người ta dạy văn hóa Tây phương...

Nhưng Vương đáp một cách cương quyết:

— Tứ thơ ngày nay chỉ là những quyển sách xưa. Các sách đó không mở đường cho một nghề nào.

Ông cụ không thể tin được lời lẽ của con, dù vậy ông phải nhượng bộ. Nhưng bà cụ tỏ ra bướng bỉnh hơn. Bà không đồng ý cho Vương du học.

— Không. Thằng Vương chỉ có thể du học sau khi có được một đứa con trai.

Giọng bà rất dịu, nhưng cặp mắt bà rất sắc và nghiêm khắc.

Wương cố giữ vẻ vui tươi, mặc dầu cậu hơi khó chịu:

— Làm sao con có thể đẻ một đứa con trai cho mẹ? Ví dụ như vợ con chỉ sanh toàn con gái như một số người đàn bà khác, thì con có thể bỏ hết sự tiến thủ chỉ vì vợ con không sanh con trai?

Bà cụ kéo một hơi mạnh, đẩy dọc tẩu ra, nhấn mạnh:

— Này con, nhứt định con phải có một đứa con trai. Nếu con chết ở cái xứ dã man đó thì ở nhà cha mẹ hãy còn máu thịt của con...

Bà cụ lấy lại sự bình tĩnh thường lệ, nói tiếp:

— Mẹ sẽ cố giúp cho con. Mẹ sẽ đi chùa lễ Phật, mẹ sẽ van vái, cầu nguyện gấp đôi để cho con có một đứa con trai. Mẹ sẽ tặng thêm lễ vật cho vị thần trông coi về việc cầu tự.

Wương cười bảo:

— Con cảm ơn mẹ đã nhân nhượng với giá đó. Con muốn chia niềm tin

của mẹ và biết là con sẽ có một đứa con trai.

Bà mẹ nói thêm một cách nghiêm trang:

— Con phải biết là chúng ta sẽ được Trời Phật chứng giám tùy theo mức độ tin tưởng của chúng ta.

Vương im lặng. Chàng đã không còn tin tưởng từ lâu, khi còn trẻ nhỏ, khi cậu theo cha mẹ vào chùa. Cậu nắm chặt lấy tay mẹ, kinh hãi trước nét mặt hung bạo của các vị thần. Nhưng cậu không dám thú nhận là cậu sợ, dù là thú nhận với cha, vì cậu đã bác bỏ những nguyên lý của Khổng giáo mà cha cậu đã dạy dỗ cậu từ tấm bé.

Nếu biết được những biến đổi trong tâm hồn của Vương, cha mẹ cậu đã phải kinh hoàng vì Vương chỉ tin tưởng ở các chiến hạm ngoại quốc mà họ chưa thấy lần nào. Vương chỉ tin tưởng ở các khẩu đại bác khổng lồ, ở các đạo quân có kỷ luật và ở tất cả những gì tượng trưng cho sức mạnh. Vương thường thăm mớ một ngày nào đó cậu có thể đúc những khẩu đại bác khổng lồ đó cho đất nước của cậu, đúc những khẩu súng trường cho đàn ông sử dụng, đóng các tàu thép vĩ đại có gắn những thớt đại bác to tướng, đóng các phi cơ thả bom xuống những kẻ khác ở dưới. Tất cả những thứ đó cha mẹ cậu không hề nghe nói đến.

Chính vì những điều đó mà cậu đã xuất ngoại trong bảy năm dài: Vương học chế tạo các thứ máy đó.

Trong thời gian Vương ở ngoại quốc, ông cụ đọc sách, thường thức các chiếc quạt cổ, chăm sóc các gốc hoa còn bà cụ thì luôn luôn lo giữ không cho ai trong nhà sát sanh, lo cho những con bướm không bị đèn sáp thiêu cháy. Cũng trong thời gian ấy nàng dâu lo trông nom mọi việc trong nhà.

Bây giờ sau bảy năm xa cách, Vương đã trở về. Nhưng tất cả đều cảm thấy một sự thay đổi. Trước khi bước sang ngày thứ hai, tất cả đều hiểu là Vương đã trở thành một kẻ khác. Cả đến lúc chàng hát hay cười, người ta thấy tâm hồn chàng ở đâu, như gởi trọn vào một cuộc sống khác.

Vương rất bận trong việc thư từ. Ba bức thơ đến trong một ngày, mỗi bức đều đóng dấu lớn.

Vương im lặng đọc và không cho ai biết nội dung.

Nhưng khi bức thơ thứ ba đến, chàng rời bàn viết đến tìm ông cụ đang

ngủ trưa trên ghế bành bằng mây dưới gốc thông, mặt phủ khăn để che ruồi.

Vương tăng hăng và ông cụ mở mắt nhìn dưới chiếc khăn tay. Khi thấy Vương, ông cụ gắng ngồi dậy, có hơi ngượng vì đã ngủ.

— Có việc gì vậy?

Vương đi ngay vào đề:

— Thưa cha, con được gọi gấp lên thủ đô. Con không thể kéo dài những ngày ở đây. Ngày mai con phải lên đường, đi thật sớm. Con rất tiếc, vì con dự định ở nhà đúng một tháng. Nhưng có nhiều biến cố, các biến cố quốc tế...

Vương hơi do dự.

Ông cụ lau mặt với chiếc khăn tay, vuốt chòm râu, miệng mở rồi lại khép lại, “Quốc tế” ông lẩm bẩm danh từ xa lạ đó vì ít khi nghe nói. Vương giải thích:

— Quốc tế có nghĩa là giữa các nước ngoài.

Ông cụ kinh hãi:

— Con muốn nói là con lại đi ra nước ngoài?

Vương mím môi, cố giấu sự bức bối, đáp:

— Không, không phải như vậy. Sự thật là có nhiều tin đồn là sắp có chiến tranh xảy ra với một nước ở phía Bắc chúng ta. Người ta đang cần con.

— Vậy à! - Ông có hơi lão đảo và đặt bàn tay lên cánh tay Vương:

— Con cứ đi nếu con cần phải đi, nhưng đừng xen vào chiến tranh, chiến tranh tai hại lắm. Chỉ có những phường vô lại hạ cấp mới dẫn thân vào.

Miệng Vương khẽ run, nhưng chàng nói thật nghiêm nghị:

— Không đúng như vậy đâu, thưa cha.

Rồi bước đều theo cha, Vương trở vô nhà.

Vương không trình bày với vợ như đã giải thích với cha vì chàng nghĩ là nàng không thể hiểu được những chuyện ngoài phạm vi bếp núc. Dù vậy, chàng dụi dụi nói với nàng:

— Tôi rất tiếc không thể ở nhà một tháng như đã dự định. Tôi mới vừa gặp hai con và tôi có nhiều dự định về chúng nó. Có lẽ vào dịp Tết, tôi sẽ ở nhà lâu hơn.

Vương đi vắng cả ngày hôm đó, bỏ cả bữa cơm trưa ở nhà. Đến tối chàng đi dự một buổi tiệc. Trước khi đi, chàng dặn nàng:

— Không nên chờ tôi. Tôi sẽ về thật trễ và sáng hôm sau tôi sẽ đi vào hừng đông.

Nàng không nói gì, chỉ đứng trước mặt chàng, sẵn sàng để trao cho chồng một chiếc gậy kỳ lạ uốn cong mà chàng thích xách đi mỗi khi ra khỏi nhà.

Nàng chờ đợi chồng, đó là bổn phận của nàng. Trong đầu óc nàng không hề hỏi tại sao.

Đêm ấy, khi các nhiệm vụ thường lệ đã làm xong nàng ngồi trong phòng của Vương. Nàng ngồi trên chiếc ghế bên cạnh bàn, cầm cũi thêu áo gối cưới của con gái.

Về sau, mệt mỏi, nàng cẩn thận xếp vuông vải lại, ngồi khoanh tay, im lặng. Hai bàn tay của nàng thật đẹp, trắng xanh, và người ta có thể ngỡ là hai bàn tay chạm khắc hay vẽ. Nàng ngồi như vậy, bất động.

Khi nghe tiếng người ngoài rào, nàng đứng lên, thổi mớ than dưới bình trà và nghe ngóng. Tiếng đàn ông kêu gọi thật vui vẻ. Tiếng Vương cười đùa đáp lại với những chuỗi cười dòn. Thế rồi có tiếng chân vang lên và tiếng gọi công.

Trong chốc lát, Vương bước vào phòng, nụ cười thỏa mãn còn tươi trên gương mặt. Chung quanh đôi mắt và dưới má, mặt chàng hồng lên vì men rượu. Nhưng không phải là say vì Vương biết đến lúc nào phải ngưng uống. Là người có học, chàng không hề đi quá mức như những kẻ phàm phu. Màu hồng trên má chỉ là dấu hiệu của sự hân hoan thường lệ, vì nó giúp cho Vương có lý do để không uống thêm nữa. “Tôi đã uống nhiều rồi. Nếu uống thêm, mặt tôi sẽ đỏ bừng lên”.

Vương giật mình khi thấy nàng đứng yên như một chiếc bóng trong gian phòng lờ mờ. Chàng kêu lên:

— Kìa, tôi không ngờ. Em không nên chờ đợi...

Rồi chàng buông mình trên chiếc ghế, lấy khăn tay lau mặt, vuốt tóc, trong khi vẫn tiếp tục cười:

— Vui ới là vui. Tất cả bạn bè đều có đủ. Có những người ở tận bờ biển

cũng đến. Nhiều người nghe mình có một chức vụ quan trọng ở thủ đô nên muốn tỏ ra thân thích để hy vọng nhờ vả. Nhưng chuyện đó về sau sẽ hay. Mình chỉ giúp những kẻ hữu ích.

Chàng dang hai cánh tay ra, vươn vai ngáp và nói tiếp:

— Buồn ngủ quá. Và ngày mai mình phải thức trước hừng đông. Em đừng chờ tôi nữa. Tôi van em. Bây giờ nhất định là tôi phải ngủ.

Một lần nữa, không khí im lặng đè nặng lên hai người, và cũng như đêm qua, nàng là người phá bầu không khí im lặng đó. Hai bàn tay chui trong hai tay áo, nàng cúi đầu và nhẹ nhàng ra khỏi phòng. Chàng chăm chú nhìn nàng bước ra, bỗng kêu lên:

— Sáng mai, em đừng thức sớm vì tôi đi thật sớm. Mà em có thức cũng vô ích vì anh đã căn dặn tôi tở trong nhà rồi.

Nàng dừng lại bên cửa, nói thật bình tĩnh:

— Mai em sẽ thức sớm để lo cơm nước cho anh.

Vượng hơi bực:

— Không! Tôi cấm em. Tôi không thể ăn quá sớm như vậy.

Nàng do dự rồi nói:

— Em sẽ làm đúng theo ý anh.

Dù vậy, khi thức vào hừng đông, Vương vẫn thấy bữa ăn dọn ra trên bàn, với đôi đũa riêng của chàng. Các đĩa đựng thức ăn và một thùng cây đậy nắp đầy cơm nóng. Không thiếu một món gì. Chàng đã bảo không đói nhưng hương thơm của các thức ăn quá khiêu gợi, quá hấp dẫn nên chàng ngồi xuống ăn thật ngon miệng.

Phía sau màn, nàng đứng nhìn nhưng không bước ra vì chàng đã cấm. Nàng chỉ đành dọn buổi cơm sáng ra đó để hy vọng là chàng sẽ đổi ý và ăn cho no trước khi lên đường.

Khi Vương sắp sửa đi, ông cụ đến trước cửa phòng, hai vạt áo dài cần thận vén lên cao.

Vương cúi đầu nói:

— Cha không nên thức quá sớm. Cha già yếu rồi, cần ngủ cho thẳng giấc. Cha đi nghỉ đi. Con sẽ còn trở về đây mà.

Ông cụ đặt bàn tay vàng mét của ông lên cánh tay Vương:

— Con nên lo cho con, con nên giữ gìn sức khỏe và trở về đây mau. Nói với quan Tổng trấn thượng cấp của con cho ông ta biết con là con một của gia đình. Nói vậy là ông ta hiểu. Chỉ về được có hai ngày sau bảy năm!

Vương hăm hờ muốn lên đường sớm nhưng lễ phép đợi cha rút bàn tay trên vai mình.

Chàng đáp:

— Thưa cha vâng!

Rồi chào lần nữa trước khi bước đi. Khi cánh cổng khép lại, người vợ trẻ dọn bàn.

Ông cụ nhìn nàng dâu thật chăm chú nhưng nàng vờ quan tâm đến công việc và gương mặt nàng không biểu lộ một cảm nghĩ gì. Nàng trắng xanh, nhưng không hơn ngày thường. Mặc dù trời hãy còn lờ mờ tối, nàng vẫn ăn mặc theo lệ thường, tóc vẫn chải láng trơn.

Bỗng ông cụ vỗ tay kêu lên:

— Mình quên nói chuyện về việc cho thằng bé học Tứ Thư. Con chạy nhanh ra ngoài xem nó đã đi xa chưa.

Nàng vội vàng mở cổng nhìn ra ngoài đường tối đen và im vắng. Các tia sáng đầu tiên của bình minh cho thấy những ngôi nhà khép kín ở hai bên đường, nhưng Vương đã biến mất. Chỉ còn một ngọn đèn nhỏ chiếu sáng ở đầu đường. Đó là ngọn đèn của người tớ có bốn phận đưa Vương ra bờ sông để xuống thuyền.

Nàng trở về:

— Thưa cha đã quá muộn.

Gương mặt ông cụ dài ra, ông nói:

— Không hề gì. Nó sẽ trở về đây sớm, không trễ hơn mấy ngày Tết. Chỉ trong vòng sáu tháng thôi. Mà sáu tháng có nghĩa gì đâu so với bảy năm.

Ngày tháng trở lại trầm lặng như thời gian qua.

Chỉ khác có một điều là các bức thư của Vương không có những con tem mang hình kỳ quái và kể lại công việc học hành. Bây giờ thư của Vương nói về các hội nghị, các cuộc tiếp xúc với các yếu nhân, các tiệc tùng mà chàng đi dự với các mệnh phụ.

Ban đầu ông cụ ngồi ngay người trước bà cụ và con dâu khi đọc đến

những đoạn nói về mệnh phụ đó. Ông cũng đã bỏ cả một câu trong đó Vương viết “đêm qua con dự tiệc với bà Ching”. Ông nghĩ thầm:

— Có lẽ bà này là một người tánh tình lôi thôi. Nếu đọc câu này mình thiếu lễ độ với vợ và con dâu. Không ai đề cập đến tên của những người đàn bà không đứng đắn trước vợ và con dâu.

Một lần khác, Vương viết: “Đêm nay con dự tiệc với Thủ tướng phu nhân”. Điều đó, ông cụ vờ không đọc ra chữ và trong khi bà cụ và nàng dâu chờ đợi ông tiếp tục, ông do dự và bỡ ngỡ. Ông nghĩ thầm: “Nếu các Thủ tướng phu nhân mà tự do như thế thì chánh phủ sẽ như thế nào?”

Ông nhảy vài hàng rồi tiếp tục đọc. Sau đó ông đứng lên đi vô phòng, kéo màn cánh cửa để cho biết là ông không muốn bị khuấy rầy.

Một mình trong phòng, ông ngồi trước án thư đánh bóng, dưới dàn hoa trên cửa sổ, ông mài mực cẩn thận trên nghiên. Khi có đủ mực theo ý muốn, ông tém đầu ngọn bút lông rồi nắn nét trên giấy những chữ thật đẹp. Trong số những người buôn trà, ông là người nổi tiếng văn hay chữ tốt.

Nhưng mặc dầu chữ tuyệt đẹp, lời cũng rất cay đắng. Ông viết:

“Vương con, con phải thận trọng đừng để những bà mệnh phụ lung lạc. Nên thăng quan tiến chức từ từ chớ không nên nhờ vả đàn bà”.

Ông ký tên, dán bức thư lại rồi cho người mang đi. Sau đó ông châm lửa đốt tiêu bức thư vừa nhận được.

Trong thư trả lời, Vương thấy khó giải thích tình thế cho ông cụ rõ. Bức thư ấy rất dài và rất may là khi người ta mang tới, ông cụ ở nhà một mình. Ông thấy không thể đọc lớn cho bà vợ và nàng dâu biết nội dung. Bức thư chứa đựng nhiều việc mà ông không hề nghe nói.

Trong phòng đóng kín, ông cụ đọc bức thư đến ba lần rồi đốt ngay. Ông thấy cần làm như vậy mặc dầu trong nhà chỉ có ông là người biết đọc. Bức thư có nhiều câu như sau: “Ở vào thời buổi tiến bộ của chúng ta, đàn bà phải ngang hàng với đàn ông”. Trong những ngày mới này chúng ta không thể chấp nhận những phong tục cố hữu biến đàn bà thành những người vợ kiêm đầy tớ. Không lấy người vợ có học là một trở ngại lớn cho việc tiến thủ của con. Con không có người nào có khả năng trông nom nhà cửa hoặc tiếp khách, hoặc làm bạn với con. Ngay từ bây giờ, con lấy làm lo ngại vì

mấy đứa con của con chưa có một nền học vấn xứng đáng.

Sau khi đốt bức thư thành than, ông cụ ngồi bất động thật lâu. Đến khi thấy mệt, ông vỗ tay.

Nàng dâu nghe, chặn người tứ đang chạy tới, bảo:

— Để tôi vào. Hai đứa nhỏ đang chơi với mấy con thỏ, chúng không cần đến tôi.

Khi thấy con dâu bước vào, ông cụ nhìn nàng một lúc, hai mắt ươn ướt. Ông bảo:

— Cha hài lòng khi thấy con vào đây chứ không phải người khác. Cha đang mệt và muốn hút vài hơi.

Theo thói quen, khi hút ông cụ nằm trên bộ ván chạm, ngắm thân hình mảnh khảnh của nàng dâu trong khi nàng cúi xuống chăm chú làm thuốc. Mắt ông không rời nàng khi nàng cúi đầu xuống. Lúc nàng trao dọc tẩu, ông hỏi:

— Con, năm nay con bao nhiêu tuổi?

Nàng dâu ngạc nhiên:

— Dạ hăm bảy.

Ông cụ chậm rãi hỏi thêm:

— Con đã về đây từ mười năm?

— Dạ mười năm. - Tiếng của nàng nghe chừng như một tiếng vang, nhưng nàng không có vẻ gì buồn. Nàng vẫn dịu dàng, chịu đựng như thường lệ.

Bỗng ông cụ nói:

— Cha mẹ đã sai lầm. Mẹ con đã sai lầm, cha cũng vậy. Con cũng như là con ruột của cha mẹ. Cha mẹ luôn luôn nương dựa nơi con, luôn luôn cần có mặt của con. Chính vì vậy mà cha mẹ quên phút là đã để hai vợ chồng con xa cách. Khi nó còn ở nước người, con không thể dẫn mấy đứa nhỏ theo nó. Nhưng bây giờ nó đã trở về đây. Nó có nhà riêng ở trên thủ đô. Nó cần một người nội trợ để trông coi tiệc tùng, để sai khiến tôi tớ. Nó cần có người nó thương yêu ở bên cạnh.

Đôi mày đẹp như lá liễu của nàng dâu hơi rung động trên đôi mắt. Nàng hỏi:

— Cha muốn nói là...

Ông cụ:

— Cha muốn nói là con phải đi theo chồng con.

Thuốc phiện nường trên ngọn đèn tỏa một mùi thơm khắp gian phòng, lơ lửng trên không.

Ông cụ chưa hút. Nàng dâu cúi xuống đưa ngọn đèn ra xa, dáng điệu thật duyên dáng. Ông cụ thừa lúc đó để ngắm con dâu. Là người gia giáo ông cụ không bao giờ nhìn thẳng người đàn bà mình trọng. Ông thấy dưới vành tai của nàng ửng đỏ. Ông hỏi thật nhân từ:

— Con có thích đi không?

Nàng im lặng một lúc. Nàng đang suy nghĩ. Đôi mày nàng hãy còn run run. Sau đó, nàng hỏi:

— Con không đi nếu không có ai ở bên cạnh cha mẹ.

Ông cụ:

— Cha mẹ sẽ giữ lại Wang Ma. Không sao đâu! Chắc chắn là cha mẹ sẽ thấy thiếu con. Nhà thiếu mấy đứa nhỏ sẽ vô cùng trống trải. Nhưng cha phải nghĩ đến thằng Vương trước nhất. Cha không xử sự đúng đắn với nó. Cha đã suy nghĩ nhiều. Cha thấy con cần phải theo chồng con.

Nàng lẩm bẫm:

— Nhà con ra đi vội vàng quá!

Ông cụ thở dài:

— Phải. Nó đi quá vội vàng. Để cha viết thư cho nó.

Ông cụ bắt đầu hút, nét nhân hậu hiện rõ trên gương mặt khi ông ngủ.

Nàng dâu chờ một lúc lâu rồi thấy sự có mặt của mình không cần thiết nữa, bước ra ngoài.

Như thường lệ, vào lúc xế chiều, nàng đến tìm bà cụ ở phòng giữa và tiếp tục công việc thêu thùa. Con chim xanh đã thêu xong, và tiếp tục thêu cành mai trở hoa con chim đậu. Trong mười năm nữa, con gái nàng là con dâu và sẽ ngủ trên chiếc áo gối thêu đó.

Lúc đó người ta nghe thấy tiếng la ngoài sân và cậu bé chạy nhào vô, xách tai con thỏ trắng đang giãy giụa hai chân. Cậu kêu lên:

— Chị bảo con thỏ này của chị, nhưng con biết là nó của con...

Người mẹ đứng lên nắm cánh tay tròn lẳn của đứa bé đi ra cửa. Cậu bé nũng nịu kêu lên không ngớt:

— Con muốn con thỏ này phải là của con. Nó phải thuộc về con.

Chị nó đang ở ngoài sân cúi xuống chuồng thỏ, đút những lá cải vào như không nghe gì cả.

Người mẹ gọi:

— Con.

Con bé quay lại, nhìn thẳng vào mặt mẹ, ưỡng ngạnh. Cô bé có những nét đều đặn như mẹ nó, nhưng linh động, hoạt bát hơn. Nó nói với giọng bình tĩnh và tự tin:

— Con thỏ đó của con.

Người mẹ lặp lại:

— Con...

Rồi lại im lặng.

Cô bé đứng thẳng lên, ném các lá cải đang cầm trên tay, cắn môi, rồi nói với giọng cộc lốc:

— Lúc nào con cũng bị xử hiếp hết! Con không chịu đâu!

— Con...

Người mẹ lặp lại lần thứ ba và cô bé òa ra khóc rồi chạy nhanh vào phòng.

Cậu bé kêu lên đắc thắng:

— A ha! Con thỏ này của con!

Người mẹ bảo:

— Phải. Nó của con.

Rồi nàng vào trong tiếp tục thêu.

Bà cụ đã nghe tất cả, thở dài, nói:

— Nếu con có được một đứa con trai nữa thì tốt biết mấy. Phải có một đứa con trai để thằng bé kia chơi với. Mẹ thấy tánh nó rất bướng bỉnh.

Người mẹ trẻ không đáp. Nàng lắng nghe tiếng động xuất phát từ phòng bên trong. Nàng nghe tiếng nước nở nghẹn ngào, dường như con bé che một vật gì trên miệng. Sau cùng, người mẹ đứng lên, không chịu được thêm nữa. Với sự bình tĩnh lạ thường, nàng bước vào phòng trong, bước lại gần

giường cô bé đang nằm vùi đầu vào chăn.

Nàng kéo cô bé ra, nó quay lại; mặt đầm đìa nước mắt, đôi mắt lạnh lùng. Không nói không rằng, người mẹ đưa tay lên trán, vuốt mớ tóc lòa xòa.

Cử chỉ êm ái đó, khiến vẻ khó chịu của cô bé từ từ biến đi. Nàng trở nên buồn thảm. Khi người mẹ trông thấy sự thay đổi này, nàng nói thật nhỏ như thì thầm:

— Đây con, khi này mẹ không hỏi con thỏ kia của ai. Mẹ muốn tập cho con tánh phục tùng bằng cách này hay cách khác. Phục tùng cha, phục tùng anh, phục tùng chồng. Nếu em con muốn con thỏ đó, thì con phải nhường cho nó.

Cô bé vừa kêu vừa khóc:

— Tại sao con phải nhường? Nó là con thỏ của con. Con biết chắc chắn vì nó có một chấm đen trên râu...

Người mẹ kiên nhẫn giải thích, cũng như nàng lặp lại một bài học, được nghe nhiều lần:

— Con học tánh phục tùng trước hết bằng cách nghe lời cha, nghe lời em, về sau con có thể phục tùng chồng con. Một người đàn bà phải học vâng lời. Chúng ta không nên hỏi tại sao. Một khi sanh ra, chúng ta không thể thay đổi gì được. Chúng ta phải chấp nhận và làm tròn bổn phận của chúng ta.

Bàn tay nhẹ nhàng của nàng vẫn không ngừng vuốt ve trán cô bé, dường như để đem lại sự bình tĩnh mà lời lẽ của người thiếu phụ không đem lại được. Những lời lẽ đó, người mẹ trẻ đã nhiều lần lặp lại để giáo dục đứa con gái. Những lời lẽ đó không phải mới, nhưng cũ từ mấy thế kỷ. Sự vuốt ve đều tay và ru ngủ là một thông điệp câm nín và trực tiếp mà người mẹ truyền cho con bé. Cô bé nhận và thấy dễ chịu.

Vài ngày sau, khi cả nhà ngồi vào bàn ăn vào buổi tối, ông cụ nhìn con dâu với nét vui tươi, ông vừa vuốt râu vừa tăng hăng. Trông ánh mắt của ông, người ta biết là ông có điều gì trong trí.

Lúc nàng dâu đặt trước mặt ông tô canh và món thịt heo mà ông ưa thích và đặt trước mặt bà cụ đĩa rau cải nấu chay đặc biệt cho bà, ông cụ vuốt râu

và tăng hăng một lần nữa trước khi nói với giọng hăng hái:

— Này con, hôm nay cha viết thư cho thằng Vương báo tin cho nó biết là con đã chuẩn bị sẵn sàng để đưa hai đứa nhỏ lên Thủ đô ở với nó. Nó đã nói trong thư gởi cho cha một câu rất chí lý: “Một người đàn ông phải có một người nội trợ trong nhà để trông coi nhà cửa, sai khiến tôi tớ”. Cha cho nó biết là nó nên về đây rước con nếu nó xin phép được vài ngày. Nếu không thì cha sẽ cho gia nhân đưa con lên đó. Chuyển đi này không có gì khó khăn. Gia nhân của cha lớn tuổi và trung thành. Cha cũng sẽ đưa con xuống thuyền. Con chỉ mất ba ngày đường và khi tới nơi, Vương sẽ ra đón con tại bến! Sau đó con tiếp tục đi đường bộ không đầy một ngày. Tóm lại, con không có gì phải ngại, vì gia nhân đã đi lại con đường đó nhiều lần khi thằng Vương hãy còn trẻ. Chuyện rất giản dị. Một người đàn ông cần có người vợ ở trong nhà. Thằng Vương nói rất chí lý.

Nàng dâu không đáp. Tâm hồn nàng đang xúc động vì những ý nghĩ dồn dập. Nàng cảm thấy vui mừng trong lòng khi biết chồng muốn có nàng ở trong nhà. Nàng hãnh diện vì thấy nàng hữu ích đối với chồng. Và nàng thấy mình đã lắm khi nghĩ là chồng đã thay đổi thái độ đối với nàng. Chàng hãy còn cần sự có mặt của nàng. Nàng run run khi cầm đôi đũa gắp một miếng thịt gà nấu nấm mà cậu bé đòi ăn:

— Kia mẹ, miếng trắng đó. Không, ở đây nè!

Cô chị nói với vẻ trách móc:

— Đó là miếng nội thích.

Người mẹ trẻ ngừng lại:

— Đứng rồi con à. Đó là miếng nội con thích.

Cậu bé mím chặt môi, đôi mắt tròn tròn và sáng ngời như sắp khóc. Ông cụ liền cúi xuống gắp miếng thịt gà mà đứa cháu thích bỏ vào chén của nó.

— Đó, nội cho con.

Đứa bé cười rộ lên, thích chí.

Người mẹ nghiêm nghị bảo:

— Cám ơn nội đi con.

Sau khi đã được những gì mình muốn. Cậu sẵn sàng vâng lời. Cậu đứng lên, cúi đầu về phía ông cụ.

Ông đưa bàn tay ra vuốt đôi má đỏ hồng cậu bé. Với giọng dịu dàng, đầy lưu luyến, ông nói:

— Rồi con cũng theo mẹ con đi khỏi mái nhà này...

Cậu bé hăm hở kêu lên:

— Con cũng đi nữa hả mẹ? Mình đi bằng thuyền?

Cậu vội vàng đứng lên, làm đổ chén cơm và miếng thịt gà:

— Mẹ, chừng nào mình đi? Mình đi đâu hả mẹ?

Người mẹ rầy:

— Nín đi! Bây giờ hãy còn quá sớm để bàn bạc. Hãy chờ quyết định của cha con.

Ông cụ liền nói:

— Nó sẽ viết thư cho con ngay. Để tính xem. Bảy ngày nữa chúng ta sẽ được thư của nó. Hãy cho thêm một hai ngày phòng ngược gió.

Bà cụ bắt đầu hiểu người ta bàn về việc gì, bảo:

— Tôi không biết ra sao nếu thiếu con dâu của tôi.

Bà cụ vừa húp cánh cải trên chiếc muống sành. Bà cụ chỉ còn có vài chiếc răng và canh là món bà ưa thích nhất. Bà đặt muống lên chiếc đĩa nhỏ, nhìn chung quanh:

— Tôi quen sống bên cạnh con dâu của tôi. Với một người già như tôi mà thiếu con dâu thì thật là khổ. Tôi không thể trông coi kẻ ăn người ở trong nhà như lúc còn trẻ.

Ông cụ đáp:

— Khi nhà chỉ còn hai kẻ già chúng mình thì làm gì có chuyện trông nom với sai khiến.

— Nhưng...

Bà cụ vừa nói lại nín lặng. Bà vừa trông thấy vẻ mặt nghiêm nghị ít khi có của chồng. Bà cụ đâm sợ, mà không biết làm gì hơn là tiếp tục húp canh như trước.

Ông cụ lặp lại, nhìn cậu bé:

— Nhất định là mình phải để cho nó theo thằng Vương. Còn con nữa, con cũng đi theo mẹ con.

Con bé lắng nghe, đôi mắt tròn xoe.

— Con cũng đi nếu bà nội con không thấy cô đơn.

Cô bé tái mặt, buông đũa xuống không buồn ăn, nói với giọng cả quyết:

— Nếu không đi được thì con chết!

Bà cụ ngẩng đầu lên giận dữ:

— Đừng có nói những tiếng đó, quan hệ lắm! Coi chừng cô hồn...

Người mẹ trẻ nói:

— Nếu mẹ thấy không cần chúng con và nếu chúng con phải đi, con muốn đưa hai con theo vì đã đến lúc con bé phải học hỏi nhiều việc. Nhưng cố nhiên là không phải con quyết định, với tuổi già, mẹ khó thể sai khiến kẻ ăn người ở trong nhà. Mình phải luôn luôn dòm ngó, nếu không họ sẽ đâm lười...

Ông cụ nói với vẻ tin tưởng:

— Không sao. Đã có Wang Ma lo, trông coi đám tô tở, tiêm thuốc và đưa bà cụ đi chùa. Mình sẽ thu xếp sau.

Dù bình tĩnh, người vợ trẻ vẫn không thể ăn đến cuối bữa cơm. Tuy nhiên nàng trông coi sai bảo đám bồi bếp mang thức ăn đầy đủ cho mọi người. Nàng chú ý chúng mang trà đúng với sở thích của cha mẹ chồng. Ông cụ thích loại trà đỏ trong khi bà cụ thích loại trà xanh. Mỗi chiều, nàng làm tròn công việc của mình, không bao giờ xao lãng. Sau khi gia nhân dọn bàn, và trong lúc cha mẹ chồng uống trà, nàng đưa hai con đi rửa mặt rửa tay. Nàng lo cho cậu bé, còn cô bé thì giao cho người tở già.

Chỉ lúc đó người thiếu phụ mới tách rời thói quen. Nàng vào phòng của Vương thay vì trở qua phòng của cha mẹ chồng. Trong bóng tối, nàng ngồi lên chiếc ghế của chồng. Nàng bắt đầu nghĩ đến tương lai. Nàng không thể hình dung chuyện rời bỏ ngôi nhà mà nàng đã ở hơn mười năm qua. Nàng nghĩ riêng từng vật mà nàng có nhiệm vụ trông nom. Ai sẽ lo quét dọn ba vuông sân, ai sẽ lo chăm sóc các cành trúc, ai sẽ xắn măng để ăn và để các gốc khác vươn lên?

Đám gia nhân không người sai khiến sẽ làm biếng không chịu xắn măng xào nấu cho đôi vợ chồng già. Tô tở bao giờ cũng thế. Ai sẽ lau bụi các chiếc quạt cổ của ông cụ? Hai bàn tay của ông cụ đã bắt đầu run...

Tất cả những công việc lật vạt đó ám ảnh tâm trí nàng và bao bọc chung

quanh nàg như một cái lưới vô hình khó phá vỡ được. Có những công việc tế nhị mà chỉ có nàg làm được như lau chùi những pho tượng, cuốn lại những liêng vào những mùa nhứt định và thay vào đó những thứ khác. Ngày xuân nàg lo việc cúng kiến tảo mộ.

Tất cả công việc đó đem lại cho gia đình vẻ trang trọng và khi thực hiện các công việc đó nàg thấy thoải mái với nhiệm vụ của người con gái, người vợ và người yêu. Nhưng nàg còn có người chồng. Nàg sẽ rất cần thiết trong nhà của chàng. Bây giờ không hy vọng chàng sẽ trở về ở trong thành phố nhỏ bé này như lúc còn trẻ. Một người lỗi lạc như chàng sẽ không có chức vụ nào xứng đáng với tham vọng của chàng. Với sức học uyên thâm và ngôn ngữ ngoại quốc lão thông, chàng chỉ có thể sống ở thủ đô và nơi đó người ta hết sức cần đến chàng.

Nàg khẽ thở dài. Nếu theo chồng, có lẽ nàg sẽ trông nom một ngôi nhà giống như ngôi nhà cha mẹ chồng nhưng nhỏ hơn. Nàg sẽ trông coi bếp núc, như hiện nay. Nàg sẽ nấu các món ăn mà chàng thích hoặc đứng điều khiển nấu các buổi tiệc nhỏ không đáng gọi những đầu bếp nhà nghề. Nàg sẽ trông lo rót rượu như ở đây. Sẽ có bàn tủ để lau chùi, có vườn để vun tưới. Nàg sẽ dạy dỗ con gái như đang dạy ở đây và sẽ trông nom cậu con trai. Tất cả công việc của người đàn bà, nàg đều hiểu rõ không sót một việc nào.

Bỗng nàg nghe tiếng tăng hắng của cha chồng ngoài cửa. Nàg đứng lên bước ra. Bà cụ đã về phòng riêng, chỉ còn một mình ông cụ. Ông cụ bảo:

— Cha nhất định là con phải đi. Vậy con nên sửa soạn rương tráp mang theo quần áo của con và của hai đứa nhỏ, nếu con thấy cần đưa hai đứa nhỏ nó theo, vì con sẽ phải ở luôn ngoài đó với chồng con.

Nàg khẽ cúi đầu:

— Con tuân ý cha. Con đem con bé theo vì đã đến lúc phải sửa soạn cho cuộc đời của nó. Con phải dạy nhiều việc cho tương lai của nó. Chỉ tội cho mẹ già mà không có con cháu bên cạnh.

Nhưng sau rốt, người vợ trẻ phải ở lại. Đúng vào lúc nàg nghĩ đến việc ra đi theo chồng với tất cả sự rung động dịu dàng và thầm kín thì có một

bức thư mà ông lão giữ kín. Ông lão xúc động mạnh khiến bà cụ và nàng dâu không biết phải làm thế nào. Thuốc phiện cũng không đủ sức trấn tĩnh cơn xúc động của ông lão. Ông ngồi nhìn nàng dâu trong khi mọi người chờ đợi ông lên tiếng. Nhưng ông không nói một lời.

Sau cùng nàng không chịu được nữa vì nàng khiếp sợ, với sự táo bạo hiếm có, nàng vào phòng cha chồng, vờ sẵn sóc ông cụ và hỏi:

— Thưa cha, nếu có thể, xin cha cho biết ngày nào cha muốn con lên đường. Con cần biết để thu xếp công việc trong nhà trước khi đi. Con phải trông coi, quần áo ngự hàn chuẩn bị mùa đông, phải phơi các áo lông để sau này mẹ con khỏi phải bận tâm về những chuyện đó.

Ông cụ lại ho lâu hơn thường lệ, dường như ông thấy lúng túng. Sau cùng, ông nói sự thật:

— Con à, cha vừa nhận được một bức thư kỳ lạ của chồng con. Cha không thể lặp lại nội dung bức thư cho con nghe. Bây giờ chính cha phải đích thân xuống thủ đô tìm hiểu nếp sống của nó như thế nào. Chừng cha trở về thì con sẽ đi. Con nên chuẩn bị sẵn sàng.

Ông cụ chưa hề đi xa từ lúc hãy còn trẻ, bà cụ và nàng dâu lấy làm lo ngại khi biết quyết định của ông. Nàng dâu nghĩ là ông cụ không thể đi được. Làm sao chịu nổi sự vất vả của chuyến đi? Ai sẽ làm thuốc cho hút? Ai nấu những thức ăn mà ông thích?

Bà cụ đâm cuống lên. Cả hai người đàn bà năn nỉ ông cụ giải thích vì sao ông lại như thế này. Phải chăng là Vương lâm trọng bệnh? Nhưng ông cụ vẫn một mực không nói lên sự thật. Ông chỉ đáp:

— Không, thằng Vương không bệnh hoạn chi. Nhưng tôi phải gặp nó mới được.

Chưa bao giờ người ta thấy ông cụ cương quyết đến mức đó. Cũng chưa bao giờ ông chịu giữ bí mật như vậy.

Mẹ chồng và nàng dâu, không còn cách nào hơn là thu xếp hành lý cho ông cụ. Nàng dâu cẩn thận cho vào rương áo quần đủ bốn mùa vì nàng không biết mưa gió như thế nào nơi chồng đang ở. Nàng cũng không quên hộp trà thật ngon mà cha chồng thích. Nàng biết là ông cụ không đời nào chịu uống loại trà người ta bán cho khách đi đường. Nàng bỏ theo vài hộp

bánh mứt để ông cụ dùng cho thơm miệng. Nàng cũng bảo hai người tớ tâm phúc đi theo ông cụ. Một trong hai người này là ông lão đã từng đưa Vương đi học ngày xưa.

Khi ông cụ lên kiệu, hai tay run rẩy vuốt chòm râu bạc, đôi mắt sáng và nghiêm, hai người đã trở vô nhà chờ đợi.

Nàng dâu chờ đợi trong suốt thời gian ông cụ đi vắng. Đến ngày thứ bốn mươi, ông cụ trở về. Không ai biết rõ ngày giờ ông cụ về. Ông không viết thư vì trong nhà có một mình ông biết đọc. Và không thể nhờ một kẻ khác đọc một thư nói về chuyện riêng tư trong gia đạo của mình.

Ông cụ về đến cổng rào không ai hay. Ông bước vào sân, lão đảo như mệt mỏi quá sức.

Ông không nhìn lên và cười với vẻ kiệt quệ khiến hai người đàn bà đâm sợ.

Bà cụ theo ông vào phòng riêng. Nàng dâu hối hả nấu cháo gà để giúp ông lại sức.

Ông cụ nằm luôn ba ngày không nói. Thỉnh thoảng ông rên rỉ hoặc ấp úng một tiếng cảm ơn khi nàng dâu săn sóc.

Hai người đàn bà cố kiên nhẫn chờ đợi vì họ biết có một điều gì ghê gớm, không thể nói được đã ám ảnh ông cụ.

Đến ngày thứ ba ông cụ mặc áo quan thường nhật, cố gắng lê bước đến ngòi trước án thư. Ông cho gọi bà cụ và nàng dâu đến. Ông có một chuyện khó nhọc để nói với hai người.

Bà cụ lo ngại những tin chẳng lành, sợ con trai bà lâm trọng bệnh. Người vợ trẻ nghĩ đến chồng với sự lo âu tương tự. Có lẽ chàng bệnh hoặc có thể là đã chết. Cả hai đều không có một ý nghĩ nhỏ nào về câu chuyện mà ông cụ sắp nói ra.

Ông cụ nói:

— Tôi đã xuống Thủ đô. Tôi đã gặp thẳng Vương và các bạn của nó. Tôi đã ở trong đó hai mươi ngày để xem những vật mà tôi chưa biết. Nhà cửa thật cao, xe cộ chạy tự động và còn rất nhiều chuyện lạ khác mà tôi sẽ không kể lại vì các thứ đó không liên hệ đến hai người. Tôi đã hiểu những gì thẳng Vương nói về các phụ nữ ở thành phố. Họ còn lạ hơn những điều

tôi trông thấy. Họ đi đứng một mình không cần có ai đi theo. Họ cắt tóc ngắn như đàn ông, và giống y như đàn ông. Ban đầu tôi thầm nghĩ: “Đó là những đàn bà hư thân mất nết. Con tôi đã hư hỏng vì bọn này”. Nhưng sau đó tôi thấy mình đã lầm. Tôi đã nghe nói đàn bà thay đổi nhiều trong thời buổi này. Và tôi đã hiểu. Trước đó, tôi không tin, vì ở đây, đàn bà vẫn không có gì đổi mới.

Ông cụ ngừng lại, dường như nhớ một điều gì khó chịu và nhìn chăm chú xuống đất.

Bà cụ lắng tai nghe thật kỹ, hỏi:

— Nhưng thay đổi như thế nào?

Ông cụ đáp:

— Họ được nuôi nấng trong các trường giống như trường mà thằng Vương đã học. Họ biết đọc biết viết và có người ở ngoại quốc nữa. Thằng Vương đã quen biết họ lúc du học ở hải ngoại. Nếu không nghe thằng Vương nói thì tôi đã không tin. Tôi có theo nó đến nhà một người bạn của nó. Người bạn này có một người vợ giống như những người đàn bà tôi vừa kể. Ban đầu tôi không dám nhìn vì sợ nàng là hạng người không đứng đắn. Nhưng nàng nói chuyện thật dịu dàng và lịch sự, bốn đứa con của nàng lễ phép và sạch sẽ. Nhà cửa sắp đặt chu đáo, dù có hơi kỳ lạ. Tất cả đều có ngăn nắp trật tự. Tôi thấy không có gì xấu đối với cô nàng. Thằng Vương cho tôi biết là người đàn bà đó đã dạy các con nàng đọc và viết và nhiều việc khác trong sách. Tôi chưa hề gặp những người đàn bà như thế. Nàng ngồi nói chuyện và cười với đàn ông và tôi thấy những người đàn ông này kính trọng nàng lắm.

Hai người đàn bà lắng nghe ông cụ nói trong sự im lặng hoàn toàn. Nàng dâu trở nên tái xanh, xanh hơn thường nhật và nàng liếm môi bằng đầu lưỡi.

Ông cụ tiếp tục với vẻ do dự và tế nhị:

— Thằng Vương ở một mình trong một ngôi nhà không giống ngôi nhà mình. Đó là một ngôi nhà kỳ dị. Đó là hai cái nhà chồng lên nhau và có cửa sổ bằng kính.

Ông ngừng lại một lúc rồi tiếp tục, sôi nổi hơn:

— Tôi nói với thằng Vương: “Nhà con không có ai để săn sóc. Vợ con có thể đến đây ở với con khi nào con muốn, vì cha và mẹ con có thể cố gắng để không phải nhờ vả đến nó...”

Hai người đàn bà ngồi yên, hai mắt dán chặt vào gương mặt cúi xuống của ông cụ. Bàn tay vàng, gầy, và nhăn nhúm không ngớt vuốt râu, ông hết gác chân lên đùi bên này lại gác chân lên đùi bên kia.

Bà cụ không chịu nổi sự im lặng đó, hỏi:

— Rồi nó trả lời như thế nào?

Ông cụ lại ho rồi vụt trả lời lớn lên:

— Nó nói: “Cha à, chính mắt cha trông thấy, làm sao vợ con có thể trông nom một ngôi nhà như thế này, làm sao vợ con có thể là một người vợ xứng đáng với con? Nó không biết đọc cũng không biết viết. Con sẽ xấu hổ trước mặt bạn bè và vợ bạn của con”.

Nghe những lời đó mặt người vợ trẻ như hóa đá. Nàng không có một cử động. Đôi mắt nàng nhìn xuống, hai bàn tay nắm lại và nàng ngồi như thế bất động.

Ông cụ lên nhìn con dâu, thở dài thật to, nói tiếp:

— Tôi hiểu những gì nó muốn nói. Nhưng tôi quả quyết và tôi lặp lại “Làm sao kiếm được một người đàn bà như con! Không ai có thể sánh kịp với con”.

Ông cụ lại thở dài rồi nói với giọng chua chát chưa từng thấy:

— Nhưng con không biết đọc, không biết viết. Dường như ngày nay đàn bà phải biết đọc, biết viết.

Một tiếng hét vang ngoài sân, tiếng hét của cậu bé. Nếu vào lúc khác mẹ nó sẽ chạy nhào lại nó. Nhưng lúc bấy giờ nàng không nhúc nhích. Dường như nàng không nghe con hét.

Bà cụ nó thật nhanh và lớn:

— Nhưng tất cả những việc đó là nghĩa gì? Thằng Vương muốn cái gì? Không, tôi không hiểu vì sao nó nói như vậy. Nó đã tìm một người nó thích hơn. Chính thế. Tôi biết chắc. Tôi đã nói trước là con đi học ở nước ngoài chỉ đem lại toàn chuyện không hay!

Ông cụ đưa tay lên để bắt bà cụ im lặng:

— Bà nó không hiểu đâu! Tôi không thấy một người đàn bà nào mà nó thích như bà nói. Không! Nó đã đề nghị một thu xếp như thế này. Nó bảo: Vợ con phải đi học trong ba năm ở một thành phố sát bờ biển, một trường học của người ngoại quốc mà con biết bà hiệu trưởng, con sẽ viết thư giới thiệu vợ con với bà ấy. Vì con, họ sẽ nhận cho vợ con học trong trường. Ở trong đó vợ con sẽ dần dần giống như các phụ nữ ở đây. Vợ con sẽ học đọc, học viết mà còn học cách dạy dỗ con cái nữa”.

Bà cụ vụt cười, một nụ cười thật nhỏ, nhưng chua chát. Nhưng gương mặt nàng dâu ửng đỏ. Nàng ngẩng đầu lên, đôi mắt ngấn lệ. Nàng nói mặt cách khiêm nhường:

— Phải con không biết gì hết. Anh Vương nói chí lý. Con không xứng đáng với anh ấy. Con sẽ đến trường nào anh ấy muốn. Khi con phơi xong quần áo ngự hàn, chuẩn bị cho mùa đông xong, con sẽ đi...

Nàng nói thêm với giọng hỗn hển:

— Con sẽ đi nếu anh ấy muốn con giống như những người khác.

○○○

Nhưng làm sao một người mẹ trở lui lại vào thời con gái? Nàng đã rơi nước mắt khi tách rời hai đứa con. Nàng đã quay lại một lần chót để nhìn hai đứa con đứng sát vòng rào, dang hai cánh tay ra gọi mẹ.

Nàng đã ra đi bên cạnh người tớ già, bất bình trước sự việc kỳ quái như thế. Nàng đã vào trường, ngồi vào chỗ dành riêng ở dãy phòng ngủ, giữa những hàng giường và trong phòng học, ở bàn riêng của nàng.

Làm sao nàng quên được tình cảnh éo le của nàng giữa cảnh xa lạ đó? Người ta đã tỏ ra tử tế với nàng. Những người đàn bà ngoại quốc trắng xanh và kỳ lạ, rất lịch sự với nàng. Nhưng nàng phải ngồi trong một góc phòng, ở giữa đám bé con, phải cúi xuống các quyển sách có những chữ thật lớn.

Nàng quyết chí học hành, để học cho xong, càng sớm càng hay. Nhưng khi nàng tập trung tâm trí vào các chữ cái thì hồn nàng bay bổng trở về nhà và nàng không thể trách rời ra được. Nàng nghĩ thầm “với gió lạnh như thế, có ai mặc áo ấm cho hai đứa bé không?” Nàng lo sợ không ai lo cho các

công việc hàng ngày. Thế rồi thời gian trôi qua thật nhanh, giờ trả bài đã đến. Nàng không thuộc bài, giáo sư quở trách và nàng cảm thấy xấu hổ.

Đêm đến, khi phải thay áo nằm ngủ trong phòng giữa nhiều người, nàng thấy ngại ngùng, khó chịu. Nàng trèo lên chiếc giường sắt nhỏ, cố nhắm mắt lại, nhưng hai mắt vẫn mở to. Nàng nhớ đứa con trai mà nàng đã ngủ chung từ khi sanh nó ra.

Ba năm mà nàng phải theo học trong trường dài vô tận. Ngày lại ngày, tâm hồn của nàng bay bổng về mái nhà xưa, về hai đứa con. Nàng không hề tập trung được tinh thần vào việc học. Nhiều người cho nàng ngu đần. Nàng nghe được hai giáo sư nói về nàng. Một người nói:

— Bà ta không học được gì. Điều đó khiến người ta khó chịu khi nghĩ đến sự thông minh và sức học của chồng bà ta. Có những người sanh ra ngu đần và không có cách nào cứu chữa.

Người kia nói với giọng mỉa mai vì bà giáo có cảm tình với nàng.

— Dường như không có cách nào mở mang trí óc bà ta.

Người ta tập hợp nhà trường lại để nghe một nhân vật lỗi lạc diễn thuyết. Người này sẽ thuyết trình về Cách mạng, về Tam dân chủ nghĩa, về tân kỹ nghệ.

Người thiếu phụ ngồi giữa những người khác, lòng se lại vì những lời nghe lóm. Nàng nhìn chung quanh, ngắm các cô bé đang chăm chú nghe diễn thuyết. Các cô học trò lớn - đã quá tuổi lấy chồng - được nàng đặc biệt chú ý. Các cô này học cao hơn nàng rất nhiều năm.

Bây giờ nàng chợt thấy những người đàn bà mà Vương đề cập cũng ở kế bên nàng. Họ đọc và viết nhanh như đàn ông.

Tất cả đều hiểu những lời của diễn giả, còn nàng thì không hiểu một chút gì về những danh từ như “chế độ kinh tế” và nhiều câu khác mà nàng chưa hề nghe. Nàng không dám hỏi vì biết là mình quá dốt.

Bây giờ nàng mới biết chắc các cố gắng của mình thật là vô ích. Nàng sẽ không bao giờ giống được những người đàn bà kia, dù cho nàng cố gắng tận lực. Nàng biết điều khiến ngôi nhà cũ, săn sóc con cái, cha mẹ chồng. Nhưng ở đây người ta đã đòi hỏi những điều quá sức nàng. Nàng phải trở về nhà. Và trong khi giọng nói trong trẻo và to tiếp tục vang lên, người

thiếu phụ suy nghĩ sắp đặt chương trình. Nàng quyết định từ bỏ và trong sự từ bỏ đó, nàng tìm thấy con đường đi của nàng.

Nàng tự nhủ “Mình sẽ trở về nhà mình lo cho con và cha mẹ chồng như trước. Mình sẽ năn nỉ ông cụ viết thư cho chồng nói là ‘Em không thể là hai người đàn bà. Nếu anh muốn một người vợ theo kiểu đó thì xin anh cứ cưới để nàng ở bên cạnh anh, dù điều đó làm em tan nát cõi lòng. Về phần em thì em sẽ ở nhà săn sóc cho cha mẹ và các con’.”

Quyết định đã chọn, nàng cảm thấy một nỗi buồn sâu xa nhưng êm đềm. Nàng có thể chịu đựng nỗi buồn đó hơn là sự tuyệt vọng trước đó.

Buổi diễn thuyết kết thúc, học sinh giải tán. Nàng lên tìm bà hiệu trưởng nói:

— Tôi nghĩ là tôi nên trở về nhà. Quả thật ở đây tôi không học được gì, vì tôi cứ nghĩ mãi về mấy đứa con.

Bà hiệu trưởng có nhiều công việc hơn là để săn sóc một người học trò nên đáp:

— Có lẽ bà nói đúng. Bà nên trở về nhà. Tôi rất tiếc bà không thể ở đây.

Bà hiệu trưởng cười, nhưng nụ cười đó cho thấy là tâm trí bà đang nghĩ về các vấn đề quan trọng hơn.

Nàng gom góp quần áo, cột hành lý lại, trả học phí, bước ra khỏi cổng nhà trường, mua vé tàu về nhà.

Không ai để ý sự vắng mặt của nàng sau hai tháng đến trường vì nàng sống xa cách những kẻ khác.

Chưa hề đi xa một mình, nàng vẫn bình tĩnh tự tin cho nên không ai trông thấy sự bỡ ngỡ.

Đến ngày thứ tư, nàng mở cánh cổng mái nhà xưa. Lúc bấy giờ mọi người ngồi trong vườn mai, ông cụ đang bón phân mấy gốc mai, chuẩn bị cho mùa đông sắp tới.

Người ta nhìn nàng một lúc, không nói một tiếng vì người ta không nghĩ là nàng. Nàng vội vàng giải thích tại sao mình trở về và năn nỉ ông cha chồng:

— Thừa cha, con xin chịu. Con chịu để cho nhà con cưới vợ lẽ theo ý anh ấy muốn. Xin cha cho con ở đây với cha với mẹ, với các con như trước

đây. Con không thể học được gì trong cái trường ngoại quốc đó. Con đã cố gắng, nhưng lúc nào con cũng nghĩ về mấy đứa con. Con cứ thắc mắc: “Có ai tấn mản cho mấy đứa nhỏ”. “Thằng bé có ngủ ngon khi thiếu mẹ bên cạnh”. “Nó có lăn trở hay chẳng? Và chị nó có thức giấc để đắp chăn cho nó hay không? Nhưng chị nó cũng chỉ là một con bé tí xíu!”. Không! Con vẫn là con. Con chỉ thông minh và hữu dụng trong gia đình này mà thôi, bên cạnh cha mẹ và các con. Con ở ngoài kia, con là một kẻ vụng về đần độn. Cha không đoán được điều đó vì cha không trông thấy. Những đứa bé nhút trong trường con hiểu rành hơn con về những lời người ta giảng dạy... Anh Vương nói đúng. Con chỉ thích hợp với ngôi nhà này, bên cạnh cha mẹ và hai đứa bé. Con không thể ra đi một lần nữa.

Nàng vừa khóc vừa trình bày mọi việc. Giọng nàng run run, khác hẳn giọng thường ngày. Đôi mày liễu chập chờn trên đôi mắt lo âu.

Đôi vợ chồng già lẳng lặng nhìn nhau. Nhưng hai đứa bé không hiểu tí gì về những lời của mẹ chúng. Chúng nhào tới. Cậu bé kêu lên:

— A ha! Bây giờ chúng con có bánh ăn!

Cô gái cũng mơn trớn mẹ:

— Khi nào mẹ trở vô trường, mẹ cho con theo với. Con muốn được đi học.

Ông cụ hoàn toàn thông cảm nàng dâu. Ông vuốt râu, thở dài:

— Cha hiểu những chuyện của con. Cha sẽ viết thư cho thằng Vương kể hết tất cả và chúng ta chờ xem nó có đổi ý?

Nói xong ông trở về phòng, tiếp tục thở dài.

Bà cụ im lặng, nhưng nắm tay con dâu, vuốt ve rồi cúi xuống nói nhỏ vào tai: “Đừng lo nghĩ gì. Để mẹ nói với nó khi nó trở về đây”.

Nàng chỉ đáp bằng một nụ cười héo hắt.

Nàng biết rõ tánh bướng bỉnh của chồng sẽ không bao giờ chịu nghe ai, dù là những lời của người mẹ.

Nhưng nàng tìm lại được nguồn vui trong các bồn phạt đối với gia đình. Có khi trong đêm nàng giựt mình hoảng sợ vì thấy trở lại trường giữa những dãy giường giống hệt như nhau. Khi đứa bé lăn trở hoặc đập vào người nàng, người mẹ tỉnh giấc mừng thầm là mình chiêm bao.

Trong những ngày đầu, nàng thấy trong nhà có nhiều xao lãng cần phải chỉnh đốn. Người ta đốt quá nhiều củi trong bếp vì đã để nồi niêu đóng lọ quá đầy. Các ngọn đèn không được lau chùi, và nhiều việc khác mà đám gia nhân không chú ý. Bà cụ cũng không trông thấy những sơ xuất này vì từ lâu bà không còn trông nom công việc nhà. Người vợ trẻ bắt tay vào việc cho đến khi trong nhà lấy lại vẻ trang trọng thường lệ.

Không ai nhắc tới Vương và cũng không ai đề cập đến việc nàng phải đi. Một đôi khi nàng đề cập tới là chỉ để nói với hai con hay để lo việc thu xếp trong gia đình.

Nhiều lúc ông cụ trông thấy vẻ sợ hãi của nàng dâu mỗi khi ông đột ngột phá bầu không khí im lặng. Nàng chỉ trấn tĩnh lại sau khi hiểu ông cụ nói về vấn đề gì.

Ông cụ bảo vợ:

— Không bao giờ để vợ thằng Vương đi như trước. Bà có thấy nó trở về đây gầy ốm và run rẩy. Nó đau khổ nhiều lắm rồi.

Ông cụ không quở trách con dâu và nóng lòng chờ đợi bức thơ của Vương. Thật ra thì ông cụ chưa bảo cho Vương biết là con dâu ông chịu cho chồng cưới vợ lẽ. Ông giải thích cho con trai ông hiểu tình thế theo ý ông như thế này: “Vợ con rất đảm đang trong nhà nhưng không thể hòa mình trong sự thay đổi mới nếu phải ra ở chung với con. Trước những người đàn bà có học, nàng sẽ mai một”.

“Không ai chú ý đến và biết, giá trị của nó. Con phải để nó ở nhà với cha mẹ. Con trở về đây khi nào con thích và đưa bạn bè về chơi”.

Bức thơ ông cụ chỉ có thể và ông cụ chờ thơ trả lời của con.

Bức thơ đến rất nhanh, lời lẽ rất tử tế, Vương không biểu lộ một cách tàn nhẫn nào. Chàng viết: “Cha mẹ đã cư xử hết sức tử tế và thông cảm với vợ con. Con cũng xin cha mẹ cư xử như thế với con. Thưa cha con mới mười tám tuổi khi cha cưới vợ cho con, một người con gái mà con không hề biết. Vào tuổi đó, con lấy bất cứ người đàn bà nào. Và con thấy hơi thỏa mãn với người con gái mà cha chọn cho con. Con sẽ hài lòng về nàng nếu con theo cha đi vào ngành thương mại, không rời khỏi mái nhà xưa. Trong gia đình chúng ta, đàn ông không có thói quen cưới nhiều vợ. Con sẽ ở với vợ con

nếu con ở mãi trong nhà, cũng như mẹ và cha cùng sống bao nhiêu năm trong niềm vui êm đềm, niềm vui càng phát triển thêm với tuổi già. Nhưng con đã đi xa, với sự đồng ý của cha mẹ. Cha mẹ đã đặt tham vọng nơi con và con đã bước vào một cuộc sống khác, cách xa thành phố êm đềm mà cha mẹ đang sống như trăng sao cách xa mặt đất.

Con cần một người bạn để chia sẻ sống mới, con muốn có một người bạn để nói chuyện. Con không có gì để nói về người vợ mà cha đã chọn cho con. Giữa chúng con không có một điều thích hợp nào. Người tứ gái mà con muốn cũng làm y những công việc mà vợ con làm. Con muốn có một người vợ có học như con, thích ứng với kỷ nguyên mới. Xin cha hãy rộng lượng với con”.

Ông cụ không đọc bức thư này cho hai người đàn bà nghe. Ông đọc bức thư ba lần, than thở một mình vì không biết phải xử trí như thế nào.

Sau cùng ông viết thư cho Vương: “Vợ con chịu cho con cưới vợ khác theo ý còn muốn. Nó vẫn ở đây săn sóc cho cha mẹ như trong thời gian qua”.

Ông cụ tưởng vậy là xong chuyện. Ông không ngờ con trai ông có thể nghĩ khác hơn.

Trong thư gửi cho cha, Vương nói:

Trong thời buổi này, một người đàn ông không thể cưới hơn một người vợ. Như vậy là không thích hợp mà cũng không hợp pháp. Người đàn bà tân tiến không chịu làm vợ lẽ. Như vậy, con phải được ly dị với vợ con, để chỉ có một người vợ mà thôi. Nhưng con sẽ hết sức rộng rãi, con sẽ bồi thường xứng đáng cho vợ con. Con sẽ không để cho nàng thiếu thốn một điều gì. Con không muốn nàng đau khổ.

Ông cụ không giữ được bình tĩnh khi đọc những dòng chữ ấy. Ông trợn tròn xoe đôi mắt và đọc lại để biết chắc là ông đã hiểu thật sự nội dung.

Thế rồi trong cơn phẫn nộ, ông viết thư cho Vương.

Thời buổi này thật là lạ đời, người đàn ông có quyền bỏ vợ, khiến cho người vợ đó mất hết tất cả. Không ai tôn trọng, không chỗ dung thân! Thời xưa còn tốt hơn nhiều. Ngày xưa người vợ không sợ mất chồng. Nàng không mất mát gì cả và sống đến mãn đời trong nhà. Những gì con đã viết

cho cha, thật không xứng đáng với con.

Ông cụ vuốt râu nóng lòng chờ đợi thư của Vương. Trong thời gian đó cụ gầy ốm thêm, vẻ mặt hốc hác. Ông chỉ tìm sự an ủi trong khói thuốc. Ông hút nhiều hơn bao giờ hết.

Khi bức thư của Vương tới, ông bước vô phòng xé phong bì nhưng khi ông cầm bức thư, ông cảm thấy thấy không đủ sức đọc được vì quá xúc động. Ông choáng váng, phải ôm đầu một lúc mới khỏi.

Nàng dâu rón rén bước vào phòng, thấy ông cụ đang mệt, rót cho ông một chén trà. Mặt nàng tái xanh, nàng không hỏi về bức thư đang nằm trên án thư nhưng nàng đoán biết xuất xứ. Nàng không hỏi gì, chỉ kiên nhẫn chờ đợi những gì sẽ xảy ra.

Lần này bức thư rất vắn tắt và rõ ràng:

“Con thấy rõ là cha không thể hiểu. Con thấy cần phải thẳng thắn với nhau. Con đã chuẩn bị xin ly dị và con đã hứa hôn với một cô gái cùng du học một trường với con ở ngoại quốc. Nàng cũng được cha mẹ hứa gả cho một kẻ mà nàng không hề biết. Nhưng nàng can đảm hơn nên đã cắt đứt liên hệ. Nàng và con rất xứng đôi vừa lứa. Con tỏ ra rộng rãi đối với vợ con, nhưng chúng con không thể xem là vợ chồng với nhau được. Xin cha đừng quở mắng con. Cha nên nhớ là con đã cố gắng giúp vợ con nhiều. Con đã đưa nàng vào trường. Con không chịu trách nhiệm về việc nàng bỏ trường ra về. Nếu nàng chịu khó học hỏi, có lẽ nàng sẽ đạt được kết quả. Con không trách con điều gì hết. Rất nhiều người xử sự như thế vào thời buổi này. Người phụ nữ ngày nay cũng gặp khó khăn. Những người đàn ông mà họ có thể lấy làm chồng - những người cùng thế hệ với họ, cùng một học vấn như họ - những người đó đều có vợ vào lúc thiếu thời, cũng như con. Phải có người chịu đau khổ. Nhưng những người đàn bà có học phải lãnh nhiệm vụ nội trợ và làm mẹ, như thế có lợi cho đất nước và cho con cái... Con nói lại lần nữa là con rất rộng rãi với vợ con. Con sẽ cho nàng tất cả những gì mà cha thấy cần thiết. Nhưng mà nàng phải ra khỏi nhà, sống nơi khác vì nàng không còn quyền sống ở nhà con.. Nếu còn ở nhà nàng sẽ làm phiền con, khi con đưa vợ sắp cưới của con về thăm cha mẹ”.

Nàng dâu hãy còn đứng trong phòng. Nàng hy vọng ông cụ sẽ nói về bức thư. Nhưng ông cụ ra dấu cho nàng đi ra. Ông không muốn nói gì. Miệng ông khô lại. Ông yếu hẳn. Ông ngồi thật lâu như thế, uống từng ngụm trà nóng mà con dâu rót vào chén trước khi đi ra.

Ông cụ mài mực cẩn thận, lấy bút mực viết:

“Con Vương, nếu vào thời của cha, và nếu mỗi quan hệ cha con ta là mối quan hệ giữa cha và ông thân của cha thì khi cha ra lệnh, con phải vâng lời. Nhưng bây giờ thì cha không làm được như thế nữa vì con đã không còn nghe lời cha. Bây giờ chính cha lại phải vâng lời con! Ngày nay con cái làm theo ý chúng nó, thành thử làm cha mẹ không ra lệnh với ai hết. Cha chỉ nói với con điều này. Nếu công việc phải giải quyết theo ý con thì ít ra con cũng phải để vợ con mà cha mẹ; xem như con ruột sống với cha mẹ. Dù nó không còn là vợ con đi nữa, nó cũng là con của cha mẹ. Cha mẹ không bao giờ thay đổi đối với nó. Người vợ mà con sắp cưới rất xa lạ với cha mẹ. Cha mẹ sẽ thấy khó chịu với sự hiện diện của nó. Những người đàn bà học thức, nhanh nhẹn hoạt bát mà cha đã thấy ở Thủ đô, những cô bạn của con, và những người vợ của bạn con, đã làm cho cha sợ. Cha không quen với loại đàn bà đó. Con nên để cho con dâu của cha mẹ ở đây, bên cạnh cha mẹ và hai đứa nhỏ. Con không được cho vợ con biết là con đã ly dị nó. Riêng về cha thì cha không đá động đến vấn đề đó, và ở đây, trong ngôi nhà yên tĩnh này, nó sẽ tiếp tục không biết đến những hành động của con”.

Khi viết và gửi bức thư rồi, ông cụ thấy nhẹ nhàng thư thái. Nhưng ông thấy cần nói một phần sự việc cho nàng dâu biết. Một đêm, khi hai đứa bé đã ngủ ông cụ cho mời nàng dâu tới gian phòng chánh trong nhà.

Nàng dâu đến, và theo thường lệ là châm trà nóng cho cha mẹ chõng.

Ông cụ nói:

— Này con, cha đã viết thư cho thằng Vương. Thư từ hai bên qua lại giống như chim bay từ Bắc xuống Nam và từ Nam lên Bắc. Sau cùng, nó chịu chấp nhận sự rộng rãi của con. Nó sẽ cưới vợ lẽ, nhưng con ở đây, tự do trong ngôi nhà này. Và chúng ta sẽ tiếp tục sống như ngày trước, chỉ có một điều khác là thằng Vương sẽ ít về đây vì nó sống riêng ở nơi khác.

Bấy giờ nàng dâu mới khóc, lần đầu tiên nàng khóc trước mặt cha mẹ

chồng:

— Con đã xử sự quá kém, không xứng đáng với lòng thương yêu của cha mẹ. Vì con mà cha mẹ xa cách người con yêu quý!

Bà cụ mở to đôi mắt ra. Bà chưa bao giờ thấy con dâu khóc trong bao nhiêu năm qua, dù trong lúc con nàng bệnh chí tử.

Bà cụ xúc động kêu lên:

— Để mẹ nói với thằng Vương cho. Mẹ nhất định không cho nó cãi lệnh cha mẹ.

Nhưng ông cụ lắc đầu, ôn tồn nói:

— Không. Không ai có lỗi hết. Con không có gì đáng khiển trách. Con đã ăn ở đúng phép dâu con. Thằng Vương cũng không có lỗi gì, nó cũng rộng lượng như ngày xưa.

Ông cụ đưa bàn tay tái xanh lên vuốt chòm râu bạc, hơi do dự một lúc:

— Cha không thể đổ trách ai... Vào thời buổi kỳ lạ này, cái gì cũng xáo trộn. Một người có vợ hoàn toàn mà vẫn thấy là chưa đầy đủ hạnh phúc!

Bà cụ bướng bỉnh:

— Đó là do người ta coi thường thần thánh. Nếu người ra biết tôn trọng...

Ông cụ nhắm mắt lại, chờ cho bà cụ nói dứt để tiếp tục nói nốt nghĩ của ông:

— Nhưng con vẫn có thể ở đây, vì đây là nhà của con. Chúng ta tiếp tục sống như cũ. Chúng ta sẽ xem hoa nở, chúng ta sẽ vui với mấy đứa nhỏ. Vậy là chúng ta cũng có hạnh phúc...

Ông cụ cố an ủi bà cụ và con dâu, nhưng cuộc sống không như ông nghĩ.

Sáu ngày sau, khi cả nhà dùng cơm tối thì có tiếng động bất thường ngoài cổng. Kế nghe tiếng người nhà kêu lên:

— Cậu đã về!

Mọi người ngẩng đầu lên. Vương đứng trước mặt họ. Chàng gầy đi, mình đầy bụi và có vẻ mệt.

Vương nói với cha mẹ bằng vẻ không được tự nhiên, hối hả và dường như không chú trọng tới ai khác. Người ta có cảm tưởng là chàng bị bắt buộc phải hoàn tất một công việc khó khăn.

Một người gia nhân mang đến một thau nước nóng. Vương nhúng khăn lông vào, vắt ráo rồi lau mặt, lau tay. Sau đó chàng ngồi vào bàn, cầm đũa ăn ngay.

Người vợ trẻ vội vàng mang các thức ăn nóng lên. Chàng gật đầu cảm ơn và sau khi ăn xong một chén, chàng không bao giờ ăn nhiều. Vương quay lại nói chuyện với song thân. Chàng nói thật nhanh không kịp thở như trả bài thuộc lòng.

Wương nói với ông cụ:

— Thưa cha, con phải trở về thủ đô ngay trong đêm nay. Vì vậy con đi ngay vào vấn đề. Việc thư từ qua lại rất lâu. Vấn đề đã đặt ra, không thể nào kéo dài. Đơn xin ly dị đã thảo xong, phải có chữ ký của hai đương sự. Hôn lễ thì con sẽ cử hành vào ngày mồng sáu tháng tới. Tốt hơn là vợ con nên đến nhà một người bà con nào đó mà tá túc. Nếu không con khó mà đưa vợ mới cưới của con về đây. Con muốn giới thiệu vợ mới của con với cha mẹ. Nếu thấy nó rồi, cha mẹ sẽ hiểu.

Nàng dâu lắng tai nghe. Không ai nói cho nàng biết về vụ ly dị. Khi nghe Vương nói, nàng quay mặt tái xanh về phía chồng bảo:

— Nhưng tôi không biết phải đi đâu! Tôi không có một người bà con nào để tá túc với hai đứa con!

Wương không nhìn nàng. Đến khi nàng nhắc đến hai đứa con. Vương ngẩng đầu lên nói với vẻ ngạc nhiên:

— Cố nhiên là tôi không yêu cầu cô mang hai đứa. Tôi có trách nhiệm lo cho chúng. Sau đám cưới tôi sẽ bắt chúng nó về để chúng nó được vợ tôi trông nom dạy dỗ.

Khi thấy vẻ mặt ngẩn ngơ của người vợ, Vương kêu lên giận dữ:

— Đừng đổ lỗi cho tôi! Tôi đã cố tìm cách giúp cô, nhưng cô đã làm ngơ!

Người thiếu phụ tiếp tục nhìn sững sốt vào mặt Vương trong khi chàng nói. Nhưng nàng không hiểu gì cả và cũng không thấy gì cả. Nàng toan nói hai lần, đôi mày nhíu lại, nhưng không thốt ra được một lời nào.

Ông cụ nhìn xuống đất, vuốt râu, mặt ông xám lại như tro. Bà cụ vụt khóc nỉ non.

Nhưng Vương vẫn bận tâm đến mấy đứa nhỏ:

— Con có muốn theo ba ra thủ đô không?

Cậu bé nhảy dựng lên, kêu lên mừng rỡ:

— Con sẽ được đi tàu! Con sẽ được đi tàu.

Con bé lo ngại hỏi cha:

— Con cũng đi nữa, phải không cha?

— Cố nhiên!

Cô bé sững sờ mặt, quay về phía mẹ:

— Con sẽ đi học. Lúc nào con cũng muốn tới trường.

Không ai chú ý đến người thiếu phụ. Cũng không ai quan tâm đến những cảm nghĩ của nàng. Nhưng nếu có ai nhìn nàng thì họ sẽ thấy mặt nàng tái xanh hơn thường lệ. Sự im lặng của nàng vốn quá quen thuộc nên không ai cho là bất thường. Không ai thấy toàn thân nàng run rẩy. Trong gia đình, chỉ có ông cụ là người thông cảm với tình cảnh bi đát của con dâu, nhưng lúc bấy giờ ông bận nhìn xuống đất và vuốt râu không dám nhìn nàng.

Wương hớn hờ trước sự vui tươi của cậu bé, nói:

— Rồi con sẽ lên xe lửa, rồi con sẽ thấy những đường phố thật rộng thật lớn, máy bay, xe hơi, tất cả những thứ mà con chưa hề thấy, những thứ không có ở đây.

Cậu bé quá kích thích chạy vòng tròn, kêu ầm lên:

— Chừng nào mình đi? Con muốn đi ngay. Con muốn đi ngay.

Đôi mắt người mẹ trẻ hết nhìn cậu bé đến nhìn đứa con gái. Cô bé bắt gặp đôi mắt của mẹ mỉm cười một cách mơ màng, lặp lại câu nói khi nãy:

— Lúc nào con cũng muốn đi học, mẹ ạ!

Người thiếu phụ không chịu đựng được nữa. Có phản đối cũng vô ích. Nét mặt xám tro của ông cụ, nước mắt đầm đìa của bà cụ nói lên cho nàng biết là lời nói trở nên vô ích.

Wương nắm tay cậu bé khi nó chạy qua mặt chàng, siết nó vào ngực, hít hơi thở thơm ngát của nó và cậu bé thích thú được cha cưng, nhìn mẹ với vẻ xấu hổ.

Wương áp má vào mặt con, nghiêm nghị bảo thiếu phụ:

— Cố nhiên là cô sẽ không thiếu một món gì. Tôi sẽ luôn luôn lo

cho cô có thật nhiều tiền.

Nàng nhìn Vương với tất cả kiêu hãnh, nhìn thẳng vào mặt chàng, nhưng Vương mãi âu yếm với con, không trông thấy.

Với tuổi thơ vô tư, hai đứa bé chỉ nghĩ đến cha.

Thế rồi mẹ chúng âm thầm lén đi ra xa chúng nó.

Nàng bước vào phòng nơi mà nàng đã ngủ giữa hai con trong bao nhiêu năm. Nàng nặng nề buông mình xuống giường.

Trong khoảnh khắc nàng chợt nhận ra cuộc đời của nàng, nhận ra tương lai của nàng, và nàng hiểu ngay những gì mà nàng phải làm cho tất cả những người thân. Phải, cho Vương, cho hai đứa con mà cũng là cho nàng nữa.

Nàng đứng lên, mở hộc tủ, lấy một thắt lưng lụa mà nàng chỉ dùng trong những ngày lễ. Thắt lưng màu trắng, dịu nhưng thật chắc.

Nàng đứng lên chiếc giường, hai bàn tay cương quyết thắt một vòng tròn ở cuối thắt lưng, cho vào cổ và leo lên cột đầu dây kia vào kèo nhà ngay trên giường.

Tiếng kêu vui vẻ của cậu bé từ phòng ngoài vọng vào: “Con sẽ lên phi cơ”.

Ông cụ nói thật khê, buồn thảm, van lơn, nhưng nàng không nghe rõ. Nàng không lắng nghe nữa. Nàng cột chặt thắt lưng, nhìn chung quanh gian phòng thân yêu một lần chót rồi cắn răng, nhắm mắt...

Bình tĩnh và cương quyết, nàng đưa một chân ra ngoài giường rồi nhảy vào quăng không. Chiếc thắt lưng giựt mạnh và siết chặt.

Trong một giây đó, người thiếu phụ còn nhớ một việc cuối cùng cần phải làm không cho hai bàn tay tìm một chỗ tựa. Nàng khoanh tay trước ngực trong một cử động co giựt.

Máu chạy nhanh và mạnh đập vào hai tai.

Tiếng cậu bé tới nàng, nghe chừng như thật xa xôi. Nó cười và lặp lại không ngắt: “Con sẽ lên phi cơ”.

Nhưng tiếng động nho nhỏ đó cũng tàn lụn. Nàng không nghe gì nữa. Hai bàn tay nàng rơi thõng xuống.

TÌNH QUÊ (THE REFUGEES)

Đoàn người kéo lê những bước chân mệt mỏi đi xuyên qua kinh thành, họ có cảm tưởng như kẻ xa lạ lạc loài mặc dầu quê hương của họ chỉ cách con đường họ đang đi có vài trăm dặm.

Đồng ruộng, mảnh đất quê nghèo của họ nghe chừng như xa xôi ngàn dặm. Họ có cảm tưởng như bỗng nhiên bị một sức mạnh kỳ quái kéo ra khỏi thế giới quen thuộc để ném vào nơi vô định.

Họ chỉ quen với những con đường làng và đồng ruộng, cho nên khi đặt chân lên đường phố nhộn nhịp chốn kinh thành, họ hết sức ngỡ ngàng.

Phố phường đầy dẫy đồ vật suốt đời họ chưa hề thấy. Chẳng hạn như xe hơi, nhưng họ vẫn không chú ý một thứ gì. Họ chỉ bước đi, mắt mở trừng nhưng chẳng thấy gì, như những kẻ mộng du.

Nếu họ không nhìn ai thì cũng không ai nhìn họ.

Thành phố có quá nhiều người tị nạn, cả ngàn người, đói rách, tạm nương náu dưới những tấm đệm chiếu căng lên thay lều ở ngoài thành.

Hằng ngày, bất cứ vào giờ nào, cũng có từng đoàn người đói rách lang thang, bồng con dắt vợ tiến về các lều tạm trú.

Nếu có một thị dân nào trông thấy đoàn người khốn khổ này thì họ kêu lên:

— Lại thêm một số tị nạn! Chừng nào mới hết tai nạn này? Rồi đây thành phố sẽ chết đói cả lũ vì có thêm quá nhiều miệng ăn!

Nỗi lo sợ đến lượt mình thiếu ăn khiến cho người ta thêm dửng dưng, lạnh lùng với những người tị nạn.

Có những chủ quán đã tàn nhẫn xua đuổi những kẻ hành khất chầu chực trước cửa hàng giờ để xin một ít cơm thừa canh cặn.

Người ta cũng trở nên gay gắt với những phu xe mà con số tăng lên gấp

mười lần, và phần đông là những người tị nạn.

Những anh phu xe chính cống hành nghề lâu năm đâm ra thù oán những ông bạn đồng nghiệp bất đắc dĩ, và những người đói khát chịu rước khách với bất cứ giá nào, khiến giá cả hạ xuống đến một mức quá thấp làm cả giới đều bị thiệt.

Thành phố tràn ngập những người tị nạn. Họ đi xin làm những nghề không cần khéo léo để kiếm cơm. Mỗi sáng đều có một số người nằm kènh ra đường chết cứng vì lạnh. Những chuyện đó quá thông thường đối với dân chúng thị thành. Không ai buồn chú ý đến toán tị nạn mới tới.

Nhưng những người này không phải như những người tị nạn trước.

Họ không ồn ào, không sẵn sàng để gây gổ, giành giật như những kẻ khác. Họ là hạng người mà bất cứ nước nào cũng hãnh diện có những người dân như thế.

Người ta thấy họ là người cùng một địa phương. Áo quần cùng một thứ vải xanh đậm may cắt theo kiểu xưa, vạt và tay dài.

Đàn ông lẫn đàn bà đều cao, lớn, nhưng bàn chân đàn bà nhỏ xiu vì phong tục bó chân từ bé.

Trong đám đông có vài cậu thiếu niên. Mấy đứa trẻ nhỏ được ngồi lưng lẳng trên mấy chiếc thúng cha chúng gánh trên vai.

Tuyệt nhiên không có con gái hay trẻ nhỏ sơ sinh trong bọn.

Mỗi người đàn ông, cả đến các cậu thiếu niên đều có vác bao, bị trên vai. Họ cẩn thận mang theo mền, gối. Tất cả đều sạch sẽ. Ngoài ra người ta còn thấy một cái nồi sắt nhô lên các bao, bị. Nhưng trong các giỏ xách, không có một chút lương thực nào.

Sự kiện thiếu thức ăn được xác nhận khi người ta nhìn kỹ vào mặt đám người tị nạn.

Một cái liếc nhanh dưới ánh sáng lờ mờ của buổi hoàng hôn, người ta không thấy gì khác thường. Nhưng khi nhìn kỹ, thì người ta thấy rõ đoàn người đang đói và tuyệt vọng. Họ đã gần kề tử thần nên không trông thấy gì. Cảnh lạ không đánh thức được tánh hiếu kỳ của họ.

Đoàn người này đã ở lì lại làng cho đến giờ phút chót, cho đến khi nạn đói thúc đẩy họ lên đường. Cho nên họ lằm lũi tiến bước, âm thầm, xa lạ,

như những kẻ biết mình sắp chết, không còn thiết tha gì đến sự sống.

Người đi sau cùng là một cụ già nhỏ thó. Dù vậy, ông cũng gánh trên vai một gánh như những kẻ khác.

Đồ vật mang theo cũng gồm chiếc mền xếp gọn và một cái nôi. Mặc dầu gánh nhẹ, nhưng đối với ông lão, nó cũng quá nặng. Vì ông lão đã quá tuổi để làm lưng nếu ở vào thời bình và có lẽ ông cũng không quen làm những công việc lao động trong những năm qua.

Ông thở hốt hển trong khi lão đảo bước, hai mắt nhìn những người đi trước. Ông sợ bị bỏ rơi ở phía sau. Trên mặt nhăn nheo của ông hiện rõ vẻ sợ hãi của kẻ hấp hối.

Bỗng ông không bước được nữa. Ông đặt gánh xuống đất, ngồi trên vệ đường. Đầu ông gục xuống giữa hai đầu gối, mắt nhắm lại thở dồn dập.

Sự cố gắng quá sức khiến máu chạy dồn lên thái dương.

Ngọn đèn của chiếc xe bán mì gần đó hắt ánh sáng vào ông lão. Một khách đi đường dừng lại, nhìn ông rồi lẩm bẩm: “Mình tự hứa không bố thí nữa vì phải để dành cho mình. Nhưng thấy ông lão này, mình không thể làm ngơ. Mình cho ông lão số tiền mình vừa kiếm được trong ngày hôm nay mà mình định để dành cho ngày mai. Ngày mai mình sẽ kiếm cái khác”.

Người này móc trong túi một đồng bạc và sau một lúc do dự, ấp úng, y nói:

— Ông ơi, ông cầm lấy cái này để mua mì ăn đỡ đói.

Ông lão từ từ ngẩng đầu lên. Khi thấy đồng bạc, ông không đưa bàn tay ra nhận. Ông nói:

— Cám ơn ông. Nhưng tôi không phải là hành khất. Chúng tôi có điền đất phì nhiêu và trước đây chúng tôi không hề đói khát như ngày nay. Nhưng năm nay, nước sông dâng lên, ngập lụt. Dù cho ruộng đất phì nhiêu, người ta cũng phải chết đói về nạn lụt. Cả đến lúa giống của chúng tôi cũng không còn. Chúng tôi đã ăn hết lúa giống. Tôi đã bảo người ta là tôi không thể ăn lúa giống. Nhưng chúng nó hãy còn trẻ và háu đói nên ăn hết sạch.

Người kia bỏ đồng tiền vào túi ông lão, bảo:

— Xin ông cứ nhận cho tôi.

Rồi y thở dài, tiếp tục rảo bước. Ông lão đi về phía xe mì bán rong.

Anh bán mì hỏi:

— Ông ăn mấy bát?

Bây giờ ông lão mới thò tay vào túi, ông tìm thấy hai đồng tiền, một đồng, một bạc. Ông đáp:

— Một bát cũng đủ rồi!

Anh bán mì ngạc nhiên:

— Ông chỉ ăn có một bát nhỏ sao!

Ông lão đáp:

— Không phải cho tôi.

Anh bán mì ngạc nhiên, nhưng cũng tiếp tục nấu mì. Xong rồi, anh đưa bát mì, bảo:

— Mì đây!

Và y chờ xem ai sẽ ăn.

Bây giờ ông lão mới đứng lên một cách khó nhọc, hai bàn tay run rẩy bưng tô mì đến cái thúng bên kia.

Trong khi anh bán mì tò mò đứng nhìn, ông lão kéo chiếc mền qua một bên để thấy gương mặt nhăn nheo của một cậu bé đang nằm trong cái thúng, hai mắt nhắm nghiền.

Người ta có thể tưởng cậu bé đã chết nếu ông lão không đỡ nó lên để cho miệng nó kê sát vào vành tô.

Ông lão khuyến khích:

— Ăn đi con! Ăn đi!

Anh bán mì:

— Cháu ông?

Ông lão gật đầu:

— Phải. Nó là cháu nội. Con của con trai tôi. Cả hai con trai và con dâu tôi đều chết chìm khi vỡ đê.

Cậu bé ăn xong, ông lão lấy mền đắp lại cẩn thận rồi le lưỡi liếm sạch những cọng mì còn sót lại. Liếm xong ông lão trả bát lại cho anh bán mì, y như là ông đã ăn xong.

Anh bán mì ngạc nhiên không thấy ông lão bảo nấu thêm tô nữa.

— Ông không ăn? Ông còn một đồng bạc kia mà!

Ông lão lắc đầu:

— Không. Đồng bạc này để mua lúa giống, khi tôi thấy đồng bạc này là tôi nghĩ ngay đến việc mua lúa giống. Chúng nó đã ăn hết lúa giống rồi. Mà không có lúa giống thì lấy gì gieo mạ làm mùa?

Anh bán mì:

— Nếu tôi không quá nghèo thì tôi có thể biếu ông một bát mì. Nhưng biếu không tô mì cho người có một đồng bạc thì...

Anh lắc đầu lúng túng.

Ông lão nói:

— Cám ơn chú em. Nhưng tôi không xin chú bố thí cho tôi. Tôi biết là chú không thể hiểu được. Nhưng nếu chú có đất ruộng, chú sẽ hiểu là phải giành lúa giống để làm mùa. Nếu không thì năm tới sẽ còn có nạn đói nữa. Điều quan trọng mà tôi có thể giúp cho thằng cháu của tôi hiện nay là tìm một ít lúa giống cho nó. Nếu tôi chết thì người khác sẽ gieo số lúa giống đó. Đất ruộng phải được gieo giống.

Ông lão cất gánh lên vai, đôi chân run rẩy. Ông nhìn con đường dài trước mắt, lão đảo tiến bước.

XA LỘ (THE NEW ROAD)

Lữ Chính có một quán nước nóng ở ngay góc con đường cửa Bắc với con đường họ Hoàng. Đây là địa điểm tốt trong khu phố. Ở đây có rất nhiều cửa hàng, mà nổi bật hơn hết là các hiệu buôn tơ lụa gấm vóc.

Ngoài ra khu này còn là nơi trú ngụ của các gia đình giàu có nhất trong vùng.

Mỗi ngày hàng chục lần các hiệu buôn sai người đến quán ông lão họ Lữ mua nước sôi về pha trà để uống. Và các mệnh phụ trong các gia đình quý tộc kia cũng bảo gia nhân mua nước nóng về xài. Như vậy mà quán nước nóng họ Lữ làm ăn phát đạt. Quán này có từ đời nội tổ của ông chủ hiện nay, thửa ấy Hoàng cung chỉ cách đó có vài dặm và con đường này giáp ranh với vườn thượng uyển.

Lữ Chính thừa hưởng cái quán này cùng với một bao bố đầy nén bạc lúc ông thân qua đời.

Khi cưới vợ, họ Lữ phải trút hết bao bạc đó ra mua sắm sính lễ cho bên nhà gái, nhưng không bao lâu bao bạc lại đầy. Nhờ túi bạc đó mà họ Lữ lo vợ cho con trai, nuôi nấng thẳng cháu nội.

Điều làm ông chủ quán lo ngại là thẳng cháu nội. Cả ngày nó cứ lẩn quẩn bên mấy cái nồi đồng hàn dính luôn vào mấy cái lò đất.

Ông lão thường bảo thẳng cháu:

— Khi tao còn nhỏ, tao không hề lò mò tới sát bên mấy cái nồi đồng. Tao biết nghe lời người lớn chớ không cứng đầu cứng cổ như mày.

Nhưng thẳng bé không chú ý đến lời khuyên của ông lão. Nó hãy còn quá nhỏ để nói rành rẽ, nhưng nó biết chắc chắn chiếm trung tâm điểm trong quả tim của ông nội nó. Cho nên nó tiếp tục lẩn quẩn bên cái nồi đồng dưới cặp mắt lo âu của ông lão. Nó đã quá quen với cái cảnh bị ông cụ tóm

cổ đưa bổng lên cao để rồi đặt ngòi xuống trên đùi ông ta.

Lão thường nói với cậu con trai:

— Tao không chịu nổi thằng con của mày. Nó bướng bỉnh quá. Chừng nào mày mới dạy cho nó biết nghe lời người lớn.

Cậu con vốn tánh lười biếng, lắc đầu nói:

— Thời buổi này, không ai còn chịu nghe lời như thời buổi của cha.

Ông lão trừng mắt nhìn thẳng con. Nhưng ông không nói gì.

Nhiều khi bà vợ thì thầm bảo ông trong đêm vắng:

— Cái thằng Lữ Anh nó làm biếng gì đâu! Quán thì nhỏ, chỉ cần một người làm cũng đủ rồi. Nếu ông cứ nai lưng ra làm thì nó cứ ở không chơi hoài. Ông đã trên năm mươi rồi. Ông có quyền nghỉ ngơi. Để cho thằng nhỏ tập làm ăn với người ta. Nó cũng đã hai mươi tuổi rồi, đâu phải còn nhỏ bé gì!

Ông lão hất cái mền đầy màu xanh ra, trong lòng không được vui. Hễ nói tới chuyện giao quán lại cho thằng con là ông đâm quạu. Ông muốn nắm cái quán càng lâu càng tốt và vì vậy cho nên ông cho cậu con đi học năm này qua năm khác để nó không chúm mũi vào công việc của ông.

Nghe bà vợ nói, ông đáp:

— Thằng Lữ Anh làm biếng thật. Mấy cái nôi đồng không bao giờ được đánh bóng như tôi muốn. Tôi đã bảo nó nhiều lần, phải lấy tro chùi cho bóng, nhưng nó không hề làm.

Bà vợ nói:

— Mà cũng tại ông. Không bao giờ ông hài lòng về công việc của nó làm.

Ông lão to tiếng:

— Là tại vì nó làm không đúng theo ý tôi!

Bà vợ ôn tồn:

— Có bao giờ ông bằng lòng một việc gì!

Thái độ bình tĩnh của bà vợ càng làm cho ông thêm nóng. Ông ngồi phất dậy trợn trừng nhìn vào gương mặt của bà vợ:

— Bà nói tôi khó tánh hả? Không. Tôi không khó tánh đâu!... Tôi muốn làm đâu cho ra đó, không thể đập đập được.

Bà vợ hạ thấp giọng xuống:

— Thôi mình ngủ đi, khuya rồi!

Ông lão thở dài rồi nằm xuống.

— Bà không hề lo cho cái quán.

Đó là lời buộc tội nghiêm khắc nhất của ông. Nhưng bà vợ không đáp. Một lúc sau, bà ngủ ngon lành.

Sáng hôm sau, ông lão thức sớm chùi bóng bên trong hai cái nồi đồng cho đến khi thấy mặt ông in hằn trong đó. Ông muốn để vậ cho cậu con trông thấy công việc phải làm cẩn thận như vậy, nhưng không thể được. Cậu con dậy quá trễ, còn tôi tớ các nhà giàu thì đến mua nước rất sớm cho các mệnh phụ tắm.

Ông đổ nước vào nồi và nhúm lửa. Không bao lâu nước sôi làm động dậy các nắp gỗ bên trên.

Người ta vác ấm đến mua lai rai. Ông lão châm thêm nước vào nồi có đến ba lần cậu con mới thức! Cậu nhảy xuống giường, dụi mắt, quần áo xốc xếch, tóc tai rối bù.

Ông lão trừng mắt nhìn hằn.

— Khi còn nhỏ, tao thức sớm, đánh bóng mấy cái nồi, nhúm lửa trong khi ông nội mày hầy còn ngủ.

Cậu con trả lời một cách thản nhiên:

— Hồi xưa khác. Bây giờ khác. Bây giờ là thời buổi Cách Mạng, cha quên rồi sao?

Ông lão nhổ một bãi nước miếng xuống đất:

— Tao chỉ nhớ bây giờ là thời buổi của mấy thằng con cứng đầu cứng cổ như mày. Mày nên liệu hồn. Thằng con mày sẽ coi mày ra cái thứ gì nếu nó thấy mày ăn rồi chơi không, chẳng làm gì động tới móng tay.

Nhưng cậu quý tử chỉ mỉm cười cài nút áo rồi đến nồi nước gần nhất lấy nước cho vào thau, rửa mặt tại chỗ.

Ông lão nhìn cậu con, bảo:

— Tao giữ cái quán này là vì mày. Tao muốn truyền lại cho mày, cho con mày. Cái quán này lập ra tới nay trên sáu mươi năm nay ai cũng nghe tên biết tiếng. Cả đời ông nội mày, cả đời cha mày rồi tới đời mày đã nhờ

nó mà cơm no áo ấm. Rồi tới đời con mày.

Cậu con vắt khăn ráo nước, lau mặt, nói:

— Người ta nói nhiều về xa lộ...

Đây là lần đầu tiên Lữ Chính nghe nói tới xa lộ. Nó chẳng có nghĩa gì đối với lão. Con trai lão đi cả ngày, biết rất nhiều về tin tức từ ngày cách mạng lan tới tỉnh thành. Cách mạng là gì, lão già chẳng hiểu rõ. Lão chỉ biết những ngày công việc làm ăn của lão thất bại, đó là lúc hiệu buôn lớn đóng cửa vì sợ cướp giựt. Cũng trong những ngày đó, các gia đình giàu có, khách hàng mua nước nóng quen thuộc của lão - phải tản cư đi Thượng Hải. Lúc bấy giờ quán nước nóng của lão chỉ bán lai rai cho những khách hàng nhỏ, nghèo. Người ta chỉ mua từng ấm nước nhỏ để pha trà và mặc cả từng xu. Người ta bảo đó là cách mạng và lão rất thù cách mạng. Sau đó bỗng nhiên lính xuất hiện ở mọi nơi. Họ mua nước bán không kịp. Thế là bao bạc của lão trở nên đầy. Đó cũng là cách mạng chứ gì. Ông lão lấy làm thắc mắc, nhưng không thù cách mạng nữa.

Không bao lâu sau, các hiệu buôn lớn tiếp tục mở cửa và các gia đình giàu có hồi cư. Quân đội rút đi mất. Đời sống trở lại bình thường chỉ trừ giá sanh hoạt tăng cao. Nhưng ông lão không thắc mắc vì ông cũng tăng giá nước nóng của ông lên theo.

Một sáng, ông lão nói với cậu con:

— Cách mạng mà mày nói đó, nó như thế nào? Mày có đi học, chắc có lẽ mày biết. Nó làm xáo trộn quá chừng. Tao lấy làm hài lòng khi nó đã qua rồi.

Cậu con nhướn cặp lông mày:

— Qua rồi! Không đâu! Nó chỉ mới bắt đầu. Cha hãy chờ xem. Thành phố này sẽ là thủ đô của cả nước. Rồi mọi việc đều thay đổi.

Ông lão lắc đầu:

— Thay đổi? Không bao giờ có những sự thay đổi lớn lao. Dù cho hoàng đế, tổng thống hay cái gì khác cai trị xứ này, dân chúng cũng phải uống trà, cũng phải tắm gội, những việc đó phải có luôn luôn.

Nhưng còn xa lộ? Ông lão không rõ lắm.

Ngay ngày hôm ấy, một cô bé mua nước nóng cho nhà giàu nói với ông

lão chủ quán:

— Tôi nghe ông chủ tôi nói người ta mở con đường này đến mười tám thước. Vậy mấy cái nồi đồng của ông sẽ tính như thế nào?

Bây giờ ông lão đang múc nước nóng cho vào ấm. Cánh tay trần của lão đỏ au vì hơi nước nóng. Nhưng lão đã quen với sức nóng. Khi nghe cô bé nói, ông thọc chiếc gáo vào nồi nước sôi có hơi sâu hơn. Tay lão hơi run nên chiếc gáo nghiêng một bên làm nước trong gáo rơi xuống, lửa than đỏ rực. Mấy tiếng xèo xèo vang lên.

Lão không buồn trả lời cô bé ngu xuẩn đó. Lão vờ đẩy các que củi vào trong bếp. Nhưng sau khi cô bé đi rồi; lão nhớ ra cô bé ở cho nhà họ Lâm và trưởng nam họ Lâm là một viên chức. Như vậy chắc là họ Lâm biết rõ về xa lộ.

Lão nhìn các bức tường gạch màu xám của căn quán nhỏ bé mà lòng lo ngại. Khói biến mấy bức tường này trở màu xám xịt và hơi ẩm đã làm lớp vôi bên ngoài nứt nẻ, những bức tường thân yếu mà ông đã quen mắt từ ngày thơ ấu.

Tự nhiên ông nghĩ: “Rộng mười tám thước? Vậy là cả cái quán của mình sẽ bị san bằng. Mình phải đòi tiền bồi thường thật cao cho họ không thể trả nổi. Phải đòi bao nhiêu đây?”. Lão nghĩ đến những con số thật cao để làm lung lay một chánh phủ. “Mình sẽ đòi một vạn đồng”.

Nghĩ vậy, lão thấy dễ chịu. “Ai mà trả một vạn đồng cho một cái quán tồi tàn nhỏ tí xíu vừa đủ để bắc hai chiếc nồi đồng! Làm gì có một số tiền to như thế!”

Càng nghĩ, lão càng an tâm, quên hẳn xa lộ. Mọi việc đều trở nên bình thường đối với lão.

Một buổi sáng, lão đang ngồi uống trà nghỉ ngơi. Lão luôn luôn pha một bình trà riêng sau khi bán sạch nồi nước nóng chằm đến lần thứ năm. Từ đó, lão có thể nghỉ ngơi cho đến buổi trưa, khi người ta đến mua nước nóng vào đúng Ngọ. Trong thời gian đó lão rảnh rang chơi với đứa cháu nội. Lão bế nó lên đùi, cho nó uống nước trà cùng với lão.

Bỗng một người quân nhân bước vào quán.

Ông lão khúm núm vì người quân nhân trẻ tuổi đó có mang súng và sợi

dây nịt gắn đầy đạn.

— Thưa ông...

Nhưng sĩ quan kia ngắt lời:

— Xa lộ sẽ đi ngang qua quán ông. Tên ông là gì hở ông lão?

Sĩ quan rút mảnh giấy trong túi ra xem rồi mới tiếp:

— À, lão Lữ. Nghe tôi nói đây, xa lộ sẽ nối rộng thêm 9 thước, vậy là nó đi ngang quán ông. Ông phải dỡ nhà trong vòng mười lăm ngày. Nếu không thì chúng tôi bắt buộc phải san bằng hộ ông.

Ông ta xếp tờ giấy lại, bỏ vào túi, quay lưng đi. Theo sau ông là ba người lính.

Lão chủ quán không nói được tiếng nào. Cổ họng lão khô lại. Không một âm thanh nào thoát ra được. Một người lính nhìn lão với đôi mắt tò mò, có vẻ thương hại. Sự thương hại đó giúp lão bớt ghen ngào. Ông kêu lên:

— Một vạn đồng.

Sĩ quan đứng lại, ngoảnh mặt nhìn quanh:

— Cái gì?

Họ Lữ:

— Quán của tôi trị giá một vạn đồng.

Vị sĩ quan nâng khẩu súng lên. Ông lão hốt hoảng bước nhanh vô nhà, đóng cửa lại. Nhưng sĩ quan kia không buông tha. Hắn trở lại dùng búa súng đập vào cửa quán. Ông lão càng thêm kinh hoàng, đâm bổ vào đứa cháu khiến nó khóc ré lên.

Mỗi lần thằng bé khóc là ông lão bỏ hết tất cả để chạy lại bế nó lên, dỗ dành. Nhưng bây giờ ông lão không nghe tiếng nó khóc. Ông đang nhìn thẳng vào vị sĩ quan trẻ tuổi, và lải nhải như người máy: “Một vạn đồng! Một vạn đồng”.

Người sĩ quan nhìn lão một lúc rồi cười ré lên:

— Đó là phần đóng góp của ông vào việc xây cất thủ đô mới của chúng ta.

Nói xong hắn đồng dục ra lệnh cho ba tên lính kia đi.

Đóng góp? Đóng góp cái gì chứ?

Đứa bé vẫn nằm ỳ dưới đất, rên rĩ. Nó quen tậ mỗi khi té là nằm vạ cho

đến lúc có người bế lên. Nhưng hôm đó không ai săn sóc nó. Ông lão đứng trước cửa, nhìn theo bóng dáng vị sĩ quan.

Ông buồn chán quá, không còn thiết đến chuyện gì khác. Dẹp quán thì làm sao sống đây? Xây một thủ đô mới là chuyện riêng của người ta, đâu có liên quan gì với công việc làm ăn của lão. Vậy sao bắt lão dọn nhà dẹp quán.

Lão từ từ quay vào trong và khi thấy đứa bé hầy còn nằm vạ, vội tiến tới đỡ nó đứng lên. Đứa bé ôm chầm lấy chân lão. Lão ngồi xuống, nghĩ ngợi.

— Cái quán nay mình định để lại cho con, cho cháu. Không ai có quyền đoạt của nó.

Tự nhiên ông thấy bức tức. Sự bức tức đó khiến ông dễ chịu hơn vì nó đẩy lui cái sợ khi này. Lão nhứt định không dẹp quán, không đời nào lão chịu dẹp quán. Lão nhứt định ngồi lì lại cho người ta tới giựt sập cái quán của lão.

Lão đặt thẳng cháu xuống đất rồi bắt đầu cho nước vào nồi, châm lửa thêm. Không bao lâu nước sôi và hơi nóng đẩy cái nắp ván động đậy nhảy lên nhảy xuống. Khách tới lai rai. Ông lão quen tay, châm nước đều đều, không nhiều không ít. Một cô bé đòi thêm nhưng lão không nghe.

Cô bé tinh quái nói:

— Ông này ke re cắc rắc quá. Chừng xa lộ tới đây thì cái quán của ông cũng chẳng còn đâu!

Ông lão ăn miếng trả miếng với nó:

— Còn lâu! Không ai có thể phá cái quán của lão được! Xa lộ! Hừ! Xa lộ!

Lão nhổ nước miếng xuống đất sau mỗi tiếng xa lộ!

Một lúc sau cậu con trai trở về. Cậu đi ngay lại bình trà, đưa tay sờ xem trà còn nóng hay không rồi hỏi:

— Cha có nghe gì về xa lộ?

Ông lão tức lắm, kêu lên:

— Đẹp, đẹp! Đừng nói chuyện về xa lộ với tao. Từ sáng tới giờ mày đi đâu? Bây giờ tới bữa cơm, mày lết về, phải không?

Cậu con ngậm cái vòi bình trà tu một hơi rồi hỏi:

— Nhưng xa lộ sẽ đi ngang qua nhà mình. Người ta đã ra lệnh cho các nhà hai bên đường phải lùi ra xa 9 thước. Như vậy là mình chỉ còn có nửa cái nhà sau.

Ông lão trừng đôi mắt nảy lửa. Ông đưa tay lên đập mạnh vào bình trà khiến nó sút khỏi tay cậu con, rơi xuống đất bể thành ba mảnh.

Giọng ông lão thật gay gắt:

— Mà còn đứng đó uống trà hả?

Khi thấy nét mặt ngẩn ngơ của cậu con, ông bố bước nhanh vào phòng để tự do khóc.

Sáng hôm sau, khi thức dậy, lão hãy còn giận cậu con. Khi cậu ta ăn cơm một cách tự nhiên, ông lão nhướng mày nói:

— Ngày ba bữa mày ăn cơm một cách tự nhiên. Con mày cũng vậy. Nhưng hai cha con bây giờ có biết nhờ đâu mà bây giờ có cơm ăn đều đều!

Dù vậy, ông lão vẫn không tin là người ta sẽ phá quán của ông để làm xa lộ. Ông tiếp tục công việc như thường lệ.

Đến ngày thứ mười một sau ngày vị sĩ quan trẻ tuổi báo tin dữ, bà chủ quán hơ hải đến nói với chồng:

— Thiệt ông ơi! Xa lộ sắp tới đây rồi. Ông ra đây mà xem. Đó, ông bước ra giữa đường, nhìn thẳng tới trước thì thấy.

Bà vợ đưa tay lên quẹt mồ hôi trán. Nhưng nét mặt bà không xúc động nhiều.

Ông lão nhìn bà vợ rồi bước ra khỏi cửa, đứng trên đường nhìn thẳng lên. Trước đây, con đường trước nhà ông rất hẹp, quanh co và tối vì những tấm biển treo trước các cửa hiệu. Cho nên người ta chỉ thấy xa chừng vài thước mà thôi. Nhưng bây giờ thì ông thấy ánh sáng chói chang trên các tảng đá ẩm ướt lát trên mặt đường.

Trước mặt ông, tất cả các tấm bảng hiệu đều biến mất, và người ta đang triệt hạ nhà cửa hai bên đường. Từng đồng gạch ngói không biết có từ bao nhiêu đời nằm ngổn ngang trên đường. Nhiều đám lửa với giỏ mây trên lưng đứng đợi để chở những đồng gạch ngói đó đi nơi khác.

Vị sĩ quan mà trước đây ông lão đã gặp đi tới đi lui, theo sau ông ta là bốn người đàn bà la hét, tóc tai rối bời. Họ rửa mặt, khóc kể, ông lão nghe

được mấy tiếng: “Chúng tôi chết mất! Nhà cửa chúng tôi tiêu tan!”

Ông lão bước trở vô nhà, đóng cửa lại, cài then cẩn thận. Ông ngồi trên chiếc ghế gỗ sau chiếc nồi đồng; hai đầu gối run, đầu óc choáng váng.

Xa lộ đang tiến tới nhà lão. Đứa cháu từ trong phòng sau chạy ra, đứng tựa vào gối ông nội nó, nhưng ông lão nhìn nó một cách dửng dưng. Đứa bé thấy ông nội không chú ý đến nó, đưa tay toan rờ nồi nước nóng.

Nhưng lần đầu tiên trong đời ông lão không rú lên. Một ý nghĩ lơ mờ thoáng hiện trong trí: “Phỏng?... Phỏng thì đáng gì quan tâm. Mà sắp chết đói đến nơi rồi đó”.

Ngay lúc đó có tiếng đập cửa dữ dội. Tim ông lão đập loạn lên. Ông hồi hộp mở then cửa. Sĩ quan hôm trước lại đến, theo sau là ba binh sĩ.

Ông ta mặc một bộ quân phục mới và sạch. Không ai nghĩ là trước đó không bao lâu họ đã bị chửi bới nguyên rủa. Mặt người nào người nấy vẫn thản nhiên như thường.

Nhìn họ, ông lão bỗng thấy mình trở nên già yếu không thể tưởng tượng được và cái chết đến với ông, có lẽ giúp ông đỡ khổ hơn.

Sĩ quan đồng dặc ra lệnh:

— Trong bốn ngày, quán của ông phải dọn đi. Nếu ông tự dỡ nhà thì vật liệu còn là của ông. Nếu để chúng tôi dỡ thì chúng tôi tịch thu hết tất cả.

Ông lão ấp úng:

— Nhưng còn tiền...

Sĩ quan đập chiếc gậy vào đôi giày da đánh bóng, hỏi:

— Tiền gì?

Ông lão cố thu hết can đảm:

— Cái quán này trị giá gần một vạn đồng.

Sĩ quan cười vang lên, gằn từng tiếng, giọng lạnh như tiền:

— Không có tiền gì hết! Ông hiến dâng cái quán này cho nền Cộng Hòa.

Ông lão nhìn chung quanh, như tìm một vị cứu tinh giúp ông qua cơn nguy nan. Ông kêu to lên giọng nghẹn ngào như nói với những người đi đường:

— Mấy người có thấy không? Tôi đang bị người ta cướp đoạt tài sản. Nền Cộng Hòa đã cướp đoạt tài sản của tôi. Mà nền Cộng Hòa là ai mới

được chứ? Nền Cộng Hòa đó có cho tôi, cho vợ con tôi thức ăn để sống?

Ông lão thấy có ai nằm áo mình. Người lính hôm trước đã nhìn ông với cặp mắt nửa tò mò nửa thương hại, nói nhỏ vào tai ông:

— Đừng chọc giận ông đó. Chọc giận chỉ có hại cho ông thôi.

Rồi lên giọng, anh ta nói lớn:

— Đừng than van gì ông lão ơi. Dù sao đi nữa thì cái quán của ông cũng phải dẹp. Trong những ngày sắp tới, người không cần đến những quán nước nóng. Nước nóng sẽ chảy khắp nơi trong những ống sắt.

Ông lão toan trả lời tên lính, nhưng cậu con trai nắm tay ông kéo lại. Cậu bước tới trước, đối diện với vị sĩ quan, lễ phép nói:

— Xin ông tha lỗi cho cha tôi. Ông ấy già cả, lẩm cẩm, không hiểu là cách mạng đã đem tới một ánh sáng mới. Tôi sẽ cố gắng thuyết phục ông ấy. Chúng tôi sẽ triệt hạ nhà này. Thật là một vinh hạnh cho chúng tôi được hy sinh đóng góp cho xứ sở.

Nét giận dữ trên gương mặt vị sĩ quan tan dần, ông ta gật gù rồi bước nhanh ra ngoài.

Người con trai đóng cửa, cài then lại trước những cặp mắt tò mò của đám đông. Cậu đứng tựa lưng vào cánh cửa nhìn ông lão.

Ông chủ quán chưa bao giờ trông thấy cậu con bạo dạn và cương quyết như thế. Cậu con nói:

— Không lẽ vì cái quán này mà gia đình chúng ta phải chết hết!

Ông lão ngồi xuống ghế, bên kia cái bàn, đối diện với bà vợ:

— Thế nào rồi cả nhà chúng ta cũng sẽ chết đói.

Từ lúc xảy ra vụ lộn xộn, bà vợ ngồi khóc một cách lặng lẽ, thỉnh thoảng đưa vạt chiếc áo xanh lên lau nước mắt.

Cậu con nói:

— Con đã tìm được việc làm. Con làm cai coi một toán thợ làm xa lộ.

Ông lão nhìn người con, nhưng không có một hy vọng nào chớm nở trong lòng:

— Mà cũng tham gia?

Cậu con hất mái tóc lòa xòa trước trán:

— Chống chọi cũng vô ích. Thế nào thì xa lộ cũng được hoàn thành. Nó

sẽ đi ngang qua đây. Cha nên hình dung một con đường lớn chạy ngang qua thành phố của chúng ta. Xe hơi sẽ chạy qua lại. Ở trong trường, con thấy hình vẽ quang cảnh tập nập của một con đường ở một thành phố ngoại quốc. Có hiệu buôn lớn và có xe hơi chạy lên chạy xuống. Còn mình thì chỉ có xe “bù-ệt”, xe kéo và xe ngựa! Các con đường của mình có từ mấy ngàn năm trước đây. Tại sao mình lại không có những con đường mới?

Ông lão mới thấy xe hơi trong vài ba tuần nay. Ông thấy các chiếc xe này chạy qua rầm rập khiến dân phải chạy nhào vô nhà hoặc tránh vô các con đường nhỏ. Ông rất ghét xe hơi. Ông nói:

— Xe hơi để làm gì chớ? Ông bà mình...

Nhưng cậu con trai búng tay một cái tách:

— Thôi đừng nói tới cái thời xưa đó. Làm xa lộ con sẽ lãnh lương năm chục đồng mỗi tháng.

Năm chục đồng một tháng? Ông lão bàng hoàng ngẩn ngơ. Ông chưa hề thấy một số tiền to lớn như thế. Ông lão thấy đỡ khổ, còn bà vợ thì hết khóc nữa. Ông hỏi:

— Tiền ở đâu họ có nhiều vậy?

Cậu con đáp:

— Tiền của chánh phủ.

Mặt bà mẹ sáng hẳn lên:

— Tôi sẽ sắm một cái áo sa ten đen mới.

Và một lúc sau, bà vụt cười với ý nghĩ sắp có một chiếc áo mới.

Riêng về ông lão, ông suy nghĩ lung lăm, ông thấy không còn gì hy vọng về cái quán nữa. Nhưng ông không lo sợ như trước. Cái quán không còn là nguồn sống duy nhất của gia đình ông.

Ông ngồi cả ngày, không buồn nhúm lửa nấu nước. Và lần đầu tiên trong vòng sáu chục năm, mấy cái nồi lạnh tanh.

Khi có người đến mua nước nóng, ông nói:

— Bây giờ cái quán của tôi vô dụng rồi. Người ta sẽ bắt ống dẫn nước. Và trong khi chờ đợi thì mấy người hãy tự nấu nước lấy.

Cô gái lè cái lưỡi đỏ chót ra cười với ông lão như thường lệ, nhưng ông lắc đầu không giận cô ta.

Ngày hôm sau cậu con nói:

— Mình nên gọi thợ đến dỡ nhà. Nếu để người ta dỡ thì mình sẽ mất hết.

Lời nói đó khiến ông lão xúc động, ông kêu lên:

— Không! Người ta tính cướp đoạt tài sản của tao thì hãy để cho người ta tự do cướp đoạt.

Và trong bốn ngày liền, ông ngồi trong nhà, không ăn, không mở cửa, mặc dầu ông nghe sự tiêu hủy tiến tới từ từ - tiếng gạch đổ, tiếng ván rơi hòa với tiếng la khóc của dân chúng cùng cảnh ngộ với ông.

Đến sáng ngày thứ mười lăm, có tiếng đập cửa. Ông lão đứng lên, mở cửa. Trước nhà ông có mười hai người võ trang búa, xà beng. Ông nhìn thẳng vào mặt họ, hỏi:

— Mấy người tới phá quán tôi. Đó, các người muốn làm gì thì làm.

Và ông ngồi xuống chiếc ghế cây khi đám người kia bước vào nhà. Không có một nét cảm tình nào trong nét mặt họ. Họ đã triệt hạ mấy trăm nhà, quán. Đối với họ, ông chỉ là một ông già, một ông già rắc rối hơn những ông già khác.

Vợ, con trai, con dâu và đứa cháu nội ông đã tản cư qua nhà một người bạn từ sáng và họ đã mang theo tất cả đồ đạc, trừ chiếc ghế cây ông lão đang ngồi và hai cái nôi đồng.

Người con nói với ông:

— Đi với con. Con có sửa soạn cho cha một chỗ ở. Con đã mượn một gian nhà nhỏ. Người ta đưa trước cho con một ít tiền.

Nhưng ông lão vẫn cứ lắc đầu và ngồi lì trên chiếc ghế gỗ.

Trước mặt ông là hai cái nôi đồng to lớn gắn chặt vào lò. Hai người lao công dùng búa đập vào hai cái nôi.

Ông lão vụt nói:

— Ông nội tôi xây cái lò này. Bây giờ không có người thợ nào làm được.

Nhưng ông lão không nói gì thêm khi người ta dỡ ngói trên nóc và ánh sáng mặt trời chiếu qua các cây cột kèo.

Không bao lâu người ta dỡ hết mái nhà và ông lão ngồi đó giữa bốn vách tường, dưới ánh nắng như nung như nấu của buổi trưa.

Ông lão thấy bản thân choáng váng nhưng ông vẫn cố ngồi lì cho tới xế

chiều. Đêm xuống rồi, ông hãy còn ngồi đó, giữa đám gạch ngói cột kèo ngổn ngang. Hai chiếc nôi đồng cũng chơ vơ ra đó, giữa cảnh điêu tàn.

Người ta nhìn ông lão một cách tò mò nhưng không ai nói gì và ông cứ tiếp tục ngồi.

Cho đến khi tối mịt, cậu con đến, nắm tay ông bảo:

— Thăng bé không chịu ăn cơm vì cha không về.

Ông lão đứng lên, nắm tay người con, bước đi.

Gia đình ông dọn về một túp tranh ở trong cửa Bắc, nơi đây có nhiều đồng ruộng bỏ hoang. Ông già họ Lữ cả đời sống giữa sự náo nhiệt của phố phường không thể chịu được sự yên tĩnh ở đây. Ông không chịu nổi sự vô duyên của đồng không mông quạnh. Cả ngày ông ngồi trong phòng nhỏ tí xíu. Vì không phải làm gì, ông bỗng trở nên già cỗi một cách nhanh chóng.

Đến cuối tháng, người con mang về khoe năm mươi nén bạc. Cậu nói:

— Nhiều hơn số hoa lợi của cái quán.

Cậu không còn cái vẻ ăn không ngồi rồi như trước. Cậu ăn mặc cũng sạch sẽ hơn. Nhưng ông lão chỉ lẩm bẫm: “Hai cái nôi đồng của mình có thể chứa ít nhất là hai đôi nước sông”.

Một hôm bà vợ khoe với ông chiếc áo sa ten mới. Bà vuốt chiếc áo ngay trước ngực tròn của bà. Nhưng ông lão không buồn nhìn bà vợ. Ông lẩm bẫm:

— Bà già tôi hồi đó cũng có một cái áo hàng màu xám.

Rồi ông lại trầm ngâm nghĩ ngợi. Không ai có thể làm sao cho ông lão bước ra khỏi cửa. Ông ngồi trong phòng, ngày này qua ngày khác, tóc ông càng bạc trắng và má ông càng nhăn nheo. Mắt ông trở nên mờ đi. Chỉ có thằng bé là có thể làm cho ông thoải mái đôi chút. Chính đứa bé đã bước ra khỏi cửa. Ông thường ngồi bên khung cửa sổ nhỏ bé, nhìn ra ngoài suốt cả ngày. Ông chỉ rời chỗ ngồi đó mỗi ngày ba lần, vào ba bữa ăn.

Về đêm, ông ngủ chập chờn. Có khi ông ngủ ngồi, đầu gác lên trên bàn.

Thế rồi sau một tuần mưa dầm lê thê, trời bắt đầu sang thu, mặt trời chiếu nghiêng nghiêng qua mấy đám mây xám, khiến khung cảnh bên ngoài trở nên quang đãng. Ông lão thấy lòng rạt rào, mở cánh cửa sổ ra. Mùi đất mát xông lên. Ông nói một mình: “Mình có thể hứng nước mưa đầy một nôi

đồng. Ngày trước nước mưa bán được giá lắm”. Ngay lúc đó đứa cháu bước vào nắm tay ông, vừa nói vừa cười:

— Ra ngoài chơi, nội.

Ông lão xao xuyến trong lòng: “Phải, có lẽ mình ra ngoài chơi một chút”.

Ông nắm tay đứa bé, bước ra ngoài.

Trời nắng ấm, ông lão thấy dễ chịu. Ông hăng hái bước vài bước, đi ngang qua ngôi nhà gần đấy để tìm hiểu tình hình. Từ lâu rồi, ông không biết gì về tin tức. Cậu con bận rộn cả ngày. Còn đàn bà con gái thì chúng biết gì mà nói chuyện.

Cậu bé nói líu lo như tiếng ve kêu trên cành. Mùa thu trong sáng không khác gì mùa xuân. Ông lão tò mò nhìn chung quanh. Ông đang ở đâu đây? Đằng kia là cửa Bắc. Nơi đầu đường kia là cái quán nước nóng của ông, khi chưa bị phá vỡ. Ông đi lần tới đó, “Mình có chịu đựng được cơn xúc động chẳng?” Ông bước nhanh hơn. Đến một khúc quanh, xa lộ hiện ra trước mắt ông. Xa lộ? Phải cái này là xa lộ? Một dải đất mênh mông chạy thẳng vào giữa lòng thành phố. Nó cắt đứt tất cả con đường chật hẹp, quanh co và tối tăm, cắt gọn như một con dao sắc bén.

Ông lão nhìn xa lộ bỗng thấy sợ hãi trước cái vĩ đại của nó. Người ta làm con đường rộng thênh thang như thế này để làm gì? Lao công làm lụng trên xa lộ trông nhỏ như kiến. Tất cả dân số trên thế giới có thể đi lại trên xa lộ không cần chen lấn xô đẩy.

Có những kẻ đứng nhìn, cũng như lão, nhìn một cách êm lặng và khuất phục. Ông chú ý đến nét mặt xúc động của họ. Quay lại một người đứng gần, ông hỏi:

— Chú em ở đây?

Người kia khẽ gật:

— Nhà tôi cất từ đời nhà Minh. Rộng lắm. Có tới mười phòng. Bây giờ tôi ở một túp lều, lụp xụp như ổ chuột. Tôi hoàn toàn phá sản.

Ông lão gật gù, góp chuyện:

— Tôi có một cái quán - quán nước nóng...

Ông muốn nói thêm một cách khó khăn:

— Tôi có hai cái nôi đồng to tướng đủ chứa năm đôi nước...

Nhưng người kia không chú ý nghe. Y đứng lặng nhìn con lộ chạy dài dưới ánh nắng. Có người tiến đến gần. Ông lão nhận ra cậu con. Cậu chạy lại, tươi cười:

— Kìa cha. Cha ra xem xa lộ? Cha nghĩ như thế nào?

Môi ông lão mấp máy, ông không biết phải cười hay khóc. Một lúc lâu ông nói:

— Cha có cảm tưởng như là một cơn gió lốc đã thổi qua thành phố.

Nhưng cậu con chỉ cười, nói:

— Cha thấy không, con cũng có góp phần vào công trình xây cất xa lộ. Kìa, hai bên lề sẽ có lát đá dành cho những người đi bộ. Ở ngay giữa thì là đường sắt cho xe điện. Còn hai bên đường dành cho đủ loại xe. Dân số cả thế giới có thể đi bộ hay lái xe trên con xa lộ này. Xa lộ này chạy xuyên qua kinh thành!

Có tiếng người gọi, cậu con trai đi nhanh về phía đó.

Ông lão đứng yên, tiếp tục ngắm con đường. Xa lộ rộng mênh mông và dài vô tận cả hai chiều. Ông lão không biết nó dài đến bao nhiêu. Trong đời ông chưa hề thấy một con đường rộng lớn và thẳng tắp như vậy. Xa mút tầm mắt của ông, con lộ vẫn tiếp tục chạy dài.

Thật là một cảnh tượng kỳ ảo, mới lạ và đẹp mắt.

Và ông chợt nghĩ ra một điều. Từ trước đến nay, trải qua mấy triều Vua Chúa, chưa có vị minh quân nào đắp một con đường vĩ đại như thế.

Ông lão nhìn xuống đứa cháu nội đứng bên cạnh ông, thẳng bé không biết thắc mắc. Bất cứ chuyện gì nó cũng cho là tự nhiên.

Đó là đặc tính của trẻ. Chẳng hạn như con trai ông thản nhiên trước việc triệt hạ cái quán.

Chợt nghĩ đến cái quán, ông lão vẫn còn thấy tiêng tiếc nhưng lần đầu tiên ông không dùng danh từ “cường đoạt” hay “cướp phá”. Ông lại nghĩ đến một khía cạnh khác. Ông hài lòng khi thấy thẳng con trai lười biếng của ông bỗng nhiên trở nên một kẻ hữu dụng. Và ông tự hỏi “Có phải nhờ xa lộ này mà con mình trở nên một kẻ trưởng thành?”

Ông cũng thấy một điểm hai cha con ông giống nhau. Nếu ông lo cho cái

quán nước một cách tha thiết thì cậu con ông cũng mãi miết với xa lộ một cách say mê.

Ông lão nắm tay đứa cháu, tiếp tục đứng đó, mắt ngắm xa lộ mà lòng nghĩ ngợi rất nhiều. Ông lẩm bẩm:

— Cuộc cách mạng này, xa lộ này sẽ đưa người ta đến đâu?

CON GHÉT, CON THƯƠNG (MOTHER AND SONGS)

— Chúng nó đây rồi, Freda ơi!

Bà Barclay kêu lên với chị ở. Bà nhồm dậy trên chiếc ghế đặt bên cạnh cửa sổ khi một chiếc xe chạy vòng theo con đường vô tới trước nhà và hai người con trai của bà, Lane và Harry nhảy xuống.

Chị ở chạy vào phòng và đứng sau lưng bà Barclay nhìn ra ngoài, lẩm bẩm:

— Harry cũng cao gần bằng Lane. Nhưng Lane trông đẹp trai trong bộ quân phục.

Bà Barclay cố nén cơn bực. Bà thường bảo chị ở phải gọi “cậu Lane”, nhưng không bao giờ chị ở nghe, chị cứ quen mồm gọi tên hai cậu con trai trong nhà. Bà Barclay không tin là chị ở có thể nghỉ việc, nhưng vào thời buổi này, không ai biết chắc được ngày mai, cho nên bà không nói gì.

Bà đi nhanh ra mở cửa và dang hai tay đón Lane. Bà là người cao ráo, nhưng Lane còn cao hơn. Bà ôm cậu con trai đầu lòng, lòng rộn rã sung sướng. Má cạo nhẵn của cậu cạ vào thái dương bà, Lane hôn mẹ thật nhanh. Bà Barclay ngửi mùi xà bông và mùi da, nhưng dưới mùi đó là mùi da thịt của cậu con mà bà cũng xem là mùi da thịt của chính mình.

Bà khẽ kêu lên: “Cục cưng của mẹ!” Rồi buông hai tay ra vì biết Lane không thích mẹ ôm lâu. Bà lùi lại một bước để nhìn con rõ hơn.

Trong quân phục Thiếu úy, Lane rất đẹp trai và bà mẹ hạnh diện đến rơi nước mắt.

Từ trước đến nay, bà Barclay rất hài lòng có một đứa con đẹp trai như Lane.

— Cục cưng của mẹ đẹp như bức ảnh người ta quảng cáo hãng Brooks Brothers. Con có thấy nhột nhột vì quá xinh trai hay không?

Lane bỏ mũ, bao tay và chiếc áo choàng lên bàn, xoa hai tay và thổi vào hai bàn tay, nói:

— Trời trở lạnh. Đêm nay sẽ có nhiều sương đó mẹ.

Harry xen vào:

— Vậy là mấy gốc hồng của mẹ sắp chết đến nơi rồi.

Bà mẹ chỉ lộ hoa, nói với Lane:

— Mẹ đã hái hết tất cả, hái đến cả búp nữa bởi vì hôm nay mẹ biết con về.

Bàn tay của hai mẹ con giống nhau như đúc, dài và thon, nhưng bàn tay của Lane rắn chắc hơn. Bà mẹ nắm lấy bàn tay mặt của con, vờ ngắm nghía.

— Sạch quá! - Bà ta vừa kêu vừa cười - Mẹ nhớ trước đây mẹ thường rầy con về hai bàn tay. Cho tới bây giờ, mẹ vẫn còn phải rầy thằng Harry.

Harry bước theo mẹ và anh vào phòng khách: Cậu ngồi lên chiếc ghế bành, nhìn cảnh quần quít giữa hai người, đôi mắt xanh của cậu chớp nhanh. Cậu cắn móng tay. Bà mẹ bắt gặp, bảo:

— Harry, con không được cắn móng tay.

Cậu lẩm bẩm:

— Con cắn cho nó ngắn để đòn vĩ cầm.

Bà mẹ:

— Vậy thì cắt nó đi.

Lane hỏi:

— Vẫn chơi nhạc như thường lệ hả Harry!

Harry cho hai bàn tay vào túi áo, gật đầu.

Bà mẹ nói:

— Harry đòn hay lắm. Nó ở trong ban nhạc của nhà trường và đang dượt các bản nhạc của Beethoven.

Bà biết Lane không thích nhạc, nhưng bà mơ ước Lane trở thành một nhạc sĩ như Harry.

Khi Lane không đáp, bà nói tiếp:

— Harry, sau bữa ăn tối, con phải lấy vĩ cầm ra kéo nghe.

Harry ngồi dậy, lắc đầu:

— Thôi đi! Lane không bao giờ muốn nghe con kéo vĩ cầm.

Lane nhòen miệng cười. Cậu đi vòng quanh trong phòng, nhìn mọi vật, rồi cậu đứng lại, vờ bất bình:

— Mà chỉ nói không hay cho tao. Không, tao thích nghe mà chơi vĩ cầm lắm chứ!

Bà mẹ nói:

— Con nói như vậy là không tốt. - Giọng bà dịu dàng, không có vẻ nghiêm khắc, nhưng cả hai con đều nhìn bà với vẻ lo sợ.

Lane đến bên bà, vỗ nhẹ vào má mẹ, nói với giọng nũng nịu:

— Thôi má! Harry nói là nói, chứ không cần nhắc.

Bà mẹ chụp bàn tay Lane giữ lại bảo:

— Harry. Xem móng tay của Lane đây nè. Đẹp quá thấy không! Còn bàn tay của con...

Harry nói ngay:

— Bàn tay Lane giống bàn tay mẹ. Còn bàn tay con giống bàn tay cha.

Bà mẹ bỏ bàn tay Lane ra, nhìn sững Harry. Bà kinh ngạc không hiểu tại sao Harry lại đọc được cảm nghĩ của bà. Phải, Harry nói đúng. Bàn tay của Tom, chồng bà, đầy và xanh mét, các đầu ngón tay mập và móng tay hình lưỡi xuống.

Làm sao bà quên được bàn tay ấy! Tom đã mất năm năm rồi, nhưng đôi khi nhìn bàn tay của Harry, bà Barclay có cảm tưởng như trông thấy hình ảnh một người đàn ông to lớn tóc màu vàng hoe như cát, người gầy xanh mà bà đã lấy làm chồng và sau đó bà đâm chán ghét. Bà tự thấy mình điên rồ khi lấy Tom để toan làm cho Arnold Foster đau khổ, nhưng mĩa mai thay Arnold Foster không hề yêu bà! Khi hành động như vậy, bà chỉ bóp nát trái tim của mình mà thôi!

Bà nói với Harry:

— Chuyện đó không ăn nhập tới chuyện con cần móng tay.

Lane vẫn đi loanh quanh trong phòng. Cậu vụt hỏi:

— Còn con chó đâu?

Giọng bà mẹ trở nên dịu lại:

— Mẹ không muốn viết thư cho con về nó. Nó bị xe cán chết trong tháng qua. Mẹ không biết rõ vụ đó xảy ra như thế nào, chỉ biết là nó cứ

chạy trước đầu xe ngoài đường. Chiếc xe cam nhông của tiệm giặt ủi cán nó. Nhà mình tìm thấy nó nằm trong bụi, tội nghiệp, lúc đó mình thấy nó đã cứng rồi. Nó rán lết vô đó để chết. Harry chôn cất nó thật tử tế.

Lane nói:

— Đồ con chó ngu!

Harry nhướn mày, đôi mắt xanh của cậu lộ vẻ bất bình:

— Nó không ngu đâu! Tại anh không chịu dạy nó cẩn thận. Làm sao muốn có chó khôn khi mà chủ không chịu khó dạy bảo!

Lane đốt điếu thuốc, ôn tồn hỏi:

— Mình nên kiếm một con chó khác.

Harry lẩm bẩm:

— Tôi không thích một con chó nào khác.

Không ai nói năng gì trong một lúc. Bỗng Lane nói:

— Để con đi thăm Elise.

Bà mẹ:

— Đêm nay con phải về đây ăn tối. Nếu không Freda sẽ giận. Nó đang lo nấu nướng thật ngon.

Lane đồng ý dễ dàng:

— Cố nhiên. Nhưng con định sẽ đưa Elise đêm nay đi chơi ở một nơi nào đó.

Cậu bước ra khỏi phòng. Bà mẹ nhìn theo nói với Harry.

— Lane mặc quân phục, đẹp quá phải không?

Harry không đáp. Bà mẹ tưởng cậu bực, Harry càng giống cha. Bộ đồ vải “tweed” nhàu nát của Harry nhăn nheo và mái tóc rậm của cậu đen quá. Nếu mặc quân phục, có lẽ Harry sẽ trông đỡ hơn, nhưng cậu mới mười bảy. Bà có một ảo tưởng kỳ quái là khi nhìn Harry, bà lại thấy Tom. Khi mất, Tom hãy còn trẻ, mới có bốn mươi sáu. Những người đàn bà thường gọi Tom là “thanh niên”. Nhưng bà không bao giờ cảm những thanh niên kiểu đó, những người có thể già theo năm tháng trong khi tâm hồn hãy còn trẻ, những người đàn ông có dáng dấp trẻ con trong đôi mắt đàn bà.

Khi biết rõ Tom, bà thấy là mình không thể yêu Tom được. Lúc lấy chồng, bà không hiểu lấy một người mình không yêu là ác độc.

Khi nhận được sai lầm của mình, bà luôn luôn bị mặc cảm tội lỗi dày vò. Và khi nhìn Harry bà luôn luôn nhớ đến mặc cảm đó. Giọng bà trở nên dịu lại:

— Harry, bữa nay má thấy con thế nào ấy! Con không vui khi anh con về sao?

Giọng vui vẻ của Lane cười vang ở phòng bên: “Elise đó hả! Anh đây”. Harry đứng lên, nhưng vẫn cho hai bàn tay nằm trong túi:

— Cố nhiên là con vui khi anh Lane về.

Cậu vờn vai nhìn thẳng mẹ:

— Anh Lane và con chuyện trò vui vẻ lắm. Chúng con nói chuyện từ ga về đây. Nhưng mẹ đã làm cho hai anh em con khó chịu.

Chưa bao giờ Harry nói thẳng như vậy. Bà mẹ thấy bực.

— Con ganh với Lane. Chuyện chỉ có thế. Lane đẹp hơn con.

Vừa nói ra là bà mẹ thấy hối hận vì sự tàn nhẫn của mình. Má Harry đỏ rần:

— Con biết Lane đẹp trai. Còn con thì xấu xí. Điều đó mẹ đã cho con biết ngay từ khi con có trí nhớ.

Giọng Harry thật bình thản, đó là điều duy nhất Harry khác hẳn cha. Giọng Harry không ồn ào nhưng nói lên sự âm thầm chịu đựng.

Đến lượt bà mẹ nghẹn thở và đỏ mặt. Bà đã tàn nhẫn đến mức đó sao? Bà không tin được điều đó.

— Harry, con đừng nói oan cho mẹ. Có bao giờ mẹ nói điều đó...

Nhưng Harry cắt lời:

— Con không ngu đâu mẹ. Đâu cần tới mẹ nói. Con chỉ trông thấy ánh mắt, giọng nói và cử chỉ là con hiểu. Luôn luôn con biết những cảm nghĩ của mẹ về con.

Bà mẹ xúc động rơi nước mắt. Tom không bao giờ nói như thế. Thật là đáng ngại khi những lời buộc tội đó xuất phát từ cửa miệng của Harry. Bà có cảm tưởng như Tom đã trả thù bà qua lời lẽ của Harry.

— Harry, sao con có thể nói như thế được trong khi Lane về nhà chỉ có một vài giờ. Ngày mai anh con sẽ đi rồi - mà có lẽ đi không bao giờ trở về.

Nói xong, bà tự trách thầm: “Mình đã đem cái chết của Lane để tránh né

không dám nhìn thẳng sự thật”.

Bỗng nhiên Harry có vẻ già như cha cậu. Với giọng thật bình tĩnh, cậu nói:

— Điều đó không có gì lạ đối với con. Con biết mẹ thương anh Lane. Con cũng không muốn nghĩ tới điều đó. Chỉ mấy phút trước đây thôi, tự nhiên ý nghĩ này nảy ra trong trí con.

Bà mẹ kêu lên:

— Cố nhiên là mẹ thương Lane. Nhưng mà mẹ cũng thương con. Hai con đều là con của mẹ.

Harry cười, một nụ cười thật buồn và nếu bà mẹ thật tình yêu Harry thì nụ cười đó sẽ làm cho bà đau nhói trong tim. Bà biết như vậy cho nên tất cả mặt cảm ngày xưa trở về khiến niềm vui của bà tan biến.

Bà đứng lên, đến bên cạnh Harry, đặt tay lên vai cậu:

— Harry, con không nên nói chuyện đó trong ngày hôm nay. Mẹ thấy khổ lắm. Mẹ không biết mẹ đã làm những gì để con nghĩ như thế... Mẹ đã cố gắng làm một người mẹ hiền.

Harry nhìn mẹ, nói:

— Mẹ đã cố gắng nhiều lắm.

Bàn tay đặt lên vai Harry rơi xuống và bà nhìn con, kinh ngạc.

Harry nói tiếp:

— Con muốn mẹ không nên cố gắng như vậy.

Bà mẹ biết là Harry cảm thấy một sự cố gắng trong việc mẹ đặt bàn tay lên vai cậu.

Mồ hôi của Harry giống hệt mồ hôi của Tom. Bà mẹ nhận ra ngay điều đó mỗi khi bà tới gần Harry, đưa con giống đến cái mồ hôi của cha nó.

Bà nói:

— Harry, con đã làm mẹ xúc động. Mẹ không biết nói gì bây giờ. Nhưng mẹ nghĩ là nên vì Lane mà làm sao cho ngày hôm nay êm đẹp.

Harry đứng lên, cao lớn nhưng lưng hơi khom, hai tay vẫn giữ nguyên trong túi áo.

— Cố nhiên.

Một nụ cười nở trên đôi môi đầy và tái:

— Nhưng má biết rõ là Lane thực sự không để ý tới một việc gì. Anh ấy không như mẹ hay như con.

Bà mẹ mở miệng nhưng không nói nên lời. Mí mắt bà chớp nhanh. Harry nói tiếp:

— Mẹ với anh Lane trông giống nhau, nhưng mẹ và con giống nhau hơn.

Bà mẹ không thể trả lời sự thật làm phật lòng đó. Bà cố phủ nhận điều đó từ lâu. Bà cố giấu kín điều đó sâu kín trong lòng, tin chắc là không ai biết, nhưng cậu bé xấu trai này biết điều đó. Bây giờ cậu lại khai ra và đặt trước mặt bà ngay trong ngày hôm nay, ngày mà bà muốn sống thật thoải mái với Lane, cậu con cưng của bà.

Bỗng nhiên bà thấy sợ Harry và bà muốn chạy ra khỏi nhà để tránh Harry. Bà muốn cùng đi xa với Lane.

Bà cúi đầu xuống lấy hai bàn tay che mặt, nước nở:

— Sao con có thể độc ác với mẹ như thế?

Harry lẩm cẩm “Tội nghiệp cho mẹ tôi” rồi bước ra khỏi phòng.

Bà nghe tiếng cửa đóng lại và thấy dễ chịu khi còn một mình ở trong phòng. Bà ngồi sâu vào ghế bành, lau nước mắt. Bà có thể nghe tiếng Lane nói trong điện thoại “Thôi nhé, Elise. Anh sẽ đến vào khoảng 9 giờ rưỡi. Chắc chắn. Chúng mình sẽ dạo phố”. Bà mẹ không đủ thì giờ để sửa bộ khi Lane trở qua. Để Lane khỏi nghi ngờ, bà nói một câu để cậu không chú ý đến bà:

— Con có yêu Elise không?

Lane ngồi xuống ghế, cười:

— Mẹ hỏi khó trả lời quá. Con cũng chưa biết. Có lẽ đêm nay con sẽ tìm hiểu.

Bà mẹ:

— Elise là một cô gái khá ái.

Nói xong bà thấy ngạc nhiên với chính mình. Luôn luôn bà cảm thấy khó chịu khi các cô gái điện thoại tới chuyện trò với Lane, sẵn đón, tán tỉnh con trai cưng của bà. Nhưng bây giờ bà không còn thấy khó chịu nữa. Nếu một cô gái thông minh như Elise mà có thể yêu Lane thì điều đó chứng tỏ là

bà nghĩ đúng, còn Harry thì nghĩ sai.

Bà mẹ vụt nói:

— Con có thấy Harry có gì khác?

Lane hơi ngạc nhiên:

— Nó trở gò, cao quá. Con không thấy gì khác nữa.

Bà mẹ:

— Tánh tình nó khác thường. Mẹ không hiểu được nó.

Lane:

— Bao giờ nó cũng khác hơn thiên hạ. Lúc nào nó cũng đọc sách và đánh đàn, những thứ mà ít ai chịu khó chú ý tới. Con thì không thích những việc đó.

Bà mẹ ngồi xuống ghế, nhìn con, không đáp. Cậu con trai cứng của bà đã làm bà thất vọng, đã làm bà xót xa, nhưng cậu ta không hề hay biết. Khi sanh ra Lane, bà mẹ đã thương yêu nó một cách say đắm. Nó là huyết nhục của bà. Nó có tóc đen và mắt nâu như bà. Nó, có cả nước da ngâm ngâm, thân hình thanh thanh và cả đến đôi chân của bà. Bà đã nắm đôi chân đó khi nó hãy còn trẻ, vuốt ve mơn trớn đôi chân đó và giờ đây đôi chân đó giống hệt đôi chân bà.

Bà mẹ nói:

— Mẹ thường đọc chuyện cho con, mẹ đọc chuyện ngắn và thơ cả tiếng đồng hồ khi con bệnh. Mẹ thường nô đùa và hát cho con nghe...

Lane nhìn mẹ có hơi ngượng:

— Mẹ cưng con lắm nhưng mà con nghĩ là tánh con giống cha, chắc mẹ biết điều đó.

Bà mẹ ngoảnh mặt nơi khác, thở dài:

— Mẹ cũng nghĩ như vậy.

Bà không chịu nói sự thật phũ phàng đó. Bà nhồm đậy, hai tay vuốt mái tóc, hỏi:

— Mình làm gì trong ngày hôm nay? Hôm nay là ngày đẹp nhất trong đời mẹ con mình. Con muốn mình làm những gì?

Lane hăm hở:

— Mình nên cười ngựa đi dạo một vòng. Con thích điều đó nhất.

Đó cũng là điều mà bà mẹ và chồng bà thường làm. Dù hai người không yêu nhau nữa, dù hai tánh ý khác nhau, nhưng cả hai đều có thể dạo chung trên lưng ngựa. Nhưng từ ngày hai vợ chồng gây gổ với nhau, Tom bỏ nhà ra đi và tử nạn, bà không hề cười ngựa nữa. Bà chỉ nuôi mấy con ngựa vì hai con.

Bà mẹ đáp:

— Được, chúng mình sẽ cười ngựa đi dạo một vòng.

○○○

Bà đã chiều theo ý con. Con đường mòn đi sâu vào rừng. Trên nền xanh tươi của cây lá, bóng dáng hùng dũng của Lane nổi bật lên. Bà mẹ cảm thấy lâng lâng trong lòng. Ánh sáng mùa thu tỏa lên đầu chàng trai một hào quang chói lọi. Bà mẹ hãnh diện đã sanh ra một con người như thế.

Bà cố giấu niềm hãnh diện vì Lane chỉ là con chó không phải tình nhân. Bà nói:

— Mẹ tin chắc những người đẹp trai trong bộ quân phục như con bày ra chiến tranh.

Lane cười thật dễ dàng, những nụ cười như thế nói lên rất nhiều. Nhưng cậu chỉ có một hãnh diện được nữ giới chú ý tới cậu.

Niềm hãnh diện đó càng làm cho cậu thêm xinh trai.

Đôi mắt sáng ngời, cặp môi đầy tự tin, hai bàn tay cầm cương thật dẻo. Bỗng cậu thúc ngựa phi vượt lên trên. Bà mẹ giữ ngựa ở sau để được dịp ngắm con phi ngựa. Bà nghĩ thầm: “Không chắc là Elise sẽ có hạnh phúc bên cạnh Lane”.

Bà không bao giờ nghĩ đến vấn đề Lane có thể đem hạnh phúc lại cho người đàn bà. Trước đó bà không hề nghĩ là Lane đã làm cho bà khổ. Các nhà giáo thường an ủi bà. Hãy để cho cậu một thời gian. Bây giờ cậu hãy còn trẻ, chưa biết nghĩ suy. Khi trưởng thành...

Bà mẹ đã dựa vào những lời an ủi này để đỡ khổ. Trước khi niên khóa chấm dứt, chiến tranh đã cướp Lane khỏi ghế nhà trường và bây giờ bà mẹ không biết thời gian có giúp cho con bà trưởng thành hay không.

Lane phi ngựa quay về, tay cầm mũ, tóc lộng theo gió, hai mắt ngó lên và cơ thể cậu đẹp như một vì vua trên lưng ngựa.

Một lúc sau, hai mẹ con đề huề đi song song với nhau.

Trong ánh nắng, bà mẹ nói:

— Lane, con nghĩ gì về chiến tranh? Có lẽ hai mẹ con mình không được ở bên nhau như bây giờ, mẹ muốn hỏi con một điều - và điều đó sẽ giúp mẹ thoải mái khi con ra đi. Mẹ muốn biết con nghĩ gì về chiến tranh. Và nếu có bất trắc xảy ra cho con, mẹ sẽ được an ủi nhiều khi mẹ biết con đã chiến đấu cho một cái gì đáng cho con hy sinh.

Bà mẹ nghĩ về điều đó rất nhiều và muốn biết cảm nghĩ của con.

Lane đảo đôi mắt sáng và ngơ ngác nhìn mẹ:

— Con không nghĩ về vấn đề đó nhiều. Nhưng con hy vọng là đời lính sẽ vui thú lắm.

Những ký ức ngày xưa len lỏi về như những bóng ma từ khu rừng xuất hiện đưa các bàn tay lạnh giá lên người bà. Tom, cha của Lane cũng có thể trả lời như Lane về những câu hỏi tương tự như thế.

Bà nói:

— Chỉ vậy thôi sao?

Lane đáp:

— Chớ còn gì nữa? Mẹ muốn con nghĩ như thế nào?

Bà mẹ lắc đầu:

— Không...

Khi hai mẹ con trở về, Harry không có ở nhà. Cậu đến trường hòa nhạc. Chị bếp bảo là không biết chừng nào cậu trở về.

Bà mẹ nói:

— Lane và tôi ăn chung vậy!

Hôm qua, bà lo nghĩ, sợ có Harry, hai mẹ con bà không tiện trò chuyện tự nhiên. Bây giờ Harry đã tự ý lánh mặt, giúp bà giải quyết được thắc mắc đó một cách thật giản dị. Nhưng bà mẹ không được nói chuyện riêng tư với Lane. Bà vẫn nghĩ tới Harry. Bà suy nghĩ, không hiểu mình đã làm cậu bé đau khổ đến mức nào. Bà nghĩ đến Harry với một tình cảm mới, một tình cảm pha lẫn tò mò. Tại sao bà không hiểu được Harry? Phải chăng vì không

yêu chồng mà bà không yêu Harry? Bà chỉ săn sóc có một mình Lane thôi. Bà không hề bận tâm đến Harry. Cậu là một đứa bé trầm lặng, tánh tình đứng đắn ở nhà cũng như siêng năng cần mẫn ở trường. Harry không làm bà bận rộn như Lane. Chỉ mới sau này Harry tỏ ra sốt ruột và đôi khi không nghe lời mẹ. Cậu tập tánh về trễ và không chịu nói rõ cậu đã ở đâu từ đầu hôm đến khuya.

Khi ăn, bà mẹ vụt nói với Lane:

— Mẹ muốn con không đi xa. Mẹ muốn có người giúp đỡ trong việc trông nom Harry. Dạo này mẹ không hiểu được nó nữa.

Lane nói:

— Cứ để mặc nó. Năm tới, quân đội sẽ bắt nó.

Rồi cậu tiếp tục ăn. Thịt ram là món cậu thích nhất. Cậu khen chị bếp:

— Bữa ăn thật ngon đó, chị!

Freda mỉm cười thích chí. Chị cũng mến Lane hơn Harry.

Bà mẹ nói:

— Mẹ không cho việc Harry vào quân đội là giải quyết được nỗi băn khoăn của mẹ, người mẹ. Harry có nói chuyện nhiều với con.

— Nó nói nó muốn đi vào ngành hóa học. Con không chú ý đến chuyện đó. Con không thích hóa học. À mẹ, chiều nay mẹ cho phép con đi thăm mấy thằng bạn. Mẹ có phiền không?

Bà mẹ:

— Cố nhiên là không (...) những gì mà con thích.

Nhưng bà cảm thấy (...) thường khi ở nhà một mình trong buổi chiều khi đứa con cứng ra đi có thể không trở lại. Và Harry cũng không trở về nhà. Bà điện thoại đến trường hỏi năm giờ. Nhưng không ai trả lời. Không còn ai ở trong trường.

Bà chợt thấy không thể ăn tối với hai đứa con trai bỗng nhiên trở thành người đàn ông xa lạ. Sau khi nghĩ ngợi, bà điện thoại cho Elise.

— Có phải Elise? Bác không chắc là cháu có ở nhà.

— Dạ, cháu phải bận rộn cả buổi chiều để sửa soạn đi chơi với anh Lane.

Elise cười vang trong điện thoại, tiếng cười của một cô gái đang yêu. Bà mẹ nhận thấy điều ấy và bà cũng cảm thấy lo sợ.

— Elise, đêm nay cháu tới dùng bữa với bác. Có thêm cháu nữa là tất cả bốn người. Bác biết Lane sẽ thích lắm.

Tiếng Elise thật vui tươi:

— Cháu chỉ mong được bác gọi.

— Nhớ đến nhé.

Bà mẹ đặt điện thoại xuống, cho chị bếp biết có thêm người rồi trở về phòng nằm dài trên ghế dài nghỉ một tiếng đồng hồ. Đến sáu giờ, bà ngồi dậy, đi tắm, sửa soạn và xuống lầu. Sáu giờ rưỡi, Lane chạy nhào vào nhà mở cửa phòng khách kêu lên:

— Chà! Mẹ đẹp quá. Chắc đang chờ con dùng bữa?

Bà mẹ đưa má cho con hôn, bảo:

— Đúng vậy. Mẹ có bảo Elise đến ăn tối. Nàng sẽ đến trong chốc lát.

— Hay quá! Con muốn mời Elise nhưng Harry không biết là mẹ có thích như thế không.

Bà mẹ nói:

— Con đã gặp Harry?

Lane đang lên nửa thang lầu nói vọng xuống:

— Không. Con không thấy nó ở đâu!

Bà tự nhủ:

— Mình sẽ không lo nghĩ nhiều về Harry.

Nhưng bà lại nghĩ không lẽ Harry làm chuyện rồ dại như chạy trốn.

Sau câu chuyện buổi sáng, bà mẹ cảm thấy bà không hiểu một tí gì về Harry.

Mười phút sau Elise tới, trông tươi mát như một đóa hoa. Bà mẹ thấy có cảm tình với cô gái xinh đẹp này. Elise hãy còn trẻ, mới mười tám. Lane hơn nàng một tuổi. Nhưng ngày nay trẻ con bị bắt buộc phải trưởng thành nhanh chóng. Các cậu thanh niên đã trở thành người lớn ở tuổi mười tám còn các cô thì biết yêu, lấy chồng trước tuổi.

Bà mẹ:

— Lane sẽ xuống đây trong vài phút.

— Còn Harry đâu bác?

— Nó đi hòa nhạc từ sáng tới giờ.

Elise:

— Harry sẽ trình diễn một màn độc tấu vĩ cầm. Bác có biết?

Bà mẹ ngỡ ngác:

— Không. Bác không biết. Chẳng chớ đó có nói gì đâu!

Elise:

— Mới hôm qua cháu gặp Harry và anh ấy cho cháu biết. Bác phải hãnh diện về Harry. Anh ấy đàn tuyệt diệu!

Bà mẹ nói nhanh:

— Có chớ. Bác hãnh diện lắm!

Ngay lúc đó, bà nghe tiếng cửa trước mở. Và không hiểu tại sao bà đi thẳng ra nhà ngoài. Harry xách vĩ cầm, có vẻ mệt mỏi.

— Harry, cả ngày nay con ở đâu?

— Con theo về nhà ông thầy dạy nhạc của con. Con muốn nhờ ông ta giúp.

— Tại sao con không cho mẹ biết là con sẽ trình diễn độc tấu vĩ cầm? Mẹ mới vừa nghe Elise nói.

Harry:

— Con tưởng là mẹ không quan tâm tới.

Tánh thẳng thắn của Harry đã làm bà mẹ không nói thêm được gì nữa. Bà chuyển qua chuyện khác.

— Bữa ăn tối sắp dọn. Con hãy rửa mặt.

Mười lăm phút sau, khi Harry xuống lầu, sau Lane, cậu mặc bộ đồ xanh đậm và chải tóc cẩn thận. Gương mặt trắng mét của cậu rất trầm lặng. Cậu bắt tay Elise, không nói tiếng nào rồi đến bàn ăn ngồi đối diện với Elise. Lane ngồi ở đầu bàn, nơi cha cậu thường ngồi lúc còn sống,

Buổi ăn thật là vui và Lane là thượng khách. Lane nói và mọi người lắng nghe, Harry hầu như không nói tiếng nào. Nếu là những ngày khác, bà mẹ sẽ không để ý đến sự im lặng đó. Nhưng bây giờ đây, bà mẹ cảm thấy mình bỗng quên Lane để nghĩ nhiều về Harry. Hai hay ba lần, bốn mắt hai mẹ con nhìn nhau rồi ngoảnh đi thật nhanh.

Harry cũng nghĩ về mẹ. Bà mẹ cảm thấy điều đó. Và bà bắt đầu lo ngại khi nghĩ đến ngày mai, khi Lane trở về với quân đội. Ngày mai, vào giờ

này, bà và Harry sẽ ngồi đối diện với nhau trong phòng. Sẽ không có một bức màn nào giữa hai người... Bà mẹ tự thấy mình nghĩ nhiều về sự lo ngại phải ngồi đối diện với Harry hơn là việc ra đi của Lane. Bà cũng ngạc nhiên khi thấy mình im lặng một cách bất thường.

Đêm ấy bà trằn trọc không ngủ được và sáng hôm sau, bà thức sớm. Bà sợ Lane ra đi vì sợ phải ở lại một mình với Harry. Bà tự nhủ: “Mình vô lý quá! Việc gì mà ngại. Harry chỉ là một thằng bé - một thằng bé mà mình đã trông nom, dạy dỗ từ thuở sơ sinh”.

Nhưng thật ra thì bà không phải dạy dỗ Harry nhiều. Bao nhiêu thì giờ và tâm tư, bà dành riêng cho Lane. Dù vậy Harry vẫn học được nhiều, phần lớn là tự học. Bà mẹ chỉ tách rời Lane khi cậu bị quân đội động viên, và bà tự an ủi: “Vây cũng hay. Quân đội sẽ đào tạo Lane thành một quân nhân xuất sắc”. Ngày xưa, chồng bà, Tom cũng là một quân nhân. Tom được nhiều quân chương ở Pháp về hành động can đảm phi thường. Hồi đó bà thường nghĩ “Những kẻ ngu ngốc luôn luôn là những binh sĩ giỏi” Nhưng bây giờ bà sửa lại “Lane không ngu ngốc, Lane không giống cha nó. Nó hãy còn trẻ, chưa thể nói trước được”.

Ngày chia tay mà bà lo ngại bỗng nhiên không còn nặng nề nữa. Dường như người ra đi không phải là Lane mà là một kẻ bà không yêu thương đầy đủ như Lane.

— Thừa mẹ con đi. - Lane ôm mẹ hôn giã biệt.

Bà mẹ cảm thấy ngạc nhiên khi mắt bà ráo hoảnh, không một giọt lệ:

— Con đi bình an.

Nhưng Elise khóc ré lên khi xe lửa chuyển bánh. Nàng khen bà mẹ:

— Bác cứng rắn quá!

Bà mẹ thản nhiên:

— Rồi nó sẽ trở về! Bác tin chắc là rồi nó sẽ trở về!

Bà đã nghĩ đến chồng khi nói như thế. Tom đã tham gia suốt trận giặc vừa qua và khi trở về, không hề bị một vết thương nào. Tom chết vì ngã ngựa cách đây hai mươi năm.

Harry lái xe trở về, bà mẹ và Elise ngồi băng sau cho đến khi tới nhà Elise. Lúc Elise xuống, bà mẹ lên băng trước ngồi với Harry. Bà nghĩ đến

cách giải quyết các thắc mắc giữa Harry và bà.

Nhưng Harry vẫn trầm lặng suốt buổi sáng. Cậu lái xe rất tài, hai bàn tay nắm vững tay lái. Cậu không nói năng gì và bà mẹ nhìn xéo gương mặt của cậu. Gương mặt đó nói lên một cái gì quan trọng, suy tư.

Một lúc sau bà nói:

— Nhiều khi mẹ nghĩ, không biết Elise có thành đôi lứa...

Harry ôn tồn đáp:

— Con hy vọng là không.

Giọng cương quyết và đầy tự tin của Harry khiến bà mẹ ngạc nhiên thích thú:

— Tại sao?

— Con nghĩ là sau một năm đầu, cả hai sẽ khổ. Con muốn nói là Lane rất đẹp trai - và Elise phải mất một thời gian mới hết đam mê. Và khi nàng hết đam mê rồi nàng sẽ chán. Elise rất thông minh.

— Còn Lane thì không?

— Con không nói là Lane không thông minh. Nhưng Elise thì thật là phi thường. Điều đó sẽ khó cho Lane sau này.

— Vậy sao?

— Khó cho cả hai.

Hai mẹ con không nói gì thêm cho tới khi xe về đến nhà. Bấy giờ Harry nói:

— Con lại đi hòa đàn.

— Con cứ đi.

Harry nhìn mẹ, mở miệng toan nói nhưng lại thôi, quay lưng ra đi.

Cả ngày ở nhà một mình, bà mẹ thắc mắc về cái nhìn của Harry và mãi đến xế chiều bà mới hiểu. Bà đã gọi Harry bằng “con”. Đây là lần đầu tiên bà gọi Harry như thế. Bà đặt giỏ kim chỉ xuống, nhìn thẳng về phía cuối phòng. “Trời ơi, ta đã quá độc ác. Harry đã đau đớn vì sự độc ác đó trong bao năm qua mà ta có hay biết gì đâu”.

Đêm ấy, Harry về sớm, lên lầu tắm rửa trước khi gặp mẹ. Khi thấy mẹ, cậu không đung tới mẹ và bà hiểu Harry biết rõ là mẹ không muốn cậu chạm tới. Bấy giờ bà mới nhớ ra là Harry không hề đến gần và chạm tới

người bà ngay từ lúc hầy còn thơ và bà cứ để y như vậy. Bây giờ, bà muốn đưa hai cánh tay ra nhưng bà biết làm như vậy sẽ khiến cho Harry bỡ ngỡ và ngượng.

Hai mẹ con vừa ăn vừa thảo luận về âm nhạc và Harry cho mẹ biết cậu đang tập các ngón đàn cầu kỳ khó khăn. Cậu hỏi thăm công việc làm của mẹ. Bà cho biết:

— Ngoài may vá, mẹ không làm gì khác.

Harry:

— Con mong rằng mẹ sẽ không cô đơn.

Bà mẹ:

— Không. Trước đây mẹ đình ninh là mẹ sẽ cô đơn khi Lane đi rồi. Nhưng bây giờ mẹ không cô đơn nữa.

Harry nhìn mẹ một cách kỳ lạ, một cái nhìn chứa đựng nhiều hiểu biết. Bà mẹ nghĩ thầm: “Nó biết hết tất cả. Mình không thấy gì trong hồn nó, còn nó thì biết hết tất cả về mình”.

Bà đứng lên bên kia bàn. Những giọt lệ đã không chảy ra trong buổi sáng, lúc tiễn Lane đi, bây giờ trào ra. Harry trông thấy và bước nhanh về phía mẹ nhưng cậu vẫn không đụng tới mẹ. Cậu lo lắng hỏi:

— Mẹ không được khỏe?

Bà mẹ nắm lấy tay con bảo:

— Con ra phòng ngoài với mẹ. Mẹ muốn nói chuyện này với con.

○○○

Harry cho hai bàn tay vào túi áo, ôn tồn nói:

— Không ai nói cho con hết. Con không nhớ con biết chuyện ấy vào lúc nào.

Hai mẹ con nói chuyện một lúc lâu và bà mẹ cảm thấy khoan khoái lạ lùng. Bao nhiêu thắc mắc mà bà mang nặng trong lòng đã được thanh toán.

Harry tiếp tục nói:

— Con biết điều đó có lẽ vào lúc con lên bảy. Thoạt tiên, con chỉ nghĩ là mẹ không ưa con. Thế rồi con bắt đầu suy nghĩ tại sao... và sau một thời

gian con hiểu. Đó là tại vì con trông giống cha.

Bà mẹ giựt mình khi nghĩ trong mười năm trời, Harry đã chịu đựng những đau khổ mà trước đó bà đã chịu đựng. Vậy mà bà không hề hay biết gì.

Harry nói tiếp:

— Mãi cho đến khi con lớn lên, khi con lên mười ba con mới hiểu thêm. Phải rồi, vào dịp ngày sanh nhật của con. Mẹ có nhớ là năm đó, mẹ cho con một con dao? Con ao ước con dao đó từ lâu. Và mẹ đã cho con món quà đó đúng với ý muốn của con...

Bà mẹ cắt lời:

— Nhưng con đã cho Lane con dao đó ngay trong đêm ấy. Mẹ nghĩ là con không thích.

Harry nói tiếp:

— Lane muốn con dao đó ngay khi thấy. Và con thấy mẹ cũng muốn cho Lane một con dao như thế. Cho nên con cho anh ấy con dao của con. Từ ngày đó, con biết là mẹ thương Lane nhiều hơn con, vì mẹ đã để cho con tặng Lane con dao đó.

Một lần nữa bà mẹ không nói nên lời. Hai mẹ con im lặng một lúc khá lâu.

— Đến lúc nào... con mới biết là con giống tánh mẹ.

Harry:

— Con nghĩ là con biết điều đó từ lâu. Bởi vì con luôn luôn thông cảm với mẹ. Con luôn luôn biết những gì mẹ nghĩ ngợi và rung cảm.

Bà mẹ khẽ kêu lên.

— Trời ơi!

Bà đứng lên, bước tới, đặt hai bàn tay lên vai Harry. Cậu nhìn lên, mỉm cười thường nhật, nụ cười thật buồn khiến bà mẹ thấy rờn rợn.

Bà nói:

— Mẹ cảm thấy như là mẹ thật sự hiểu được tâm hồn con. Mẹ đã tự trách mẹ về những sai lầm của mẹ trong những thời gian qua. Harry, con có tha thứ cho mẹ chăng?

Hai má Harry ửng đỏ và bà mẹ thấy mấy giọt nước mắt trên má con.

Harry nhìn xuống và môi cậu run run. Cậu lau nước mắt, thở dài. Sau đó cậu có thể nói:

— Cố nhiên. Mẹ không nên thắc mắc nghĩ ngợi. Mỗi người đều có cảm nghĩ riêng tư. Con biết điều đó từ lâu.

NỬA ĐÊM ĐẾM CON (PÈRE ET MÈRE)

Nước ngập tràn lan, cả cánh đồng chìm sâu dưới làn nước bạc. Trên một gò đất cao, đám dân quê tom góp bàn ghế, nôi niêu dọn lên ở tạm. Nhưng các nôi niêu này lạnh tanh từ mấy tuần nay vì không có củi khô để nấu. Cơn lụt đã cuốn trôi hết tất cả.

Một đồng bàn ghế ngổn ngang là một gia đình kể cả người và súc vật. Ngoài ra tất cả nhà cửa, mùa màng đều chìm sâu dưới nước. Người ta chỉ tom góp được những gì còn có thể vớt được: một người đàn ông, một người đàn bà và vài đứa trẻ; ít khi có những người già cả. Thường thì một gia đình chỉ gồm có cha mẹ và mấy đứa con.

Một cuộc tranh chấp âm thầm xảy ra giữa cha và mẹ và một bầu không khí im lặng rợn người ngăn cách hai người. Họ tranh chấp về việc gì vậy?

Đây, người cha, một nông phu trẻ tuổi. Y nhìn người vợ với vẻ bức tức, khó chịu. Cặp vợ chồng này lấy nhau rất sớm nên ngày nay có năm con, đứa lớn nhất chỉ mới tám tuổi. Người chồng không quá hăm sáu hăm bảy và người vợ còn trẻ hơn nữa.

Người chồng đen sạm, vạm vỡ, nhưng đã ốm đi rất nhiều. Y giống như các nông phu mà người ta thường gặp ở nhà quê, họ thích hãnh diện về cánh đồng cày bừa cẩn thận, hãnh diện về đồng lúa vàng hoe trước sân hay các hoa màu tươi tốt vừa gặt hái. Y hãnh diện vì đó là kết quả mồ hôi nước mắt của mình. Y thấy hài lòng về sự làm lụng tích cực đó. Gương mặt của y có vẻ hiền, tuy nghiêm và hơi tàn bạo.

Mặc dầu tình trạng cay đắng hiện tại, người ta vẫn thấy tiềm tàng vẻ hiền lành trên gương mặt y. Đôi mắt thành thật nhưng đầy tuyệt vọng.

Người vợ nhìn trộm chồng và đảo mắt thật nhanh về phía khác. Đó là một thôn nữ xinh đẹp với đôi má tròn trịa. Hai chân nàng không bó như

những người lớn tuổi, nếu không gầy đi nhiều vì thiếu ăn thì tầm vóc nàng cũng vừa vặn. Lúc bấy giờ đôi mắt nàng thụt vô sâu, mái tóc đen ngả sang màu nâu, tả tơi trước gió. Từ ngày lụt lội, nàng không hề chải gỡ. Nàng thường liếm đôi môi khô cho ướt át, nhưng vô hiệu.

Người mẹ bận rộn. Nàng không ngớt trông chừng các đứa con. Hai đứa bé không bao giờ rời nàng. Một đứa đeo cứng trước ngực nàng. Nó teo lại, chỉ còn một chút da nhăn nhu. Dù vậy, tìm được một chút an ủi khi được mẹ ôm sát lòng, nó bớt rên trong giây lát.

Người mẹ cũng bế trên tay một cô bé đèo đuột, nằm im lặng và bất động.

Ba đứa trẻ kia cũng không cử động, nhưng khi có đứa nào mon men gần mé nước thì người mẹ kêu giựt ngược lại. Nàng chỉ yên tâm khi chúng nó trở về vị trí cũ, ở trong tầm tay nàng.

Ban đêm, mối lo ngại của người mẹ tăng gấp đôi. Nàng cố gắng để thức, để trông chừng năm đứa con. Cả chục lần nàng chột tỉnh để đưa tay sờ mó thật nhanh năm đứa bé. Chúng nó có còn đủ năm hay không? Đứa con gái nhỏ đâu rồi? Kia, nó đây rồi. Vậy là đủ.

Khi nghe chồng cử động, nàng gắt gỏng:

— Làm gì vậy? Có việc gì?

Đôi khi người chồng bực mình kêu ầm lên, chửi bới lung tung.

Người vợ biết vì sao chồng chửi mắng mình và không trả lời. Nàng chỉ giữ mấy đứa con sát một bên và lẩm nhẩm đếm mãi trong bóng đêm.

Sáng hôm sau, người mẹ làm ra vẻ bận rộn, như là có rất nhiều thức ăn phải lo nấu nướng. Nàng xách nước ở bờ sông, nhồi một chút bột. Nàng nói với vẻ vui tươi:

— Mình còn khá nhiều bột hơn là mình nghĩ. Vậy là chúng mình còn có thể chịu đựng được nhiều ngày.

Nàng cố sắp xếp để chia miếng lớn nhứt cho chồng và cố khuyên dứt hai đứa lớn không được than thở về phần ăn ít oi của chúng. Nàng vừa khuyên con vừa ái ngại nhìn chồng. Trước cảnh thương tâm, người cha nhìn gia đình mình với vẻ buồn thảm câm nín.

Người mẹ chỉ để cho mình miếng nhỏ nhứt và ăn một cách ồn ào.

Nàng nhường nhịn, viện lẽ không đói hoặc đau bụng. Và khi chồng quay

lưng đi là nàng chia phần ăn của mình cho hai đứa con lớn.

Nhưng người cha không mắc mưu. Khi trông thấy hành động của người vợ, y nổi giận kêu lên:

— Tôi không muốn mình chết đói; dù là để cứu mạng sống của một trong mấy đứa con.

Người chồng chỉ hài lòng khi thấy người vợ đưa bát lên miệng. Nàng húp từng húp nhỏ, cố làm như là trong bát còn rất nhiều. Dù nàng cố hết sức để tạo một không khí bình thản, người chồng vẫn thấy là mớ bột còn lại rất ít. Y cũng nghe những lời than thở thiếu ăn của hai đứa con lớn. Hai đứa bé này không nghe những lời khuyên của mẹ. Chúng khóc rên thường xuyên. Trước kia, chúng nó mập mạp, đỏ hồng. Trong nhà không thiếu món gì. Chúng không hiểu tại sao lại xảy ra nạn lụt. Chúng nghĩ là cha chúng có bốn phận phải tìm cái ăn cho chúng.

Trong khi đám con khóc rên, người cha đến ngồi bên bờ nước bịt lỗ tai lại.

Lúc bấy giờ gương mặt người mẹ đầy vẻ hãi hùng. Nàng van mấy đứa con đừng than khóc nữa.

— Nín đi. Chúng bây đừng làm điên đầu cha chúng bây.

Mấy đứa con nhìn chằm chằm vào mặt mẹ chúng. Linh cảm cho chúng thấy có một tai họa ghê gớm mà chúng không biết rõ như thế nào đang chờ đợi chúng. Cơn sợ hãi làm chúng im lặng.

Trong tình thế đó, cuộc tranh chấp ghê rợn và âm thầm giữa người cha và người mẹ tiếp tục.

Mỗi ngày qua là mớ bột trong thúng vơi đi. Nhưng nước vẫn chưa chịu rút.

Và mỗi đêm, trong bóng tối, người mẹ âm thầm đếm con.

Nhưng không thể thức mãi được cho nên một đêm, vì cơ thể thiếu ăn nên ngủ quên mà người mẹ không hề hay biết. Dù dang hai cánh tay ra để bao bọc mấy đứa con, nàng vẫn không hay biết khi chồng cử động và nói thì thầm với hai đứa gái nhỏ.

Hai đứa bé lặng lẽ đi theo cha chúng một đôi xa không hề nghi ngại.

Không bao lâu người cha về một mình, chân thấp chân cao ngã xiù ngã

té, trong bóng tối y nằm xuống chỗ cũ. Một đôi khi, y thở dài một tiếng náo nuột như tiếng rên.

Bình minh chớm sáng, bà mẹ giật mình thức giấc. Nàng hoảng hốt khi biết mình ngủ quên. Hai bàn tay nàng sờ soạng đếm mấy đứa con.

— Còn hai đứa nữa đâu?

Nàng ngồi nhổm dậy, bỗng nhiên thấy mình mạnh khỏe hơn trước. Nàng lao về phía chõng, nắm chặt, hét to:

— Hai đứa nhỏ đâu?

Người chồng ngồi bệt dưới đất, đầu gục xuống hai đầu gối, không đáp.

Người mẹ mất trí, khóc như mưa, nắm vai chồng, lắc mạnh:

— Tôi là mẹ chúng nó, tôi là mẹ chúng nó!

Tiếng kêu đánh thức mọi người trong cái thế giới khốn khổ nhỏ bé này. Nhưng không một ai lên tiếng. Ai cũng hiểu chuyện gì đã xảy ra. Ở đâu cũng có những cuộc xung đột như thế.

Người mẹ la hét thảm thiết, giọng nghẹn ngào:

— Một người mẹ không thể làm được những việc như thế. Chỉ có những người cha không thương con, đi tiệc tùng chút thức ăn với con...

Bây giờ người đàn ông buồn thảm kia mới nhứt định lên tiếng.

Y ngẩng mặt lên, nhìn người đàn bà trong bóng tối lờ mờ, nghiến răng nói:

— Mình tưởng là tôi không thương chúng nó?

Y quay đầu sang bên rồi một lúc sau, nói tiếp:

— Bây giờ chúng nó không còn đói nữa.

Thế rồi bỗng nhiên y khóc, khóc một cách lặng lẽ. Và trước gương mặt nhẵn nhụi đau thương đó, người mẹ đành câm nín.

MÙA XUÂN TANG TÓC (PRINTEMPS STERILE)

Vào một buổi chiều cuối tháng hai nóng bức, anh nông phu Xiêu ngồi trước thềm nhà, chỉ một gian duy nhất, cảm thấy mùa xuân sắp đến trong thân hình gầy gò của mình.

Làm sao anh có thể nhận ra mùa xuân, một mùa đánh thức sự sống trên mặt đất và kích động nhựa sống trong cây? Anh không thể nói được. Những năm khác chuyện đó rất dễ. Anh chỉ cần ngắm các chồi trên cành liễu chung quanh nhà. Nhưng bây giờ thì các gốc liễu ấy không còn nữa. Trong mùa hè ghê gớm này, khi người ta chết hàng loạt vì đói, anh đã phải đốn từng gốc liễu đem bán.

Ngày trước, ba cây đào và sáu cây mơ cha anh trồng quanh nhà cũng đánh dấu mùa xuân với những nụ hồng. Nhưng khi các cây đào đang độ phát triển và trở trái nặng trĩu anh cũng phải hy sinh chúng nốt.

Những năm trước, anh thích nhìn ra những cánh đồng mà anh canh tác không ngừng, mùa đông anh ươm giống, mùa xuân anh cấy mạ. Nhưng bây giờ các cánh đồng đó trở nên câm nín.

Lúa không nảy mầm vì sau mùa gieo mạ đã lâu, nạn lụt vẫn chưa chịu rút. Bây giờ thì mặt ruộng như đất sét nứt nẻ, mới vừa khô.

Vào một ngày tương tự như hôm nay, nếu còn con trâu và cái cày, Xiêu sẽ đi cày. Dù cho không còn một hạt giống để gieo, anh cũng ham muốn cày trở để cho đất có bộ mặt của một cánh đồng.

Nhưng con trâu của anh không còn nữa. Anh sẽ cho là ngu ngốc kẻ nào tiên đoán anh sẽ phải ăn thịt con trâu đó, con vật mà năm này qua năm khác cày bừa thửa ruộng của anh, đập lúa cho anh vào những ngày mùa. Vậy mà anh đã phải đi đến mức đó.

Anh, vợ anh, cha mẹ anh và bốn đứa con của anh, tất cả đều đã ăn thịt

con trâu.

Còn cách nào khác để trải qua những ngày mùa đông thê thảm đó, khi mà lúa gạo trong nhà đã cạn và anh đã phải đốn cây chung quanh nhà bán cũng như những món còn sót lại trong nạn lụt. Họ chỉ có sườn nhà và các quần áo đang mặc.

Với lại con vật cũng đói như mọi người. Nước ngập các đồng cỏ và người ta phải đi thật xa mới tìm được chút ít cỏ khô để nướng thịt và xương con trâu. Ngày ấy Xiêu thấy gương mặt cha mẹ già yếu của anh tái ngắt như những kẻ sắp chết. Anh cũng đã chứng kiến cảnh con gái bé nhỏ của anh hấp hối, nghe tiếng khóc của các con anh. Trong tình trạng quá tuyệt vọng anh đã mất trí, anh cố thu góp sức tàn, xách con dao bếp đâm chết con trâu của anh, một điều mà trước kia anh thề không bao giờ làm.

Dù đau khổ ghê gớm, anh vẫn rên siết vì anh có cảm tưởng như giết em ruột của mình. Anh vừa thực hiện một sự hy sinh cuối cùng.

Vậy mà vẫn chưa đã, gia đình anh vẫn đói và không còn gì để hy sinh.

Rất nhiều người tản cư bồng bế nhau đi xuống miền Nam hoặc theo con sông đi ăn mày ở các thành phố.

Nhưng Xiêu không hề đi ăn xin. Nếu phải chết hết tất cả thì dù sao nằm xuống trên mảnh đất của mình cũng là một điều an ủi. Người bạn năn nỉ anh tản cư với họ. Y cũng đã đề nghị rằng cha của Xiêu đi trong khi Xiêu có thể lo cho mẹ anh. Nhưng may thay, Xiêu đã từ khước vì hai ngày sau, mẹ anh mất. Nếu bà nhắm mắt trong lúc tản cư thì phải bỏ xác dọc đường nếu không muốn làm trễ nải mọi người và gây thêm những vụ chết chóc khác.

Nhờ vậy, Xiêu có thể chôn cất mẹ trên đất của mình. Nhưng anh đã quá kiệt lực nên phải mất ba ngày mới đào được một lỗ có thể chôn tẩm thân nhỏ bé và sinh thú.

Vợ anh và anh đã gây lộn về những bộ quần áo rách nát dùng trong việc tẩm liệm bà cụ. Nếu anh không cản thì vợ anh đã chôn bà cụ trần truồng để lấy quần áo người quá cố cho con mặc. Xiêu bắt người vợ phải trả lại chiếc áo cánh và mấy chiếc quần rách nát cho mẹ khi thấy đất lạnh phủ lên xác mẹ. Còn niềm đau xót nào lớn hơn đối với một người đàn ông! Nhưng

không thể tránh được.

Sau đó, Xiêu cố chôn cất ba người thân khác một cách chu đáo hơn. Ba người đó là cha anh, đứa con gái bé nhút và thằng con trai bệnh hoạn.

Nạn đói mùa đông năm ấy đã gây bao nhiêu tai biến cho gia đình anh dân cày. Nếu trong các ao do nước lụt tạo ra không có chút ít tép thì có lẽ cả gia đình anh sẽ chết hết. Những con tép đó, người ta ăn sống mặc dầu lúc bấy giờ có nạn kiết lỵ bất trị. Có những ngày vợ của anh lết ra ngoài, bứt mấy đọt cỏ đem về ăn sống vì không có cỏ khô để nấu. Nhưng vị đắng của mấy đọt cỏ đó rất hữu ích vì nó đánh tan được mùi tanh của tép...

Bây giờ mùa xuân đã đến. Xiêu tiếp tục ngồi một cách nặng nhọc, đôi mắt nhìn qua các cánh đồng. Nếu có thể tìm lại được con trâu và cái cày mà họ đã chụp trong thời gian lụt lội tràn lan, anh sẽ ra đồng cày bừa. Ý nghĩ đó luôn luôn lảng vảng trong đầu óc anh. Anh dân cày thấy mình bất lực như chiếc lá bị cuốn theo dòng. Con trâu đã mất cũng như tất cả công cụ bằng gỗ hay bằng tre. Bây giờ anh còn lại những gì?

Có khi, trong mùa đông ghê gớm đó, anh cảm thấy may mắn vì cơn lụt đã để cho anh ngôi nhà trong khi bao nhiêu nhà khác bị cuốn trôi. Nhưng anh vụt hiểu là anh chẳng may mắn gì cả khi qua nạn lụt, anh vẫn còn sống, cũng như vợ anh và hai đứa con lớn của anh. Anh cảm thấy đôi mắt cay cay. Anh đã không khóc nhiều lần khi lấp đất lên thi thể mẹ mà các mảnh áo rách không đủ che thân. Anh thấy được an ủi phần nào khi để cho bà cụ mang theo những mảnh dẻ đó qua cõi hư vô. Còn bây giờ thì anh không tìm thấy một sự an ủi nào. Anh lẩm bẫm:

— Mình không còn một hạt giống nào để gieo. Đây là đất. Nếu còn hạt giống mình sẽ cào đất với móng tay của mình. Đất sẽ lên mầm. Mình biết đất của mình tốt lắm. Nhưng mà mình không có gì để cho nó. Đất bỏ không. Mùa xuân đã về, nhưng chúng ta rồi cũng sẽ chết đói và tuyệt vọng, anh ngẫm mùa xuân tang tóc.

CÁCH MẠNG VỀ LÀNG (WANG LUNG)

Vương Long là con nhà nông, cả đời sống trong làng sát thành phố Nam Kinh. Hàng ngày anh đi bán rau cải ở chợ nên anh cũng được mở mang. Cho nên anh là người đầu tiên trong làng hay tin hoàng đế thoái vị.

Biến cố này không hề xảy ra trước đó một năm. Chàng Vương liền báo tin cho cha anh và cha anh học lại chú anh làm biện trong làng, thế rồi những ai đến nhà viết thư đều hay tin này. Trong thời gian ngắn, ai cũng biết tin nhà vua thoái vị.

Trong ít nhất là ba ngày, dân làng chỉ nói thì thầm. Người ta buồn rầu, lo ngại sẽ có tai biến xảy ra. Cố nhiên là trong làng, không có ai trông thấy nhà vua. Nhưng ai cũng xem nhà vua là một sức mạnh muôn đời. Thiên Tử là người sắp đặt mọi việc với các thần thánh trên trời. Tóm lại, người ta có thể giao tất cả tài sản quốc gia và những tội lỗi nho nhỏ vào tay Thánh thượng trong khi họ lo công việc riêng nhờ bán hàng bông vào mùa xuân, bán vịt vào mùa thu.

Nhà vua đã thoái vị, không ai dám rời làng. Ông nội của Vương nhớ đến thời Thái Bình Thiên Quốc và lo sợ sẽ xảy ra những vụ cướp bóc. Ông gom góp đồ tuế nhuyễn trong nhà: giấy đất, chiếc áo da dê bạc màu và dờ bản trải qua nhiều thế hệ, nhưng vẫn còn tốt để xài thêm vài đời nữa. Và chút ít đồ vật bằng bạc. Ông giấu tất cả trong bức tường xây bằng đất rồi ngồi vuốt râu, mắt ngó chăm chú vào chỗ đất bị đào. Đến đêm, ông dời chiếc giường ra ngoài và nằm ngủ sát chân tường.

Nhưng hết ngày thứ tư chẳng có việc gì xảy ra. Ông cụ lấy các món tuế nhuyễn giấu trong vách đất ra, cầu nhàu vì có hơi thất vọng.

Dân chúng trong làng bắt đầu tiếp tục làm việc như trước. Ban đầu họ hơi run sợ, nhưng về sau, họ không cần đến nhà vua. Và với thời gian, họ

lại thấy vui thích về sự thoái vị của ông ta vì mùa màng mỗi năm cũng tốt đẹp như lúc có vua ngự trị.

Rồi một ngày kia, tại một quán trong làng, Vương Long nghe một thanh niên lớn tiếng tuyên bố các nhà vua là những cha biếng nhác làm tổn kém ngân quỹ quốc gia. Vương kinh hồn khi nghe mấy lời đó. Anh chờ một lúc để xem có mảnh ngói nào từ trên mái nhà rơi xuống ngang đầu chàng thanh niên kia hay không. Hoặc là anh ta sẽ té xỉu vì trà làm cho nghẹn họng. Nhưng không việc gì xảy ra. Sau khi suy nghĩ, anh thấy người thanh niên nói đúng vì thần thánh không dám trừng phạt hẳn. Vương nhìn chàng thanh niên đó với vẻ tôn kính.

Người thanh niên này mặc áo dài vải xanh đậm, không nặng và cũng không nhẹ, một thứ vải thích hợp với thời tiết. Lúc bấy giờ mùa xuân đã bước vào tháng thứ ba. Người này cắt tóc thật ngắn, chải bóng như tóc phụ nữ.

Wương nghĩ thầm: “Có lẽ hẳn từ miền Nam tới. Mình chưa hề thấy nhưng người như hẳn”.

Chàng lạ mặt nói thật nhanh và đảo mắt nhìn đám đông trong quán. Khi thấy mình được Vương Long chú ý, y vuốt tóc với hai bàn tay dài và trắng xanh rồi cất cao giọng:

— Người dân Trung Hoa chúng ta đông hơn tất cả dân tộc khác trên mặt đất. Tất cả các quốc gia khác phải kiêng nể chúng ta, vậy mà họ khinh rẻ chúng ta bởi vì chúng ta không có chiến xa, không có chiến hạm. Nhưng mà các thứ đó chỉ là những thứ xoàng xĩnh. Trong thời kỳ thượng cổ, các vị thánh hiền của chúng ta đã chẳng biết đăng vân cỡi rồng phun lửa đó sao? Những chuyện gì người ta đã làm rồi có thể làm lại được. Bây giờ chúng ta đã lập nên chánh thể cộng hòa. Nhà vua đã chết. Cái gì cũng có thể làm được.

Wương Long xích lại gần, cúi xuống lật tà áo người kia, lễ phép hỏi:

— Tôi xin phép hỏi ông... bộ đồ này giá bao nhiêu? Hàng này gọi là gì? Người ta có cảm tưởng là rờ một đám mây. Có phải là hàng dệt ở ngoại quốc? Giá bao nhiêu?

Chàng thanh niên giận dữ đẩy tay Vương ra:

— Đừng làm bẩn áo người ta! Đây là hàng “len” bên Anh, tám ngàn đồng một thước.

Tám ngàn một thước! Vương há miệng như cá ngộp nước. Anh chỉ kiếm có hai đồng một tháng. Phải mất bao nhiêu thước để may một chiếc áo từ cổ xuống gót chân?

Trong khi người thanh niên nói về các nền cộng hòa, Vương tính nhẩm giá chiếc áo mà anh đã sẵn dịp cưới vợ sáu năm về trước. Tất cả phải mất hai thước rưỡi, vị chi hăm tám đồng.

Anh cảm thấy ngẩn ngơ trước sự giàu có đó. Phải làm lụng vất vả năm năm mới sắm được một chiếc áo như thế.

Vương lẩm bẩm:

— Thật là đắt!

Chàng thanh niên quay lại nhìn Vương với vẻ ân cần:

— Đây là hàng ngoại quốc. Người ta lấy lông cừu dệt đặc biệt cho những người tóc đen, do bàn tay của những tên nô lệ người Anh.

Khi thấy Vương ngớ ngẩn trầm trồ khen áo mình, chàng thanh niên nói tiếp:

— Như tôi đã nói, chúng ta không cần vua chúa. Đất nước vĩ đại của chúng ta, như các vị thánh hiền từng tuyên bố, phải có một chánh phủ của dân, do dân và vì dân. Anh cũng có thể đi bầu để chọn một vị Tổng thống.

Họ Vương lùi mấy bước, kêu lên:

— Tôi à? Tôi còn phải nuôi cha tôi, ông nội tôi, vợ tôi, và ba đứa con gái. Bao nhiêu miệng ăn trông đợi nơi tôi. Tôi không có thì giờ. Xin ông lo các việc đó dùm tôi...

Chàng thanh niên đập bàn; cười ha hả khiến mọi người quay lại.

Họ Vương quay đi, khó chịu trước sự dòm ngó của nhiều người.

Thanh niên kia nói:

— Anh ngu dốt quá. Có gì đâu, chỉ viết một cái tên trên mặt mẫu giấy rồi bỏ vào hộp.

Vương lo ngại:

— Nhưng tôi không biết viết.

Thanh niên nốc chén chén trà, ném bốn đồng xu lên bàn, nói:

— Thì nhờ người khác viết cho anh.

Vương lại hỏi:

— Thưa ông, tôi chỉ là một con trùng. Nhưng tôi phải viết gì đây?

— Tên của người nào mà anh muốn chọn làm Tổng thống!

Người thanh niên tỏ vẻ nóng nảy khiến họ Vương không dám hỏi ý nghĩa của chữ “Tổng thống”.

Nhiều người xúm lại nghe. Người thanh niên bước ra thềm, nhấn mạnh:

— Thời thịnh vượng đã gần kề, những kẻ giàu sẽ trở nên nghèo, và người nghèo trở nên giàu.

Vương lắng tai nghe, thắc mắc “có thể nào người nghèo trở nên giàu”. Anh dè dặt hỏi:

— Thưa ông, làm sao có thể có chuyện đó?

Người thanh niên nói:

— Chuyện đó xảy ra trong tất cả nền cộng hòa. Ở Mỹ, tất cả mọi người đều ở dinh thự, chỉ những người giàu mới bị bắt buộc làm việc. Khi vua chúa không còn nữa, khi cách mạng xảy ra, thì xã hội sẽ biến đổi như tôi vừa nói. Chính vì vậy, mà tôi hốt tóc cao. Điều đó chứng tỏ là tâm hồn tôi được tự do. Tôi là một nhà cách mạng. Tôi và các bạn của tôi, chúng tôi sẽ cứu đất nước, cứu giúp những kẻ nghèo, những kẻ bị hiếp đáp.

Thanh niên chào mọi người, quay lưng bước đi. Họ Vương vẫn ngồi trên chiếc đòn gánh trước cửa quán, cản lối đi của người kia.

Người thanh niên dùng chân hất chiếc đòn gánh, nói:

— Dang ra cho tôi đi.

Họ Vương hấp tấp đứng lên gánh các giỏ cải ra đường, đứng nhìn chàng thanh niên bước đi, chiếc áo xanh lắc lư theo nhịp bước.

Trong những lời nói của kẻ lạ, họ Vương chỉ hiểu có một điều: “Những người nghèo trở nên giàu”. Anh đã ôm ấp hy vọng đó suốt đời, nhưng không hy vọng chút nào vì mấy đời nhà anh không có ai làm giàu trên mảnh đất mà anh đang canh tác. Bây giờ thì có thể hy vọng được lắm. Nhà vua đã chết, người ta có thể hy vọng bất cứ việc gì.

Họ Vương nhìn xuống đường, nghĩ ngợi khi thấy chiếc áo xanh hầy còn lấp lánh. Nếu làm ra tiền, anh sẽ sắm một chiếc áo như vậy, vừa dụi, vừa

sáng, vừa ấm. Anh nhìn xuống, ngắm con người anh. Áo quần ngả qua màu vàng, chấm vá, hai chân đi đất. Anh tưởng tượng ngày kia mình sẽ mặc áo đẹp như chàng thanh niên cách mạng. Khi anh nghiêng đầu, chiếc bím rơi xuống, rồi nùi vì không chải gỡ lâu ngày. Anh lẩm bẩm: “Làm sao mặc áo mới với cái đầu như thế này?”

Anh có cảm tưởng như đang mặc chiếc áo mới đó, đang cài các nút vàng mà anh trông thấy trên ngực chàng thanh niên kia. Dù chưa bán hết mớ cải xanh, họ Vương đếm tiền cẩn thận, xuống đường đi riết tới anh thợ cạo hớt dạo:

— Hớt hết tóc cho tôi. Tôi trả cho anh mười đồng tiền kẽm.

Thế là Vương Long trở thành một nhà cách mạng mà anh không ngờ.

Chiều ấy, dân làng ngồi trước sân nhà cười ầm lên khi thấy họ Vương cạo trọc đầu như nhà tu. Không ai nói gì trừ một cậu bé con. Mỗi ngày nó tới trường ở chợ cho nên biết nhiều hơn kẻ khác. Nó kêu lên:

— A ha! Một nhà cách mạng! Thầy con bảo chỉ có những nhà cách mạng mới cắt tóc.

Họ Vương lúng túng khi nghe cậu con reo lên như thế. Anh không biết một người cách mạng là như thế nào.

Anh không muốn vì một chút vô ý mà trở thành một kẻ lạ.

Để được bình tĩnh, anh ném chiếc đòn gánh thật mạnh xuống đất, kêu lên như thường lệ:

— Má sắp nhỏ, cơm nước xong chưa? Tôi đi làm đở mồ hôi sót con mắt để lo cơm gạo cho mấy người, mà lúc trở về mệt mỏi, tôi không thấy một chén trà nóng...

Những người láng giềng thấy họ Vương giở trò hàng ngày như thường lệ, giải tán. Họ chỉ ngạc nhiên về cái đầu cạo trọc của anh chàng thôi. Nhưng danh từ “cách mạng” mà đứa con kêu lên một cách vô tình lại được người ta gán cho họ Vương, và từ đó về sau người ta gọi anh nông dân này là nhà cách mạng họ Vương. Về lâu danh từ này mất hẳn ý nghĩa ghê gớm của nó.

Riêng về họ Vương thì cứ tư tưởng đến chiếc áo xanh mà anh sẽ sắm khi trở nên giàu có.

Ban đầu, anh trông đợi xảy ra những biến cố bất ngờ, nhưng khi tóc anh dần dần mọc lại, mùa hè nối tiếp mùa xuân, hết thu đến đông, năm này kế tiếp năm kia, cuộc đời của anh vẫn không thay đổi. Anh vẫn làm lụng từ sáng đến tối, nhưng vẫn nghèo và không kiếm được một thằng con trai nào.

Thét rồi chán nản, anh không ngủ được nữa, đêm đêm trằn trọc, thức mắc nhiều điểm, nhưng điều làm anh đổ quạu là không hy vọng được hưởng lạc trong những ngày về già.

Cho nên một hôm, anh nói xa xôi để trách vợ không sanh con trai cho anh:

— Quả đất này toàn là những phường ăn hại, không được tích sự gì.

Mỗi khi nghe có ai sanh con trai, anh nghiêng răng, trách ông trời bất công đối với anh. Anh cũng bực khi giá vải, giá dầu, giá củi tăng lên.

Lên tỉnh, anh bực khi thấy những kẻ ăn không ngồi rồi thả rong ngoài phố ăn mặc nhung lụa, hoặc ngủ gà ngủ gật trên bàn tiệc các quán nước hay ngồi đánh bài trong các kho hàng trong khi anh phải còng lưng gánh nặng để nuôi những kẻ đó.

Một việc nhỏ nhặt cũng làm cho anh gắt gỏng. Một con ruồi bu trên mặt đầm mồ hôi cũng có thể làm anh nhảy dựng lên, kêu ầm ĩ. Nhiều người trông thấy kêu lên “Kìa thằng điên gây gỗ với con ruồi”. Thật ra thì nguyên nhân chánh của sự bất mãn là cái áo xanh mà anh mơ ước một cách vô vọng.

Một hôm, khi lên chợ, đi ngang qua văn miếu, anh trông thấy một thanh niên lớn tiếng diễn thuyết. Đó là một cậu còn trẻ, mặt tái xanh, mặc áo đen, cậu vừa hô hào, vừa quơ hai cánh tay gầy và đảo mắt nhìn đám đông đang bu chung quanh.

Vương vờ mệ đứng lại để nghe. Anh ngồi lên trên chiếc đòn gánh, lấy khăn lau mặt. Ban đầu anh không hiểu gì. Anh đỉnh ninh thanh niên kia sẽ nói về nhà vua, nói về Cộng Hòa. Nhưng không, anh chỉ nghe những danh từ mới lạ.

Giọng the thé của thanh niên vang lên:

— Bọn đế quốc, bọn ăn cướp ngoại quốc giết chúng ta, chà đạp chúng ta.

Họ Vương kinh hãi, anh không biết đế quốc là ai, nhưng vẫn ngồi nán lại nghe. Anh lấy dục tẩu ra, hút vài hơi trước khi tiếp tục đi. Bỗng anh nghe thanh niên kia kêu lên:

— Tất cả tài sản là của chúng ta. Người ta đã cướp nhà, cướp đất, cướp tiền của bạc vàng. Chúng nó sống đế vương trong khi chúng ta làm nô lệ. Chúng đi xe hơi, có máy hát, mặc gấm vóc xanh đỏ vàng, cũng như các vị vua chúa. Đả đảo tư bản! Cách mạng muôn năm! Nhờ cách mạng mà kẻ nghèo trở nên giàu, kẻ giàu biến thành nghèo.

Họ Vương nhào tới, đánh rơi dục tẩu, tiến gần thanh niên hỏi:

— Thưa ông, chừng nào?

Chàng thanh niên đảo cặp mắt sáng rực về phía anh nông dân, nói:

— Ngay bây giờ. Khi những người cách mạng tiến vào thành phố, tất cả đều thuộc quyền sở hữu của anh. Anh chỉ còn chọn lựa. Đồng chí có phải là một nhà cách mạng?

Họ Vương ngây ngô đáp:

— Người ta gọi tôi là nhà cách mạng họ Vương.

Nhưng chàng thanh niên kia không để ý đến Vương. Y tiếp tục la khẩu hiệu:

— Đả đảo tư bản. Đả đảo ngoại nhân! Đả đảo tôn giáo, đế quốc! Cách mạng muôn năm! Người nghèo trở nên giàu! Người giàu biến thành nghèo.

Bây giờ họ Vương hiểu được chữ cách mạng. Còn mấy danh từ tư bản, đế quốc, tôn giáo chẳng có nghĩa gì. Chỉ có một điều rõ ràng là kẻ nghèo trở nên giàu, kẻ giàu biến thành nghèo. Nếu đúng như vậy thì họ Vương cũng muốn làm cách mạng.

Anh nhìn chăm chú thanh niên kia và trong khi nhìn như vậy, anh chợt thấy một tên lính cầm súng gắn lưỡi lê chĩa ngay mũi súng vào lưng diễn giả, quát to:

— Nhà cách mạng trẻ tuổi! Mời ông vào khám để xem ông có làm giàu được hay không!

Thanh niên kia vụt biến thành một kẻ không hồn, âm thầm bước xuống đi về khám dưới mũi lưỡi lê của người lính.

Đám đông giải tán như tuyết rã dưới ánh mặt trời. Họ Vương hốt hoảng

chụp đòn gánh đi nhanh ra chợ.

Ngày hôm ấy, anh nông dân rất sợ, không dám nói chuyện với ai.

Đêm ấy, sau khi uống chén trà xanh, anh không ngủ như thường lệ mà đi cày mảnh đất dự định trồng khoai. Anh cày cho đến khi trăng khuất sau rặng liễu, trời tối không thể trông thấy luống cày.

Sáng hôm sau, họ Vương thức sớm để đi chợ. Đến cuối chợ, anh thấy nhiều biểu ngữ lớn dán trên tường. Anh nhìn một lúc lâu, tò mò, nhưng không hiểu. Anh liền nhờ một cụ già đọc cho nghe. Ông lão đứng lại, đọc từng chữ thật cẩn thận trong khi Vương nóng nảy chờ đợi vì trời đã trưa. Sau cùng cụ già quay lại nói:

— Chuyện này không ăn nhập gì đến anh. Người ta loan báo những người cách mạng bị bắt sẽ bị chặt đầu.

Họ Vương kinh hoàng kêu lên:

— Chặt đầu!

Ông lão gật gù:

— Phải. Người ta cho biết là nếu tới cầu Tam Nương, anh sẽ thấy bêu đầu những người làm cách mạng. Ông Tổng đốc của chúng ta không muốn những tên khởi loạn ở Quảng Châu lên đây.

Nói xong, ông lão tiếp tục đi, chiếc áo dài lắc lư một cách trịnh trọng.

Họ Vương đứng lại ngắm những hàng chữ trên biểu ngữ, trong lòng run sợ đến cực độ. Người ta đã gọi anh là “nhà cách mạng họ Vương”. Thật là nguy! Và anh oán chiếc áo xanh đã mê hoặc anh bước vào con đường ghê gớm. Anh không ham giàu sang nữa. Anh đang sợ. Nhưng sợ mà vẫn muốn đến cầu Tam Nương để xem. Giao gánh cải cho người bán nước nóng; có bà con xa với anh, họ Vương đi đến cầu, cách đó một dặm. Gánh cải bắt đầu héo với sức nắng buổi trưa, nhưng tánh tò mò vẫn thúc giục anh nông dân đi xem chuyện ghê gớm. Bảy chiếc đầu đầy máu được bêu trên đầu bảy cột tre. Những mép tóc đen rủ xuống, đôi mắt nửa khép nửa mở. Một chiếc đầu còn há miệng, chiếc lưỡi le ra ngoài bị hai hàm cắn gần đứt.

Nhìn kỹ, tim họ Vương đập mạnh vì nhận ra kẻ đó là người thanh niên vừa hô hào trong ngày hôm qua. Tất cả đầu bêu đó đều là của những người trẻ tuổi.

Đám đông kéo đến xem. Một ông lão sún răng nhổ nước miếng kêu lên “Đó, làm cách mạng là chết như vậy đó”. Vương giựt nẩy mình khi nghe tiếng cách mạng. Nếu có ai nhận ra anh, gọi anh là “nhà cách mạng họ Vương”, trong lúc này thì chết như chơi, Vương liền tất tả lánh xa.

Kể từ giờ phút đó, Vương làm việc thật nhiều và nói thật ít. Anh không than thở với ai, kể cả vợ anh. Người vợ lấy làm lo sợ đi tìm ông thầy bói mù trong làng để bói xem chồng chị có bệnh hoạn gì không.

Nhưng họ Vương chẳng có bệnh hoạn gì cả. Y chỉ lo sợ sẽ có một kẻ thứ tám bị chặt đầu bên cạnh bảy chiếc đầu ở cầu Tam Nương.

Ban đêm, khi không đủ sức làm lụng nữa họ Vương cảm thấy trước mắt cái đầu của anh bị chặt với hai mắt nửa nhắm nửa mở và cặp môi xám.

Khi người bà con đi ngang qua nhà hỏi to lên: “Nhà cách mạng họ Vương đã trông thấy ở tỉnh ngày hôm nay” Vương liền chạy ra mắng y một trận nên thân rồi không thèm nghe những lời đầy kinh ngạc của người này.

Wương không dám tâm sự với ai về mối lo sợ của mình. Vì chứa chấp trong bụng, anh càng thấy khổ. Nhưng nói ra thì tự đứt đầu vào cửa tử.

Wương đâm ra thù oán tất cả. Anh thù rẫy cải, nương khoai đã tiêu hao sức lực của anh, anh ghét những người lảng giềng mà anh không dám tâm sự. Anh khi thường những người dân trong làng chỉ biết mặc quần áo thô, ăn gạo đỏ như tổ tiên của họ. Anh ghét thành thị với đường phố dập dùi, những kẻ du hí vô tư.

Khi mỗi bất bình gia tăng, sự lo sợ giảm bớt. Anh không nghe nói đến cách mạng nữa và càng bức thêm vì ngoài cách mạng anh không thấy có cách nào để biến những kẻ nghèo trở nên giàu.

Anh nghĩ đến những người giàu và chửi rủa họ. Anh biết những hạng người đó. Mỗi năm một lần, anh đến chúc tết các vị hương chức hội tề. Anh thấy ở trong nhà có màn che sáo phủ, ngòai trên ghế chạm có gối dựa bằng lụa, gia nhân của họ cũng mặc lụa. Còn anh thì cả đời không đụng tới tơ lụa, trừ một đôi khi vào cửa hàng rờ qua một cách lén lút cho biết tơ lụa êm đến mức nào.

Còn những người ngoại quốc? Chàng thanh niên kia cho rằng họ giàu hơn hết. Người ta thỉnh thoảng đề cập đến họ trong các quán nước. Người

ta đồn là họ ngồi trên ghế bằng vàng trước các bàn bằng bạc, đi trên nhưng một cách tự nhiên cũng như anh dẫm lên cỏ gai trên đường làng. Những người ngoại quốc đó ngủ trên giường chạm trổ cẩn ngọc. Thật là giàu! Họ Vương thấy thù oán những người ngoại quốc đó hơn hết, vì anh không thể chấp nhận cho họ sống đế vương như vậy trong khi ở trên đất Trung Hoa có nhiều người nghèo như anh. Lúc đầu, Vương muốn thấy những người nghèo trở nên giàu, nhưng bây giờ, khi nghĩ đến các bất công mà anh chịu đựng, anh muốn những kẻ giàu trở nên nghèo.

Càng nghĩ tới nghĩ lui những điều đó, Vương không thiết đến việc làm ăn. Anh không có thói quen giải quyết các rắc rối đó. Anh không thể vừa dấy cỏ vừa suy nghĩ trong một lúc. Anh đứng dừng lại mỗi khi gặp những vấn đề quá sức hiểu biết. Và càng xao lãng làm lụng, gia đình anh càng túng thiếu. Người vợ than thở:

— Làm sao mình có vài bông để may áo ngự hàn vào mùa đông này? Mình không thể vừa chạy ăn vừa chạy mặc được.

Những lời lẽ đó khiến Vương nghiêng rằng giận dữ, và chính anh không hiểu tại sao mình lại nổi nóng.

Một buổi sáng, cảm thấy mệt mỏi, anh nhứt định nghỉ trọn ngày, vì dù có cố gắng làm cũng không giàu được. Anh đặt gánh cải xuống, bước vào quán nước. Anh ngồi thật gần cửa, gọi một chén trà. Một người đàn ông hãy còn trẻ có mặt trong quán từ bao giờ. Y mặc một chiếc áo dài đen, cắt tóc ngắn, lau mặt với chiếc khăn lông, nhìn Vương, ôn tồn bảo:

— Đồng chí làm việc có hơi nhiều.

Wương thở dài, sửa lại chiếc áo xám chấm vá và anh mở nút cho bớt nóng:

— Thưa ông, đúng vậy. Nhưng vẫn không đủ ăn. Với giá gạo quá cao, với một nhà toàn đàn bà vô dụng phải nuôi, tôi phải làm quần quật cả ngày, cháy da phỏng trán.

Người kia nói nhỏ vào tai anh:

— Anh nghèo quá. Lẽ ra thì anh phải giàu.

Họ Vương lắc đầu. Anh không muốn chữ giàu mà người kia vừa nhắc làm bận rộn đầu óc. Anh châm trà vào chén, uống thật kêu. Nước trà nóng

làm cho anh thoải mái vì anh cảm thấy gầy gầy lạnh.

Người thanh niên nói:

— Anh làm lưng vất vả, anh lại thiếu ăn trong khi bao nhiêu kẻ khác vui đùa, ăn uống thỏa thích.

Vương vụt nói:

— Đúng vậy!

Người kia nói tiếp:

— Nhưng anh là một người can đảm, đáng giàu hơn những kẻ khác.

Họ Vương lắc đầu, nhưng mặt tươi vui lên.

Người kia lại nói:

— Đúng vậy! Tôi thấy anh là người lương thiện. Xin phép cho tôi rót trà cho anh.

Vừa nói người ấy đứng lên, trịnh trọng rót trà vào chén họ Vương như Vương là một người sang trọng.

Vương đứng lên cảm ơn người kia, và nhủ thầm: “Người thanh niên này thông minh quá. Y đoán rất đúng về mình”. Anh hỏi lớn:

— Thưa ông, dinh tự của ông ở đâu?

Người kia đáp:

— Tôi cũng nghèo như anh. Nhưng tôi báo tin cho anh và các bạn của anh hay là các người sẽ giàu khi những người cách mạng về thành.

Vương vụt đứng lên nói:

— Tôi không phải là người cách mạng.

Thanh niên kia ôn tồn:

— Không, tôi thấy anh là người tốt.

Họ Vương yên tâm ngồi xuống.

Trời bắt đầu lạnh. Anh kéo áo sát vào người.

Thanh niên kia nói tiếp:

— Tôi thấy anh nghèo quá. Tôi thành thật buồn cho anh.

Họ Vương xúc động. Trước đây chẳng có ai thương hại anh. Người ta còn cho là anh khá giả vì dù phải làm lưng nhiều, nhưng một ngày nào đó anh sẽ hưởng sáu công đất và ngôi nhà đất ba gian của cha để lại vì anh là con một. Tự nhiên nước mắt trào ra khi có người tỏ lòng thương hại, thông

cảm mỗi nghèo khó, cực nhọc của anh. Họ Vương nghẹn ngào nhìn nhận:

— Đúng vậy!

Người kia nói:

— Thật là bất công. Anh là người thông minh. Tôi thấy anh xứng đáng được hưởng giàu sang. Nhưng mà cơ hội tốt sắp tới, khi cách mạng về làng thì dân nghèo sẽ giàu, người giàu sẽ nghèo.

Vương cúi đầu sát người kia để nghe cho rõ vì hai người thì thầm thật nhỏ:

— Tôi không biết điều đó. Nhờ ông giải thích.

Người kia liếc nhanh chung, quanh rồi nói vào tai Vương:

— Bọn ngoại quốc giàu lắm. Chúng chỉ cốt giữ vàng, còn bạc chúng ném đi. Mà vàng bạc đó, chúng nó cướp của người Trung Hoa chúng mình. Nếu không cướp của thiên hạ thì chúng ở đây để làm gì? Tại sao chúng không trở về xứ chúng? Chúng nó cướp hết vàng bạc thành thử chẳng còn gì cho anh, cho tôi. Nhưng mà vàng bạc đó là của chúng ta, khi cách mạng tới, anh phải sẵn sàng.

Nói xong, người kia đứng lên, bước khỏi quán nước.

Vương Long cố quên những lời vừa nghe đó vì anh nhớ đến bảy cái đầu bêu ở cầu Tam Nương! Nhưng nghĩ tới vàng mà bọn ngoại quốc cướp đoạt của đồng bào, anh nghĩ thầm: “Có lẽ chúng nó có mấy rương áo, loại áo xanh mà mình mơ ước khi trông thấy”. Và hình ảnh chiếc áo xanh kia hiện ra, lộng lẫy ấm áp, ám ảnh tâm tư anh.

Không đầy một tháng sau, họ Vương hay tin cách mạng sắp đến làng.

Anh không quên lời nói của người thanh niên. Chắc là những tin đồn mấy năm trước sẽ biến thành sự thật.

Một ngày kia, khi mặc cả với một khách hàng về một bắp cải, Vương nghe có tiếng thì thầm bên tai: “Trong mười ngày nữa, anh nên sẵn sàng”.

Vương vội quay lại. Anh thấy người thanh niên đã từng thương hại anh. Họ Vương muốn nói chuyện với y, nhưng y đã đi mất dạng. Người khách hàng nóng nảy kêu lên:

— Bắp cải này chỉ đáng hai quan.

Họ Vương trả lời như thường lệ:

— Không được! Thà chết đói hơn là bán dưới giá bốn quan.

Và anh thì thầm lặp lại lời của người kia: “Trong mười ngày nữa mình sẽ thấy những chuyện sắp xảy ra”.

Anh chờ đợi, bán tén bán nghi, và có hơi lo. Nhưng người ta thấy có cái gì sắp xảy ra. Như một dòng nước đen tách ra khỏi con sông, hàng vạn binh sĩ kéo ngang qua làng. Họ Vương kinh hãi, nhìn đoàn người đi qua quán nước, đi mãi không thấy dứt. Anh hỏi người bồi bàn:

— Có phải quân cách mạng đó không?

Một người đứng gần đó trợn mắt kêu lên:

— Im đi! Đồ ngu! Người muốn chúng ta bị bêu đầu hay sao? Không thấy họ to xương lớn xác, không nghe giọng nói trong cuống họng hay sao? Kia, hãy xem họ ăn toàn bánh mì chứ không chịu ăn cơm. Họ là dân miền Bắc, tức là những người chống cách mạng. Rồi đây sẽ còn nhiều cái đầu ngu ngốc như người bị bêu trên cầu!

Rồi cúi xuống sát Vương, người đó nói nhỏ vào tai:

— Nên sẵn sàng, trong vòng bảy ngày nữa.

Nói xong, y bỏ đi thật nhanh.

Họ Vương chợt dạ. Lại nghe những lời ghê gớm đó mãi! Anh hoàn toàn hoang mang, cả ngày không dám nói chuyện với ai. Anh làm lụng với vẻ bực dọc, tránh những con đường lớn mà đoàn quân miền Bắc vừa đi qua.

Đêm sau, một tiếng nổ hãi hùng từ trên trời rơi xuống. Sấm sét nổ bốn hướng, mặt đất rung chuyển. Cả nhà Vương đang ăn tối. Họ Vương đặt đĩa xuống nghe ngóng. Anh phân biệt hai loại tiếng động. Một tiếng gầm kinh khủng chốc chốc lại vang lên và tiếng nổ “bụp bụp bụp” thật dòn. Vương chưa hề nghe tiếng này và không thích nó chút nào.

Anh đứng lên để tìm hiểu, nhưng đâm sợ, quay lại ra lệnh cho vợ:

— Đi ra ngoài coi việc gì vậy!

Vợ anh len lỏi theo bức tường nhìn ra ngoài. Một vật gì đập mạnh xuống đất ngay chân khiến chị vội lùi lại. Đất văng tủa ra theo hình cánh quạt, lọt vào gian phòng, rơi trên bàn ăn và mâm cơm. Tất cả đều kinh sợ. Họ Vương liền nhào tới đóng cửa gài lại cẩn thận. Không dám đốt đèn, họ ở thềm lắng nghe đất rơi như mưa xuống mái nhà trong đêm, từng chập các

tiếng nổ vang lên.

Họ Vương nhủ thầm: “Cách mạng đây rồi, chúng mình chết hết! Mình chết vì chiếc áo xanh”.

Ngày hôm sau, tiếng nổ nghe xa dần và im bật. Họ Vương chúi mũi ra cửa, và giận dữ trước cảnh tượng trước mắt. Rau cải của anh bị đào lỗ tứ tung. Anh bước ra ngoài chửi bới âm lên, quên cơn hải hùng trong đêm. Anh nhặt vài bắp cải còn rơi rớt lại, không đầy một giỏ. Anh buồn bã trở vô nhà nói với vợ:

— Ngày tàn chúng mình đã đến. Phải mất một tháng nữa cải củ mới lớn. Mình lấy cái gì ăn đây?

Người vợ ngồi trên chiếc băng cây lắc lư, chặm nước mắt, nghẹn ngào:

— Tôi sống dở chết dở. Cuộc đời tôi chỉ toàn là những chuyện không may. Nhưng mà dù sao anh cũng phải đi bán cải kiếm được đồng tiền nào hay đồng tiền nấy.

Họ Vương buồn thảm đi lên tỉnh. Nhưng đi được một phần ba dặm anh dừng lại, hoảng hốt. Một xác chết nằm ngang con đường. Vương nhìn xác không chớp mắt. Máu chảy đọng vũng trên đất cát. Họ Vương không thích người ta thấy anh ở kế bên xác chết. Anh vội tiếp tục đi. Anh thấy ít nhứt một chục tử thi khác nằm gần đó. Và còn nhiều nữa ở đằng xa. Dường như tất cả dân ở chợ bị cơn thịnh nộ của ông trời trong đêm qua.

Anh chạy không kịp thở và đụng phải một đám đông nhộn nhịp, vừa ca vừa hát. Vương hỏi những người gần nhứt:

— Việc gì vậy?

Nhưng không trả lời anh. Họ chen lấn, thúc đẩy, dường như nổi cơn điên. Vương cũng bị lôi cuốn theo. Anh kêu thật to.

— Việc gì vậy mấy bà con.

Nhưng không ai thèm trả lời. Bị kẹt trong đám đông, không thể tiến hay lùi; anh đâm sợ.

“Mình ngu thật, tại sao mình không cho mẹ sắp nhỏ đi chợ sáng hôm nay cho được việc!” Kế có tiếng vang lên:

— Bọn nhà giàu kia kìa! Nhà bọn ngoại quốc ở trước mặt chúng ta đó!

Họ Vương hiểu ngay: “Cách mạng là đây”. Tim anh đập mạnh, anh hòa

mình theo đám đông, chỉ cưỡng lại để khỏi bị đập chết. Trong đám đông có cả những binh sĩ. Các binh sĩ này không giống các tử thi nằm dọc theo đường. Họ là những người nhỏ thó, mảnh khảnh, lúc nào cũng kêu liên miện: “Tiến tới! - Bọn giàu! - Bọn giàu!”

Vương hoa mắt lên. Anh không hiểu người ta làm gì và đi đâu. Nhưng anh cứ đi theo đoàn người đến một cổng lớn. Đó là một khu phố mà anh chưa hề biết.

Vào những lúc bình thường, anh không hề nghĩ đến vượt qua cổng đó, nhưng hôm nay sự táo bạo của đám đông khiến anh liều lĩnh.

Hai người lính tiến tới trước, đập bá súng vào cánh cổng. Vương thấy mặt họ đỏ gay như say rượu, mắt họ dữ tợn, sáng ngời như kính. Họ đập cánh cổng cho đến khi một mảnh ván bật ra. Bấy giờ họ quay lại đám đông kêu to lên:

— Tất cả thuộc về các bạn! Người nghèo trở nên giàu! Người giàu trở nên nghèo! Cách mạng muôn năm!

Nhưng đám đông do dự. Sau cùng những kẻ táo bạo hơn hết chui qua lỗ hổng của chiếc cổng, rút cây gài cửa.

Tất cả thông thả bước vào. Vương ở về phía trước, trong đám đông. Sau khi chui qua lỗ hổng, anh đứng lại, nhìn chung quanh. Sân cỏ có trồng cây và hoa rụng rở. Tất cả đều sạch sẽ và yên tĩnh. Không có một bóng người.

Đám đông rải rác tiến về ngôi nhà hai tầng. Người nào cũng có vẻ lúng túng, nhưng hai người lính nhảy lên tam cấp, đập mạnh vào cánh cửa. Người ta mở cửa ngay. Vương thấy một bóng người cao lớn, ăn mặc kỳ lạ với một gương mặt bình tĩnh và trắng.

Đám đông tụ tập lại xông vào nhà, vừa chạy vừa la hét, giống tiếng gầm của con vật trước miếng mồi. Nghe tiếng kêu đó, một sự thèm muốn xâm chiếm họ Vương, một sự thèm muốn mãnh liệt hơn sự đói khát. Như một con chó dữ, anh gầm hét xông tới, xô đẩy, chen lấn để tiến lên thang lầu.

Lên tầng trên, đám đông biến thành những con vật tranh nhau một miếng mồi. Họ Vương cũng làm như những người khác. Nhưng anh không hiểu tại sao anh đánh đấm như vậy.

Rất nhiều vật chạy qua hai bàn tay anh. Có lúc anh thấy một vật bằng

bạc chiếu sáng. Anh chụp lấy. Người ta giật mất. Anh quên không biết phải tìm vật gì khác thế vào. Anh không chọn được món gì vì vừa lấy món này lại thấy món khác thích hơn.

Hai mắt anh bốc cháy; máu trong người anh đập mạnh. Anh la hét không ngớt, hét một cách vô tâm, cũng như tất cả đám đông. Đầu óc anh đầy ham muốn nên không còn chứa chất được một cảm nghĩ nào khác, mỗi khi người ta mở một tủ thì cả chục người nhào tới. Họ giành giật, xô đẩy, lôi kéo, xâu xé nhau.

Vương bỏ hết những gì cầm trong tay, nhào tới để giật những vật trong tủ.

Thế rồi đột nhiên đoàn người chạy biến ra ngoài. Giống như cơn gió thoảng một ngày hè.

Vương là một trong những người đầu tiên xông vào nhà cho nên anh cũng là một cuối cùng để trở ra. Còn lại một mình, anh nhìn chung quanh như một người vừa thức giấc.

Gian phòng gần như trống rỗng chỉ còn có hai chiếc ghế gãy, một bàn và một tủ bị người ta lấy mất các ngăn kéo.

Vương chột tỉnh. Mình làm gì đây? Anh đang ở nhà người ngoại quốc. Anh ngẫm mấy cái ghế, cái bàn.

Tất cả đều đóng bằng gỗ xoàng không phải bằng vàng như người ta nói. Tường phết vôi, bằng gỗ sơn, nhám nhúa.

Lần đầu tiên, Vương mới chú ý đến vật anh đang cầm trên tay, một bộ quần áo trẻ con vải trắng, một chiếc giày da lớn, hai quyển sách gáy cứng đầy chữ kỳ lạ, một bóp cũ đựng một đồng mỹ kim và vài đồng tiền kẽm, không có cái gì giống chiếc áo xanh mà anh mơ tưởng.

Anh thở dài, bỗng nhiên thấy chán nản. Anh ngồi thụp xuống gói tất cả các vật đó trong bộ quần áo nhỏ rồi quay trở xuống thang lầu.

Anh đi lên rất nhanh và dễ, nhưng đi xuống thật khó. Anh chưa thấy một thang lầu kỳ lạ như thế. Anh cho gói xách sang bên tay kia, ôm lấy tay vịn, từ từ bước xuống đến tầng dưới, anh mệt đuối.

Vài người đàn bà còn ở nán lại gom góp lượm lặt những vật người ta đánh rơi hoặc bỏ quên trong lúc vội vàng. Vương đứng lại. Anh hy vọng

tìm được một vật gì có giá trị, nhưng chỉ có một đồng sách rải rác, hai chiếc ghế gỗ, một cái bàn cũng bằng gỗ - một bức tranh xé nát và giãm bừa lên, không có một vật gì có giá.

Anh cúi xuống lượm một mảnh vải xám và thấy một nhóm người ở trong phòng tận cùng. Vương chưa hề gặp những người như thế. Một người đàn ông, một người đàn bà, hai đứa nhỏ. Họ ôm chặt lấy nhau. Áo quần họ dơ bẩn, rách rưới, chỉ có phía dưới thân thể là được che lại. Người đàn bà khoác lên vai một mảnh vải. Người đàn ông có một dấu trầy trên trán, một dòng máu đỏ chảy dài một bên gương mặt trắng. Vương chưa hề thấy máu đỏ như vậy.

Anh nhìn họ thật kỹ và họ cũng nhìn anh, không hề sợ hãi. Hai đứa bé cũng không kêu lên một tiếng nào.

Vương không chịu nổi những cái nhìn đó. Anh ngoảnh mặt đi rồi lại nhìn lại lần nữa.

Người đàn ông nói mấy tiếng bằng một ngôn ngữ kỳ lạ. Người đàn bà cười chua chát và họ tiếp tục nhìn Vương, với đôi mắt sáng ngời, với vẻ tự tin.

Vương nói to lên: “Mấy người này không có vẻ gì sợ hãi”. Rồi anh tự thấy thẹn vì tiếng của mình vang lên to quá, vội chạy ngay ra cổng.

Đường phố vắng tanh, nhưng xa xa hãy còn nghe văng vẳng tiếng la hét của đám đông.

Sau một phút do dự, Vương quay trở lại, đi nhanh về nhà.

Những người lính chết hãy còn nằm trên đường. Ruồi nhặng bắt đầu bu các xác đó dưới bóng mặt trời nắng như nung.

Nhiều người dân làng hấp tấp ra tỉnh. Họ hỏi Vương, nhưng anh chỉ lắc đầu. Anh mệt và chán hết tất cả. Trên đời không còn thứ gì có thể làm anh ham muốn.

Khi về tới nhà, anh đặt gói lên bàn, nói với vợ:

— Đây là phần của tôi trong cuộc cách mạng.

Rồi anh đi vào phòng ở phía sau, leo lên giường nằm. Anh chỉ nhớ một kỷ niệm rõ ràng duy nhất. Đó là cái nhìn ngạc nhiên và trong sáng của những người ngoại quốc. Vương lẩm bẩm: “Họ không có vẻ sợ hãi” và sau

khi quay trở lại, Vương lại lắc nhai. “Mình không tin là họ giàu”.

Wương nghe vợ kêu lên ở phòng bên:

— Mấy quyển sách này chỉ có thể dùng làm đế giày, nhưng đồng mỹ kim có thể giúp mình mua cái ăn trong khi chờ đợi lúa cải củ lớn lên.

MỘT NGÀY MƯA (UNE JOURNEE DE PLUTE)

Tháng mười một, trời u ám và mưa lê thê. Vào giữa trưa mà chỉ có một chút ánh sáng bên ngoài len lỏi vào qua khung cửa sổ, lọt vào gian phòng của ngôi nhà thuộc giới tiểu tư sản Trung Hoa.

Một tia sáng yếu ớt lọt vào phòng theo ngã cánh cửa mở, lướt qua sàn gạch chiếu ngay hai bức hoành phi treo trên tường phết vôi, ngay trên bàn thờ. Trên hoành phi, người ta khắc những câu phương ngôn mà ai cũng biết và tôn kính.

Một nhóm người quây quần ở giữa, nơi sáng nhất trong phòng.

Ông lão họ Lý ngồi ngay giữa phòng, dưới hai bức hoành phi tức là chỗ danh dự.

Lý lão gia là tổ nội của Tế Xuyên. Ông là người đầu tiên lên tiếng với tư cách là gia trưởng.

Bài diễn văn của ông đã được chuẩn bị chu đáo và bấy giờ ông đọc lên với giọng trầm bổng nhịp nhàng.

Sau mỗi một câu, ông cẩn thận trích dẫn một câu danh ngôn của thánh hiền.

Thoạt tiên ông tăng hăng và khạc nhổ xuống nền gạch ẩm ướt. Sau đó ông đưa bàn tay với những móng để thật dài đã ngả sang màu vàng, vuốt chòm râu thưa. Chiếc áo dài vải màu xám của ông lổm đổm những thức ăn rơi rớt sau bữa ăn. Bàn tay kia, ông cầm một dục tẩu dài bằng tre đen sạm với năm tháng.

Ông lão họ Lý tiếp tục chạm rãi vuốt chòm râu bạc trong khi mọi người lắng nghe. Chỉ có cậu em út của Tế Xuyên là biểu lộ những cử chỉ nóng nảy. Cậu bực dọc, nhịp chân một cách nhẹ nhàng trên nền sạch. Cậu là người ông cụ cứng nhất nên mới có những cử động mà không ai dám có.

Riêng về Tế Xuyên thì thận trọng giữ dáng điệu thật đứng đắn. Cậu ngồi ở một ghế khiêm nhường gần cửa.

Lý lão gia lần lượt nhìn từng người một trong gia tộc. Ông cảm thấy thích thú khi thấy mọi người lắng lắng chờ đợi ông. Sau cùng ông mới nói. Ông không ngó ngay Tế Xuyên mà ông đang ngắm nhủ. Ông nhìn chăm chú những giọt mưa đang chảy từng giọt theo mái ngói xuống thềm đá. Ông đọc với giọng cao và run, mắt vẫn nhìn ra ngoài mưa:

— Con đã trở về giữa gia đình. Từ bốn tháng nay con sống trong tình trạng ăn không ngồi rồi. Con không tìm được một chức vụ mà tài học vẫn thu thập ở Tây phương, nhờ sự giúp đỡ của những người ở đây, có thể giúp con, cấp dưỡng chu đáo cho ông bà cha mẹ cũng như anh em của con... “Cổ nhân đã nói gì?” Một người con phải lóc thịt của chính mình cho cha mẹ ăn để sống. Con không làm điều đó. Con đã quên là mọi người, trong gia đình này đã khó nhọc trong việc chạy tiền để gởi con ra hải ngoại ăn học. Kìa, người anh họ của con chỉ có một cái quán nhỏ nhưng cũng gom góp tiền dành dụm được tất cả hai chục bạc để giúp con ăn học theo người phương Tây để về sau con có một chức vụ cao cả. Nó có quyền được con đền ơn đáp nghĩa. “Cổ nhân đã nói gì? Người con nào không nuôi gia đình mình, nhứt là ông bà, cha mẹ mình, người con đó còn kém hơn con chó!”

Ông cụ ngừng lại để tăng hăng. Trong thời gian đó, một người đàn ông béo mặc áo ngắn và quần vải đen, ngồi ở ghế danh dự thứ hai ở phía bên kia bàn, vội nói:

— Còn một việc cũng tai hại không kém là thằng con bất hiếu của con lại không chịu cưới người con gái mà nó đã hứa hôn từ thuở nhỏ. Đứa con gái đó đã sống với chúng ta từ ngày cha mẹ nó mất thật sớm. Thằng con tôi nói về các phong tục Tây phương. Chúng ta đâu có yêu cầu nó học những thứ đó! Lẽ ra thì nó phải học những sách nào, có thể giúp nó có một địa vị cao cả, nhiều tiền. Bây giờ, nó không cho chúng tôi có cháu nội, thằng khốn đó muốn chúng ta, ông bà, cha mẹ nó về chín tuổi mà không có ai lo cúng kiếng.

Tế Xuyên ngồi nghe những lời lẽ đó với sự kinh ngạc cực độ.

Cậu là thanh niên mảnh khảnh, mặt tái xanh, miệng nhỏ như miệng phụ

nữ. Cậu mặc một bộ âu phục màu xám nhạt mua ở Chicago.

Trên đường phố cậu có vẻ trang nhã và tự hài lòng khi vừa đi vừa quơ chiếc gậy, không buồn nhìn những kẻ chung quanh. Nhưng ở đây, giữa gian phòng tối tăm này, giữa những người lớn mặc áo dài, cậu chỉ là một cậu thanh niên không đáng kể, người nhỏ thó, ngực dẹp lép, tánh nhút nhát, cậu ngồi yên khẽ xoa hai bàn tay ở giữa hai đầu gối.

Cậu ngắm từng người một trong gia quyến của cậu. Ông nội cậu gật đầu tán thưởng những lời cha cậu trong lúc đôi mắt vẫn nhìn chăm chú ngoài mưa. Cha cậu mập tròn vì ăn uống quá nhiều. Chú cậu có gương mặt thon đầy vẻ ích kỷ, hai bàn tay luôn luôn cử động và hơi bần. Em cậu, một cậu bé trơ trẽn, luôn luôn nóng nảy, muốn được thả rong ngoài phố...

Trong một góc phòng mẹ cậu mặc áo vải xanh, ngồi trên ghế đẩu, lưng hơi gù. Bà lau mắt với chiếc khăn làm bếp cột trước ngực.

Sau bốn nhân vật kể trên, Tế Xuyên trông thấy nhiều người khác nữa, những anh em họ hà tiện vào háo ăn, một ông chú quạ quọ. Tất cả những người ấy tụ họp lại để chia nhau những quyền lợi mà cái vốn văn hóa thu thập được ở nước người có thể đem đến cho họ. Nhìn họ, Tế Xuyên hình dung những bàn tay - hay đúng hơn những móng nhọn sẵn sàng để tước đoạt những gì chàng có thể sản xuất.

Tế Xuyên nhận ra là người ta cho chàng đi học với lý do duy nhất, chàng là đứa bé thông minh nhất trong gia tộc. Người ta đã cho chàng đi học như là bỏ vốn vào một công việc làm ăn để nhờ vả khi về già.

Một nỗi bức điên rồ xâm chiếm tâm hồn chàng. Một dòng thác lũ danh từ dữ dội, táo bạo dồn lên cổ họng chàng. Tế Xuyên chờ vài phút, nghĩ rằng để cố giữ những lời lẽ không đẹp đó. Cố nhiên chàng biết sự vô hiệu của những lời lẽ mà chàng sắp nói ra. Chàng không hy vọng gia quyến chàng sẽ thông cảm những cao vọng của chàng. Vào lúc đó, cha mẹ có quyền tuyệt đối, kể cả quyền giết con, nếu muốn. Tế Xuyên không sợ chuyện đó, nhưng ý nghĩ đó nhắc nhở sự bất lực của chàng.

Tuy nhiên, một quá khứ tự chủ giúp Tế Xuyên đương đầu với nghịch cảnh trong giờ phút đó. Chàng đứng lên, nghiêng mình trước ông nội rồi cha và chú chàng. Sau cùng chàng chào mẹ chàng mà chàng biết là lúc nào

bà cũng thương yêu chàng nhưng không dám biểu lộ ra.

— Con xin chừa vị tha thứ cho con, con sẽ cố gắng trong tương lai để làm tròn bổn phận hơn.

Tế Xuyên cảm thấy một làn sóng phẫn nộ bốc lên trong người. Chàng cố gắng thật ôn tồn bước ra khỏi gian phòng, vượt qua sàn gạch với những bước cứng rắn.

Chàng xuống đường, mưa rơi đều đều, buồn thảm, không khí ẩm ướt giữa các bức tường cao chạy dài theo con đường hẹp tạo thành một sức lạnh giết người. Các con suối cạn tràn ngập những rác rến, cặn bã, nước nhờn đen và thối chạy lan trên mặt đường lát đá làm bẩn đôi giày vàng đánh thật bóng của chàng.

Tế Xuyên thốt lên một tiếng biểu lộ sự ghê tởm.

Tuần vừa qua chàng đã đến gặp ông Thị trưởng đề nghị lập một tổ chức vệ sinh coi sóc đường phố. Ông Thị trưởng ngọt ngào, khen chàng có những tư tưởng cấp tiến, nhưng không hứa hẹn điều gì. Đôi mắt buồn của chàng nhìn xuyên qua những giọt mưa rơi, những giọt mưa thật dài và thật thẳng, lòng nghĩ ngợi. Làm sao thành phố này, quê hương của chàng với những nhà lãnh đạo như thế có thể tiến bộ được. Chàng thấy bất lực trong việc đương đầu với chánh quyền.

Mưa rơi trên chiếc nón hợp thời trang của Tế Xuyên, nước mưa rỉ chảy dài theo rìa nón. Chiếc nón nỉ bị nước mưa thấm ướt sụp xuống trên đôi mắt chàng. Chàng bắt đầu thấy lạnh vì quần áo ướt dán chặt vào da thịt. Chàng vẫn bước đều, không ngừng.

Tế Xuyên không ngờ được cách đây sáu tháng, chàng có thể đứng trước diễn đàn của một trường đại học Mỹ, nhận lãnh cấp bằng tốt nghiệp. Người ta cũng đã tặng giải thưởng về bài luận triết lý so sánh Đông phương với Tây phương. Các giáo sư cho đó là một bài nghiên cứu xuất sắc. Lúc bấy giờ Tế Xuyên thật hãnh diện, thật là thỏa mãn. Một khi thi xong, chàng chỉ có một ước vọng: trở về quê hương, đem hết tài học giúp đỡ, phát triển xứ sở. Và chàng đã hồi hương, hân hoan gặp lại gia đình và sung sướng khi biết cha mẹ họ chàng hãnh diện vì chàng.

Nhưng ngay những ngày đầu, người ta đã nhào đến như một bầy quạ.

Đêm hội họp đầu tiên, cha chàng nói về tiền lương mà chàng phải đòi nhà trường trả, nếu chàng đi vào ngành dạy học.

Tế Xuyên do dự đáp:

— Trước hết, con muốn suy nghĩ xem có giúp ích xứ sở về những công việc gì. Nếu nhà trường...

Ông cụ nhìn thẳng vào mặt chàng, hai gò má đầy thịt xệ xuôi xuống, quát:

— Con chỉ nghĩ có con thôi. Cha đã già rồi, sắp sửa không còn hoạt động gì được nữa. Thời buổi này rất khó khăn. Cửa hàng không đủ trả tiền sở phí. Rồi còn phải lo cho thằng em của con nữa... Chú con bệnh hoạn không làm lụng được. Hơn nữa, còn có nhiều bà con họ hàng đã bỏ tiền ra cho con học... và họ chờ đợi con đền đáp lại ơn nghĩa của họ... Sau cùng, nhưng điều này rất quan trọng, đó là người vợ tương lai của con đang ở trong nhà này. Trong những năm con du học, cha mẹ nó mất. Mẹ con cần người lo lắng trông nom, trong khi nhà có dâu thì tội gì phải mượn người... Tất cả những người ở đây đều trông cậy nơi con, con là trưởng nam, quyền huynh thế phụ...

Tế Xuyên thay bối rối. Chàng không hề nghĩ tới những chuyện ấy. Chàng đã xa nhà quá lâu - tám năm trường! Chàng nghĩ tới cô gái áo quần xốc xếch, gương mặt ngu đần, đi tới đi lui trong nhà. Thoạt tiên chàng ngỡ là đứa ở. Nhưng đó lại là vợ chàng! Trời ơi! Nghĩ tới đó, chàng thấy buồn nôn! Tim chàng đập nhanh. Không bao giờ! Chàng lấy làm bất bình với cha về vấn đề này. Mọi người trong gia tộc đều cương quyết chèn ép chàng theo ý họ. Người ta nghiền nát sức chống cự của chàng. Điều chàng sợ nhất là thấy mình cúi mình dưới áp lực của gia đình. Chàng không tin là chàng đi đúng đường như trước nữa. Lý tưởng mà chàng ôm ấp khi bước xuống cầu thang chiếc tàu đưa chàng về nước đã thay đổi âm giai. Các lý thuyết cao đẹp của chàng mờ dần và bây giờ, dường như không xứng đáng để cố gắng tranh thủ.

Tế Xuyên cảm thấy cô đơn lạ lùng. Chàng có thể làm được những gì giữa bao nhiêu người không hề biết nghĩ về cuộc sống cao đẹp.

Tế Xuyên chợt thấy bùn dính trên đôi giày và hai ống quần. Chàng đã

hấp tấp ra đi, không áo choàng và cơn mưa cứ tiếp tục rơi khiến áo quần chàng ướt đẫm. Chàng cảm thấy nước giá lạnh chảy giữa hai vai.

Lưng trời một màu chì âm đạm. Những giọt mưa vẫn rơi không dứt.

Chàng rùng mình, tự hỏi không biết có một góc nhỏ nào ấm cúng trong thành phố hay chẳng? Gian phòng của chàng cũng sâu thẳm như các nơi khác trong nhà giữa lúc mưa dầm lê thê. Không khí ẩm ướt từ nền nhà gạch, từ vách tường thoát ra, và gian phòng nghèo khổ đó chàng lại phải chia đôi với cậu em. Tế Xuyên tức giận khi nhớ đến tánh tò mò của cậu em đã lục tung sách vở của chàng, để lại những dấu tay trên lề trắng.

Mới hôm qua đây, chàng thấy mất một trang trong quyển sách triết lý mà chàng chuộng hơn hết. Cậu em đã xé trang giấy để gói tiền mà cậu ta muốn nhét trong thắt lưng. Thành thử Tế Xuyên không thấy hài lòng về gian phòng của chàng.

Mắt vẫn nhìn màn mưa rơi đều, Tế Xuyên tự hỏi làm sao mình có thể sưởi ấm. Nếu có thể sưởi ấm, có lẽ chàng tìm được chút ít can đảm để tiếp tục theo đuổi mục đích. Chàng sợ nhứt là không đủ kháng cự, sợ phải cưới một người đàn bà ngu dốt và làm hỏng cả cuộc đời. Một mối lo ngại mới vụt lóe ra trong trí. Chàng kêu lên:

— Với một người mẹ ngu đần như thế, trong một ngôi nhà bê bối như thế. Con cái của mình sẽ ra sao? Mình có nên sanh ra những con người sau này tiếp tục nếp sống khổ sở của mình ngày hôm nay?

Tế Xuyên chưa nghĩ gì đến những đứa con như thế. Chàng có cảm tưởng như thấy chúng nó chắp hai bàn tay bé bỏng, cầu xin chàng đừng cho chúng nó ra đời. Từ đáy tâm hồn, Tế Xuyên hứa với chúng nó: Không! Tôi sẽ không bao giờ làm chuyện!

Một ngôi nhà cao đột nhiên dựng lên trước mặt Tế Xuyên. A! Đây là ngôi nhà của ông Hemingway, người thầy của chàng. Lúc đó chàng chỉ là một cậu bé con, học văn phạm với ông thầy này. Chàng còn giữ kỷ niệm về ông Hemingway. Lúc đó ông này là một người Mỹ trẻ, tử tế và trang nghiêm.

Chàng bước vào thăm thầy cũ. Có lẽ vô đó, chàng sẽ được sưởi ấm. Dù sao, chàng có thể nói chuyện với ông Hemingway, kể lại những khó khăn

đang gặp và xin được giúp đỡ, được an ủi.

Chàng bước lên tam cấp thềm nhà, nhận chuông, chờ đợi. Chàng kéo bầu áo lên, cho hai bàn tay vào túi áo cho đỡ lạnh. Dàn hoa leo theo tường co quắp lại dưới trận mưa to và mặt đất dẫm nước. Vài chiếc lá rơi cuốn tít xoay tròn, màu nâu và ướt đẫm.

Cánh cửa từ từ mở. Ông Hemingway bước ra. Ông đã già đi thật nhiều! Bây giờ ông là một người có tuổi, lưng gù và buồn.

Ông nhìn khách với vẻ do dự.

Tế Xuyên đưa bàn tay ra trước:

— Thầy không nhận ra con sao? Con là học trò của thầy lúc còn bé. Con đi du học ở nước ngoài mới về đây. Con đến thăm thầy.

Ông Hemingway ngập ngừng:

— Vậy sao...

Ông có rất nhiều học trò nên không nhớ Tế Xuyên.

— Mời cậu vào.

Tế Xuyên bước theo sau ông thầy cũ. Phòng ấm cúng lạ lùng, chiếc nôi nhỏ reo lên trong một góc phòng. Tế Xuyên đến gần đó. Quần áo chàng bốc khói. Ông Hemingway nhìn chàng chăm chú. Ông cạnh thị rất nặng.

— Trời! Cậu ướt như tắm!

Tế Xuyên nói:

— Chỉ ướt chút ít thôi.

Ông Hemingway lo ra:

— Phải!

Chồng bài vở phải sửa chất cao trên bàn, ông giáo già hy vọng sẽ được một buổi chiều yên tĩnh. Ông thấy khó chịu trong người, ông sợ bị cảm với trận mưa này. Ông muốn có một người phụ tá, nhưng tiền rất hiếm. Ông đang lúng túng trong vấn đề kiếm tiền để mướn một người từng du học ở Tây phương. Những người đó thường đòi lương rất cao, khó mà trả nổi.

Tế Xuyên ngồi xuống ghế, thật gần chiếc nôi con, đưa mắt nhìn chung quanh, gian phòng trống trải mà chàng thích. Sách nhiều quá! Và ấm cúng làm sao! Đúng là một góc lý tưởng cho chàng. Ông giáo Hemingway thật là một người sung sướng. Trong khuôn khổ như thế, rất dễ cho người ta tỏ ra

rộng rãi, hùng mạnh. Tế Xuyên cảm thấy sức nóng êm đềm xâm nhập da thịt chàng.

Chàng chưa vội tâm tình với ông giáo. Chàng chờ cơ hội xảy tới. Chàng đã chuẩn bị để mở lời.

Ông Hemingway đặt vài câu hỏi. Tế Xuyên lễ phép đáp về quê hương của ông thầy. Đó là một nước kỳ diệu, đáng ca ngợi. Ông Hemingway nói với giọng có hơi nghiêm khắc:

— Tôi hy vọng là cậu sẽ dùng sự học ở ngoại quốc để phục vụ cho xứ sở. Đất nước Trung Hoa đang cần cậu. Có nhiều người khốn khổ...

Tế Xuyên lắng nghe. Hai người đã đi vào đề. Chàng sẽ có thể bày tỏ những điều lo ngại và những ước vọng. Chàng thật sự mong muốn phục vụ đất nước, nhưng...

Ông Hemingway nói tiếp:

— Tôi hy vọng là thái độ của cậu sẽ khác với đa số thanh niên du học ở Anh, Mỹ hay Pháp trở về nước.

Giọng ông thầy có hơi cao hơn, ông nghĩ đến buổi chiều quý báu đang trôi qua và chồng bài chưa sửa bắt đầu làm ông lo nghĩ. Đầu ông hơi khó chịu. Nếu có được một phụ tá thì tốt biết mấy! Người ta bắt ông làm việc nhiều quá. Nhưng ngân quỹ chỉ có một số tiền quá ít.

Không đủ sức giảm được cơn bức mỗi lúc một tăng, ông thầy nói tiếp:

— Cái khổ của chúng ta là những người đi du học về thường nghĩ có tiền mà thôi. Họ chỉ kiếm có vấn đề đó. Họ muốn có chức vụ cao, nhưng không lãnh trách nhiệm, lại muốn lương nhiều. Trong khi đó thì những công việc khó khăn đang cần người thì lại không ai nghĩ tới. Không có một người nào trong số du học sinh tỏ ra can đảm hay sao? Tôi phải thú nhận với ông - Ông Lý - là các du học sinh Trung Hoa ở ngoại quốc về đã làm cho tôi thất vọng.

Gian phòng rất yên tĩnh. Mắt ông giáo vô tình nhìn lên chiếc đồng hồ treo trên tường, tay ông cầm con dao rọc giấy đặt trên bàn. Ông là một người can đảm đã từng chịu đựng. Ông không chịu nghỉ, sau tám năm liên tục vì không có ai thay thế, ông vừa mệt mỏi và chán nản. Lại nữa, là nhà giáo tận tâm với thiên chức, luôn luôn ông làm việc với các phương tiện thiếu thốn...

cho nên về lâu ông kiệt sức...

Mưa vẫn rơi rơi đều đều lên kính nghe buồn, một bầu không khí căng thẳng dần dần xâm chiếm căn phòng. Ông giáo Hemingway nghĩ đến những thất vọng của ông mà chàng thanh niên Trung Hoa ăn mặc theo thời trang Tây phương là hiện thân. Tế Xuyên bỗng có cảm tưởng là mình bất ngờ trở về nhà, giữa những người tàn nhẫn tụ tập trong một phòng tồi tàn. Sự hiểu lầm chia cách hai người, làm tim họ giá lạnh, gian phòng mất vẻ ấm cúng.

Tế Xuyên đứng lên cáo biệt. Chàng đang đứng trước một ông thầy cũ mà chàng kính trọng. Chàng không thể quên rằng mình cũng có giáo dục, cũng biết lễ phép.

— Tôi rất náo lòng khi chúng tôi, những người đi học ở ngoại quốc về làm thầy thất vọng, tôi xin chào thầy.

Chàng nói một cách trịnh trọng rồi trở xuống đường.

Thế rồi trong một phút yếu đuối bất ngờ, một tiếng nấc chặn ngang cổ. Tế Xuyên nhìn thẳng tới trước để ngăn các giọt lệ, chàng bước đi, không bận tâm đến giòng nước bùn đen thấm đôi giày chàng.

Trời mưa lai dai! Bao nhiêu ấm áp mà chàng hưởng được trong nhà ông thầy cũ tan biến nhanh chóng. Chán nản và thối chí xâm chiếm tâm hồn chàng.

Đi đâu bây giờ đây? Chỉ có cách là trở về nhà. Đó là chỗ tá túc duy nhất. Nhưng về đó là phải đầu lụy. Và chịu đón nhận một cuộc sống không thể chịu được! Chàng sẽ phải hy sinh cá nhân mình cũng như bao người đã làm và bao nhiêu kẻ khác sẽ làm trong mảnh đất cổ hủ này. Chàng sẽ phải từ bỏ những mộng đẹp, đập nát tất cả những ước vọng của chính mình. Chàng sẽ cưới vợ. Luật lệ bắt buộc chàng phải cưới vợ - luật lệ ngàn đời cũ kỹ, vô địch, chưa bị ai bẻ gãy hay đẩy qua một bên. Chàng nghĩ đến vẻ mặt cầu nhàu của cô dâu, đến mớ tóc không chải của cô ta, cô nàng chỉ là một con tó mướn với giá rẻ.

Hình ảnh một số gương mặt xinh đẹp vui vẻ hiện ra một cách tàn nhẫn trong trí Tế Xuyên, gương mặt của những cô gái cùng học với chàng ở trường Đại học bên Mỹ. Ở đó người ta cưới vợ một cách tự do. Đàn bà con gái có quyền lấy chồng theo sở thích.

Tế Xuyên nghĩ đến các bạn trẻ, những bạn học cũ. Những người đó cũng được tự do để chọn vợ trong đám nữ sinh trẻ đẹp.

Nhưng chàng không có một sự giúp đỡ nào để hy vọng về khía cạnh đó. Nghĩ đến họ thật là vô ích.

Tâm hồn xao động, Tế Xuyên nhìn bên mặt, bên trái, chàng thấy các dãy nhà tối tăm chồng chất lên nhau dưới cơn mưa lạnh giá và dai dẳng. Chàng muốn chạy trốn, thoát khỏi hoàn cảnh hiện nay. Nhưng chàng không có phương tiện. Nếu có thể trốn tới Thiên Tân hay Thượng Hải, chàng sẽ tìm được việc làm và sẽ sống độc lập. Nhưng không bao giờ chàng có thể tự giải phóng, Tế Xuyên chưa chát nhận ra điều đó. Gia đình vẫn chờ đợi - dù chàng trốn ở đâu - và đòi chàng phải trở về. Và sau rốt chàng có thể tự giải phóng cho chính mình? Chàng có thể chịu đựng với cảnh bị loại ra khỏi gia tộc? Một người con trưởng nam không thể hèn hạ đến mức đó? Ít ra cũng phải giữ lấy đức tính tự trọng.

Bấy giờ các con đường trở nên vắng vẻ. Vài gã hành khất kéo lê những bước chân âm thầm, mình mẩy ướt đẫm nước mưa.

Một người đàn bà đi ngang qua Tế Xuyên. Bà hấp tấp đi mua nước nóng, tay xách ấm nước, đầu đội chiếc khăn choàng làm bếp, miệng cắn hai chéo khăn để che mưa. Một cậu bé từ trường trở về nhà dưới một cây dù to tướng lợp bằng giấy dầu.

Tháng mười một, ngày ngán mau tối. Trời vẫn tiếp tục mưa. Không bao lâu, đêm xuống. Tế Xuyên bị bắt buộc phải tiến về một nơi nào đó, vì chàng ướt đẫm và lạnh thấu xương. Cố nhiên là chàng chỉ có nước trở về nhà. Nhưng trở về là đâu hàng.

Sau cùng không còn một giải pháp nào khác để nghĩ ngợi, chàng quay bước trở về nhà. Chàng thấy những năm sắp tới diễn qua trước mặt, những năm tối tăm - tuy chàng vẫn làm việc.

Nhưng những năm sau đó vẫn đem lại một cảm giác trống rỗng nội tâm, chàng có cảm tưởng như thấy ảo ảnh kỳ dị, lâm li, khi mấy đứa con chàng chấp tay cầu khẩn xin không phải sanh ra trên cõi đời đáng chán này. Và trong khoảnh khắc một tia chớp, Tế Xuyên hiểu rõ chàng phải làm gì để giúp cho chúng nó toại nguyện. Chàng vụt đứng lại và nhìn chăm chú qua

màn mưa, mặt chàng thoảng một nụ cười. Quả thật là chàng dần độn trong suốt ngày mưa dầm hôm nay! Chàng ghé vào một hiệu thuốc ở góc đường hỏi mua với giọng thật nhỏ. Người bán thuốc nhỏ thó cẩn thận nghiêng đầu tới trước. Tế Xuyên lặp lại thật khẽ:

— Ba viên thuốc phiện.

Y gói nhanh ba viên thuốc phiện vào một mảnh giấy nâu, đưa cho Tế Xuyên rồi nhận tiền.

Tế Xuyên trở về nhà, trán ngẩng lên cao, không màng đến những giọt mưa chảy trên mặt... Chàng lấy làm ngạc nhiên không có ý định đó sớm hơn. Chàng khẽ cười, những năm dài ở hải ngoại trở nên vô ích, cũng như số tiền chi cho cuộc học hành. Trong giờ phút nguy biến này, không có lời dạy nào của các giáo sư Mỹ hướng dẫn chàng. Không có một ông giáo sư nào dạy chàng về nghệ thuật sống. Nhờ sự giúp đỡ của họ chàng đã soạn thảo được bài tham luận xuất sắc, gói trong lụa, cất kỹ dưới đáy rương chung với các mảnh băng và một vài món mà chàng chỉ dùng trong lúc đó. Nhưng bấy giờ thì chàng phải hy sinh để chống lại một thế giới đảo lộn.

Chàng đi vào sân nhà, gian nhà bếp nằm bên trái cổng vào. Cánh cửa mở rộng và ngọn lửa trong lò chiếu sáng gương mặt dần độn và gắt gỏng của cô gái. Nàng đang dầy củ khô vào bếp.

Tế Xuyên khẽ rùng mình, cắn môi. Chàng đã có một quyết định sáng suốt. Gian phòng trống trải khi chàng bước vào. Trên bàn có một bình trà và hai chén, bình trà lạnh ngắt, tất cả đều lạnh. Tế Xuyên đâm bực, và cơn mưa giá lạnh khốn kiếp ấy cứ kéo dài không dứt!

Chàng rót trà vào chén, cọ rửa rồi hắt nước xuống đất, đặt các viên thuốc vào đáy chén, chế trà thật cẩn thận. Chỉ cần một chút xíu nước cho ba viên thuốc. Chàng nuốt cả nước lẫn thuốc và uống thêm một ngụm trà nguội.

Chàng bước vào phòng riêng. Gian phòng chìm trong bóng tối. Chàng may mắn được ở một mình trong đó, cậu em chưa trở về.

Tế Xuyên đi về chiếc giường của chàng, cởi đôi giày và chiếc áo ngoài dầm ướt. Rồi không buồn cởi quần áo còn lại trên người, chàng nằm xuống, quay vô vách, kéo chăn lên tới vai, rùng mình nhắm mắt cố ngủ.

Trên mái ngói, ngay trên đầu chàng, mưa vẫn rơi đều đều như những lời

thì thăm dõ dành an ủi.

Ngày lạnh lẽ lướt nhẹ vào đêm...

VÌ MỘT BÔNG HỒNG (THE QUARREL)

Người đàn ông cúi kính nhìn đám đông tụ tập trên con đường làng trước nhà anh. Họ là những người láng giềng, độ bốn mươi người, vừa đàn ông đàn bà, trịnh trọng lắng nghe hai vợ chồng anh cãi lộn. Trẻ con mình trần dưới sức nóng mùa hè chen qua chân người lớn để chui vào giữa nơi hai vợ chồng anh đang đứng để nghe thấy tất cả không sót một tí gì.

Người đàn ông không nhìn vợ đang khóc. Anh nghiêng đầu về một bên với nỗi bực dọc và trông thấy con của anh trong đám đông trẻ nhỏ vừa chen vào giữa. Đứa con của anh độ tám hay chín tuổi. Rồi hai đứa em của nó cũng bắt chước đi theo để xem cãi lộn. Khi lọt vào giữa, ba đứa trẻ ngơ ngác nhìn cha mẹ chúng.

Bỗng người đàn ông không chịu đựng được.

Trong mấy ngày qua, anh đã bị bắt buộc phải nghe những tiếng khóc, những tiếng cắn nhả, những lời bóng gió xa xôi. Anh gầm lên một tiếng, nhào tới chụp thẳng con thứ ba, vừa tát vừa hét.

— Vô trong nhà, đồ chó!

Cậu bé ré lên khóc, đưa tay lên xoa chiếc đầu trọc, đứng ỳ ra đó tiếp tục khóc, tin chắc rằng là đám đông sẽ có cảm tình với nó.

Đang khóc thầm, người vợ liền hét to lên, hết nhìn người này đến nhìn người kia để phân bua:

— Đó bà con thấy không, ngày nay chồng tôi thay đổi tánh tình như vậy đó.

Đám đông im lặng trở mắt nhìn người đàn ông. Họ đã nghe hết tất cả từ lời tố cáo của người vợ đến câu trả lời của người chồng và sự im lặng của hai vợ chồng. Đám đông không hài lòng về thái độ của người chồng. Chính người đàn ông cũng nhận thấy điều đó. Y nhìn xuống hai bàn chân chai

cứng, cho ngón cái quẹt tới quẹt lui trên mặt đất. Bụi đất khiến anh nhớ đến cánh đồng khô hạn đang chờ anh tưới nước. Anh lẩm bẩm:

— Mình còn biết bao nhiêu công việc cần phải làm, nhưng mình bị kẹt ở đây phí cả một buổi chiều.

Ý nghĩ đó sục sôi trong lòng anh trong một lúc, bỗng mặt anh đỏ bừng lên và mạch máu căng lên đen sậm trên thái dương. Anh ngẩng đầu lên nhìn vợ với vẻ giận dữ, quát to:

— Đồ chó. Mà muốn gì chứ? Nói trắng cho tao biết rồi để cho tao ra đồng? Ở đây riết, làm sao tao kiếm tiền nuôi hết cả đám chúng bây!

Người vợ lại rên rỉ:

— Đó, bà con thấy ngày nay nó biến đổi như thế nào. Nó nói chuyện với tôi như vậy đó. Cách đây hai tháng, nó là người đàn ông hiền lành nhưt. Các chị em thường nghe tôi cảm ơn trời Phật đã ban cho tôi một người chồng gương mẫu. Luôn luôn kiếm được đồng nào, nó đưa hết cho tôi đồng đó rồi nó xin tiền tôi đi hớt tóc trước ngày có tiệc tùng, hoặc đánh bài, hoặc mua thuốc hút như một đứa con nít. Và tôi rất vui vẻ cho nó những đòi hỏi đó. Còn bây giờ thì khác. Trong hai tháng nay, nó không đưa cho tôi đồng xu nào, mặc dầu nó bán gạo rất được giá mà nó cũng không cho tôi biết là nó thu được bao nhiêu.

Người vợ khóc to lên, gương mặt nhăn nheo nhỏ bé đen xạm đầm đìa nước mắt. Chị kéo chiếc khăn choàng trước ngực lên che đầu, tiếp tục khóc.

Đám đông chung quanh vẫn im lặng và mấy đứa bé mở tròn xoe đôi mắt ra nhìn. Hai đứa nhỏ của người đàn ông đến sát bên mẹ, úp mặt vào chiếc quần dài xanh rộng ống của mẹ chúng, òa lên khóc nức nở.

Trong không khí im lặng hòa tiếng khóc đó, người đàn ông vô tình liếc về một cánh cửa ở bên đường.

Một người con gái mặc áo dài xanh, như các phụ nữ ở chợ thường mặc lúc bấy giờ, có mái tóc cắt ngắn sát gáy. Nàng có một gương mặt xinh xinh, tinh quái. Nàng hơi mỉm cười khi lơ đãng tựa người vào khuôn cửa lắng nghe cuộc cãi vã. Khi bắt gặp cái nhìn trộm của người đàn ông, nàng lấy chiếc lược trên mái tóc chải lên mớ tóc xòa xuống trán, chằm mi lông mày vẽ đậm. Nhưng người đàn ông cúi mặt nhìn xuống. Mặt y trở nên tái hơn. Y

nói với giọng nghẹn lại:

— Tao không hiểu tại sao lúc nào mà cũng đòi tiền. Trong nhà có gạo, có bột, có dầu, ngoài vườn có cải bắp...

Người vợ kéo chiếc khăn trên mặt xuống, ngả về phía người chồng, hai mắt ráo nước mắt vì cơn giận bốc lên.

Chị chống hai bàn tay nhăn nheo lên hai bên hông ồm teo, ngả thân hình gầy gò tới trước, hét the thé:

— Còn vấn đề mặc nữa chứ! Mấy đứa nhỏ không còn giày để mang. Bà con ơi, ngó tôi mà xem. Ngó chiếc áo chấm vá mà tôi đang mặc đây. Chừng nào tôi mới có được một tấm áo mới? Cách đây ba năm chồng tôi đánh bài ăn mười đồng bạc. Nó mua cho tôi hai cây vải trắng, loại thật thô, thật rẻ. Tôi đem đi nhuộm xanh, cắt cho nó hai bộ quần áo, cho tôi một bộ, cho thằng lớn nhứt một bộ. Đến ngày nay tôi cũng còn mặc, chấm vá không biết bao nhiêu lần. Bây giờ thì không thể chấm được nữa.

Tôi cũng không có giày. Chân tôi bị bó làm sao tôi đi chân không như mấy đứa nhỏ. Sáng hôm nay, tôi hỏi xin một ít tiền mua giày. Nó nói thế nào bà con có biết không? Nó chỉ chửi bới chớ không cho gì. Nó còn giận hờn không chịu về nhà hồi trưa này. Nó vô quán ăn uống trong khi bỏ phí bữa cơm tôi dọn cho nó ở nhà. Vậy mà nó nói nó không có tiền!

Cơn bực khiến chị òa ra khóc nữa.

— Đâu phải tôi đòi tiền để mua sắm áo dài như các cô các bà mặc trong những ngày này. Tôi biết là nó có tiền để mua áo dài cho một người đàn bà nào đó, chớ không phải cho tôi.

Lúc bấy giờ gương mặt người đàn ông có vẻ ghê gớm. Anh nhảy tới đưa cánh tay lên, toan đấm người vợ, nhưng từ trong đám đông nhiều người bước ra bắt cánh tay của y lại. Vài người đàn bà cũng kéo người vợ ra.

Một người đàn ông ôn tồn nói:

— Nên nhớ người này là vợ anh và là mẹ của mấy đứa con anh.

Người vợ được dịp rên rỉ:

— Tôi đã sanh cho nó mấy đứa con trai.

Ngay lúc đó có tiếng dùi dằng vang lên, tiếng của một bà lão chống gậy đứng bên ngoài đám đông.

Bà lão nói:

— Hai đứa bây không còn trẻ dại. Nay Lý, mày đã bốn mươi lăm tuổi rồi. Tao biết rõ vì lúc mẹ mày sanh mày, có tao ở đó. Vợ mày năm nay cũng bốn mươi tư.

Tao biết rõ vì tao có đi dự đám cưới và rước dâu. Hai đứa bây đã ăn ở với nhau hăm tám năm. Con vợ mày sanh mười hai lần, nhưng chỉ còn có bảy đứa.

Thằng trưởng nam của mày, nếu còn sống cũng được hăm bảy tuổi. Và bây cũng có thể là ông nội, bà nội. Đứa con nhỏ nhất của bây mới lên ba. Hãy nghĩ đến những điều đó và những năm bây sống chung với nhau mà nên giải hòa ngay bây giờ đi.

Bà lão là người lớn tuổi nhất trong ấp và là mẹ của người giàu nhất trong làng. Ai cũng kính trọng và nghe lời bà.

Sau khi bà nói dứt lời, người vợ quay về phía bà, nói:

— Bà cụ dư biết tôi thường khen chồng tôi là người hiền lành nhất, tử tế nhất. Nhưng cách đây hai tháng, nó vụt đổi tánh.

Chị đảo mắt nhìn ông chồng. Đám đông cũng chăm chú nhìn y.

Người đàn ông lại cúi gằm đầu xuống, cổ y dần dần đỏ.

Người vợ nói tiếp:

— Bà cụ xem kìa. Nó là người hiền lành mà bây giờ nó quạu như chó. Hễ ra ngoài thì nó cười cợt vui vẻ với mọi người, nhưng về nhà thì nó quặm lại, nín thinh. Không một lời nào vui tươi, dễ chịu. Hễ mở miệng thì chê tôi thông biết chải tóc, áo không được sạch hoặc tìm chuyện này chuyện kia để rầy. Mà tôi thì vốn vẹn có chiếc áo này. Làm sao tôi có thể sạch được luôn luôn chớ? Còn công việc trong nhà, còn mấy đứa nhỏ, rồi còn công việc ngoài đồng. Làm sao tôi có thể ngồi không đánh phẩn, xúc dầu như một vài người đàn bà khác!

Người chồng không thể chịu đựng được nữa. Anh ngẩng đầu lên, gắt:

— Tao hỏi mày, mày muốn cái gì? Chuyện không đáng mà mày làm rùm beng lên. Mày muốn cái gì chớ?

Người vợ nóng nảy lặp lại:

— Tao muốn cái gì hả? Tao chỉ muốn có một điều. Tao muốn mày ăn ở

với tao như trước đây hai tháng. Tao chỉ muốn có bao nhiêu đó thôi.

Đám đông dường như không còn ở đó nữa. Chỉ còn có hai vợ chồng đang sôi nổi gây gổ với nhau, bất chấp mọi người chung quanh.

Chị đưa hai bàn tay chai cứng với móng tay đen kêu lên:

— Tôi chỉ muốn được như ngày trước...

Đám đông thở dài, khó chịu.

Người đàn ông liếm môi hai ba lần thật nhanh và từ mái tóc đen hai hàng mồ hôi chảy dài xuống má. Anh lại liếc về phía cánh cửa, nơi bóng dáng thiếu nữ mặc áo xanh nhạt tựa người trong ánh chiều tà. Anh không nhìn lên gương mặt của nàng. Nhưng anh biết thật rõ gương mặt của nàng như thế nào. Anh biết rõ làn da trắng xanh, đôi môi đầy đỏ thắm, luôn luôn mỉm cười, đôi mắt đen không hề biết sợ, không hề ngó xuống hay quay đi khi anh nhìn nàng. Chính cách nhìn của nàng đã làm cho anh đắm say mỗi khi đi ngang qua. Anh thường đi ngang qua để tìm cái nhìn đó mặc dầu anh không hề nói một lời nào vái nàng.

Làm sao anh có thể nói được khi nàng là cháu của người giàu nứt trong ấp, còn anh thì chỉ là một gã nông dân không có một mảnh đất cặm dùi. Trong hai tháng qua, anh đã phải dành dụm để sắm một chiếc áo xanh như nhiều người thường mặc và một vớ trắng với một đôi giày trắng sản xuất ở chợ.

Khi nghĩ đến số tiền dành dụm khó nhọc đó, anh đâm bực với bà vợ hay khóc lóc cắn nhần. Trong bao nhiêu năm qua, anh là người chồng trung thành với vợ. Anh đã bốn mươi lăm tuổi rồi mà chưa hề biết hưởng lạc thú ở đời. Chưa bao giờ anh bước vào những nơi buôn hương bán phấn mà một kẻ nghèo cũng có thể vào đó mua vui với một đồng bạc thôi. Ngày lại ngày, anh chăm lo cày cấy cho vợ, cho con. Và đến nay khi đã bốn mươi lăm tuổi đời, anh chỉ có mỗi một chiếc áo cũ kỹ dính trong người, không còn một món gì khác, trừ những bộ áo rách chấm vá để mặc khi làm lụng.

Nhưng có một điều làm anh thắc mắc. Đôi mắt mở to và mơn trớn của người thiếu nữ kia chỉ dành riêng cho anh hay cho tất cả mọi người đàn ông? Chính điều đó đã làm anh băng khuâng cả ngày lẫn đêm trong thời gian qua.

Mỗi khi đi ngang qua cửa nhà nàng, anh thường liếc nhìn nàng và lần nào nàng cũng nhìn anh, nhìn thật tự do và táo bạo. Anh có nghe người ta nói với nhau là ngày nay đàn bà thay đổi ghê lắm. Họ không sợ đàn ông, muốn ai thì chọn người đó, tự do quyền rũ...

Anh lại liếc môi, mồ hôi chảy dài xuống cổ. Làm sao biết được là nàng nhìn riêng một mình anh hay là nhìn tất cả mọi người? Nhứt định anh phải tìm hiểu sự thật.

Người vợ làm nhảm từng cơn:

— Tôi muốn hai vợ chồng ăn ở với nhau như trước...

Chị vét một góc khăn lên lau nước mắt. Chị hết giận, trong lòng chỉ còn lại sự lo ngại.

Người chồng vụt nhìn lên cánh cửa mở rộng, anh muốn biết sự thật.

Khi đám đông thấy anh nhìn lên, họ cũng ngẩng đầu lên nhìn theo.

Cô gái đứng ngay khung cửa bện lo trang điểm. Nàng cầm chiếc lược xương trắng, đưa cao cánh tay xinh đẹp lên, nàng chải mớ tóc đen óng ánh về phía sau vành tai nhỏ bé, trắng xanh, có đeo hai hoa tai vàng. Mấy người đàn bà nhìn cô gái với vẻ thù nghịch. “Đàn bà con gái mà mặc áo dài như đàn ông”! Vài người đàn bà vụt lên tiếng bình phẩm.

Nhưng đám đàn ông nhìn cô gái, im lặng và trầm trồ.

Bấy giờ bà cụ đứng bên ngoài đám đông cũng tò mò nhìn theo. Cô gái mà mọi người đang nhìn, chính là cháu kêu bà bằng bà cố. Cô bé này ở chợ và được cha mẹ nuông chiều. Đã nhiều lần bà đã rầy người con trai vì quá nuông chiều để con bé hư hỏng không xứng đáng cho đàn ông đi nói. Bà thương hại cho người chồng tương lai của con bé. Hôm nay, bà cụ nhìn cô bé chăm chú hơn. Và, đây là lần đầu tiên bà cụ trông thấy gương mặt xinh xinh nhưng đầy vẻ tinh quái đang nhìn một người nào đó trong đám đông. Đôi má nhìn nheo đỏ rực lên, bà cụ nặng nề bước về phía cửa, nện mạnh đầu gậy xuống các tảng đá trên đường, ngó theo hướng cô bé đang nhìn. Cô bé đang phóng tầm mắt về phía chàng thanh niên la cà trước cửa.

Thoạt tiên, cậu này nhập vào đám đông để nghe cãi lộn. Nhưng sau đó, cậu quay lại nhìn cô gái. Đôi mắt cậu có vẻ ngốc nghếch và xấu hổ, một chút nước miếng chảy dài ở khóe miệng.

Bà cụ đập mạnh chiếc gậy lên đá. Bà biết cậu thanh niên đó. Hẳn là con của ông chủ quán, không có một tấc đất và chỉ là một hạng làm công lật vật.

Bà kêu kêu giọng the thé đầy vẻ giận dữ và oai quyền khiến cô bé quay lại.

— Đi vô trong nhà? Đồ hư thân mất nết.

Cò bé bĩu môi chưa chịu vô.

Bà cụ lại hét lên, quơ gậy một cách dễ sợ:

— Tao bảo đi vô trong nhà! Nghe chưa?

Cô gái bước thật nhanh vào trong. Nhưng bàn tay của nàng đặt trên đà ngang cánh cửa, bàn tay thon nhỏ, trắng xanh với chiếc nhẫn vàng ở áp ngón út. Bà cụ tiến tới, quất mạnh vào bàn tay đó. Cô gái đành rút tay vào.

Bà cụ kêu lên:

— Tôi chưa hề thấy một con bé như thế. Đứng trước cửa nhìn bất cứ người đàn ông nào đi qua trước nhà. Mà nó đã có người đi hỏi rồi chớ đâu phải còn con nít! Người ta bảo tất cả con gái bây giờ đều như thế, thật tôi không biết đâu mà rờ!

Đám đông không còn háo hức, tò mò nữa. Người vợ khẽ cười, có hơi thấy dễ chịu. Mấy người đàn bà cũng bớt cái kính, còn mấy người đàn ông nhìn lên trời hoặc nhìn ra đồng, hoặc nhổ nước miếng xuống đất.

Một đứa trẻ khóc, đám đông tản ra, sẵn sàng để giải tán. Chỉ có cậu thanh niên con ông chủ quán là còn tần ngần đứng đó, nhìn về cánh cửa không người, như bị thôi miên.

Nhưng không phải chỉ có một mình cậu đã thấy ánh mắt rực rỡ của cô gái. Người đàn ông cũng đã trông thấy, và người vợ của y cũng đã trông thấy. Mặt người chồng không còn một chút máu. Gương mặt đó trở nên vàng như một chiếc lá khô. Anh đứng nhìn xuống đất. Bây giờ anh đã biết.

Nhưng bà cụ vẫn không chịu thôi. Bà chột hiểu tất cả. Bà quay trở lại, quơ chiếc gậy về phía người đàn ông:

— Cậu Lý. Cậu là một thằng điên. Hãy ra đồng, nhưng trước hết phải đưa số tiền cậu cất giấu trong mình cho vợ cậu.

Từ từ, người chồng moi trong thắt lưng, lấy ra bốn đồng bạc. Anh không quay mặt lại, cầm tiền trong bàn tay đưa ra xa, cho đến khi các ngón tay của

anh chạm vào lòng bàn tay khô cứng của vợ. Anh buông rơi mấy đồng bạc vào đó và cũng buông rơi tất cả mộng đẹp của anh.

Anh vươn người lên, nhìn đám đông đang giải tán, gương mặt hơi tái nhưng thanh thản. Anh nói với giọng hơi gay gắt như thường lệ:

— Tôi không hiểu tại sao vợ tôi lại kiếm chuyện gây gổ như thế này. Nó chỉ cần bảo nó cần tiền để làm gì. Và như nó đã nói, bao giờ tôi cũng đưa hết tất cả cho nó.

Anh cúi xuống lượm chiếc cuốc giấy cỏ mà anh đã ném khi có người gọi trước đó, vác lên vai, và không nhìn ra sau, trở lại cuộc đời bình thường của anh.